

BÁCH KHOA

24

I THÁNG I - 1958

Trong số này :

- | | |
|---|--|
| HUỖNH-VAN-LANG | Chế độ kiêm sát hốt đoái |
| HOÀNG-MINH-TUYNH | Chế độ dân chủ cổ điển
Hiệp-chủng-quốc Mỹ-Châu - IV |
| PHẠM-DUY-LÂN | Chiến tranh tương lai |
| PHAN KHOANG | <u>Đức dục và công dân giáo dục</u> |
| PHẠM-HOÀN-MĨ | Nhà Thue không phải là
một đời của Việt ? |
| G. PAPINI
(do VŨ-KỶ dịch) | Kỷ lực của một người lên |
| NGUYỄN-ANH-LINH | Tiêu chuẩn về sức khỏe |
| Từ-Quyên | Khảo về kiến trúc đình |
| ĐẶNG-VĂN-NHÂM | Việt Nam |
| ĐÔNG-XUYỀN | Đề (thơ) |
| BÌNH-NGUYỄN-LỘC | Thủ tính và khai |
| HỮU-CHU | Trung-Hoa lịch sử |
| LÂM-NGŨ-ĐUỜNG
(do Vi-Huyền-Đặc dịch) | Khởi lửa Kinh thành |

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " *Eau de Vie cu* " 40° và 50°
— Rượu Tàu " *Lào-Mạnh-Tiểu* "
— Rượu Tàu " *Tích-Thợ-Tiểu* "

SI-RÔ " *Verigoud* " :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm " *Distarome* "

DISTILLERIES ***de L'INDOCHINE***



**NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :**

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



Đi **PARIS** hoặc **HONGKONG**

bằng phi-cơ «**SUPER G**»



SAIGON - PARIS

(chuyến bay «**THANH-LONG**»)

cát cánh 20g30 mỗi thứ sáu

SAIGON - HONGKONG

bằng D.C. 4 AIR - VIETNAM

7g15 mỗi thứ bảy

chung với AIR - FRANCE

bằng SUPER - CONSTELLATION

8g30 mỗi thứ ba

và thứ năm



Xin hỏi: **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. 22.446 - 47, 21.624 - 25 - 26

De SAIGON, avec le
Super G
d'AIR FRANCE
vous pouvez aller à



AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

12, Đại-lô Thống-Nhất
SAIGON

Tél : 20.981 à 20.984

DÀNH CHO CÔNG TY

S. I. D. E. R. C. D.

_____v à_____

S. U. F D

18, bến Bạch-Đằng — SAIGON

B Á C H K H O A

S Ó Đ Ặ C B I Ệ T 1 5 - 1 - 5 8

với những thiên khảo luận công phu:

✧ *Một chính sách hối đoái ở Việt-Nam.* ✧ *Thống điệp Đức Giáo Hoàng về « Giáo Hội trầm lặng ».* ✧ *Tự Lực Văn Đoàn.* ✧ *Syrie, bài học lịch sử về kỹ thuật cướp chính quyền của Cộng Sản.* ✧ *Một văn thể chưa phát đạt ở nước nhà: văn thể hùng vĩ.* ✧ *Hồ-Quí-Lý.* ✧ *Nguồn gốc loài người.* ✧ *Bà Phan-Bội-Cháu.* ✧ *Luật bành trướng của thân thể trẻ em.* ✧ *Âm nhạc Việt-Nam* ✧ *Con chó, theo quan niệm ta trong văn thơ...*

với những sáng tác văn nghệ đặc sắc:

✧ *Lá thư xuân.* ✧ *Mưa đêm cuối năm.* ✧ *Hội trăm hoa.* ✧ *Trường hận ca.* ✧ *Thi sĩ vốn xưa kia là gió.* ✧ *Ba con cáo.* ✧ *Khâu đứt chuột.* ✧ *Khói lửa kinh thành...*

sẽ là bông hoa văn nghệ nhiều hương sắc

nhất trong Vườn Xuân Mậu Tuất.

Đ Ó N C O I

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA SỔ ĐẶC BIỆT

kỷ niệm đệ nhất chu niên

Phát hành ngày 15 - 1 - 1958.

SỔ đặc biệt, dài 150 trang, gồm những thiên khảo luận giá trị, những sáng tác văn nghệ đặc sắc của các cây bút quen thuộc:

Nguyễn-văn-Ba

Hu-Chu

Vi-huyền-Độc

Nguyễn-Đông

Trần-Hà

Phạm-hoàng-Hộ

Nguyễn-Hóa

Quang-Huân

Trần-văn-Khê

Huỳnh-văn-Lang

Nguyễn-hiến-Lê

Hoàng-ngọc-Liên

Cô-Liêu

Nguyễn-anh-Linh

Bình-nguyên-Lộc

Phạm-hoàn-Mĩ

Nguyễn-ngọc-Ngư

Thơai-Nguyên

Võ-Phiến

Thuần-Phong

Nguyễn-Phúc

Văn-Quang

Lê-văn-Siêu

Phạm-Tăng

Hoàng-minh-Tuynh

Phan-lạc-Tuyên

Phạm-ngọc-Thảo

Mặc-Thu

Nguyễn-văn-Trung

Lê-Văn...

Bìa ba màu do họa sĩ Phạm-Tăng trình bày và minh họa. Sổ đặc biệt sẽ đánh dấu một nỗ lực mới của Bách-Khoa cải tiến về cả nội dung lẫn hình-thức, để đáp lại thỉnh tình của các bạn độc thân mến bốn phương đã ủng hộ và khuyến khích Bách-Khoa trong một năm qua.

KỶ NIỆM ĐỆ NHẤT CHU NIÊN

BÁCH KHOA

Số 25 - 26 ★ 15-1-58



B Á C H - K H O A

Trong số này :

- HUỖNH-VĂN-LANG Chế độ kiểm sát hối đoái.
- HOÀNG-MINH-TUYNH Chế độ dân chủ cò điền .
Hiệp-chúng-quốc Mỹ-Châu - IV :
- PHẠM-DUY-LÂN Chiến tranh tương lai.
- PHAN-KHOANG Đức dục và công dân giáo dục.
- PHẠM-HOÀN-MĨ Nhà Thục không phải là
một đời vua Việt ?
- G. PAPINI
(do VỮ-KÝ dịch) Ký ức của một người điên.
- NGUYỄN-ANH-LINH Tiêu chuẩn về sức khỏe.
- Từ-Quyên Khảo về kiến trúc đình
ĐẶNG-VĂN-NHÂM Việt - Nam.
- ĐÔNG-XUYỀN Đẻ (thơ).
- BÌNH-NGUYỄN-LỘC Thú tánh sơ khai.
- HƯ-CHU Trung-Hoa tình sử.
- LÂM-NGŨ-ĐUỜNG
(do Vi-Huyền-Đắc dịch) Khói lửa Kinh thành.

CHẾ ĐỘ KIỂM SOÁT HỐI ĐOẠI

HUỲNH-VĂN-LANG

Ở đây, tác giả không phân tách cái thực tế hiện hữu, song cố đưa ra những quan niệm tổng quát, những nhận xét lý thuyết, hy vọng lấy đó làm căn bản để một khi khác có dịp thảo luận về cái hiện tượng tiền tệ xảy ra ở trong kinh tế nước nhà là chế độ kiểm soát hối đoái ở Việt-Nam.

L. T. S.

KIỂM SOÁT HỐI ĐOẠI

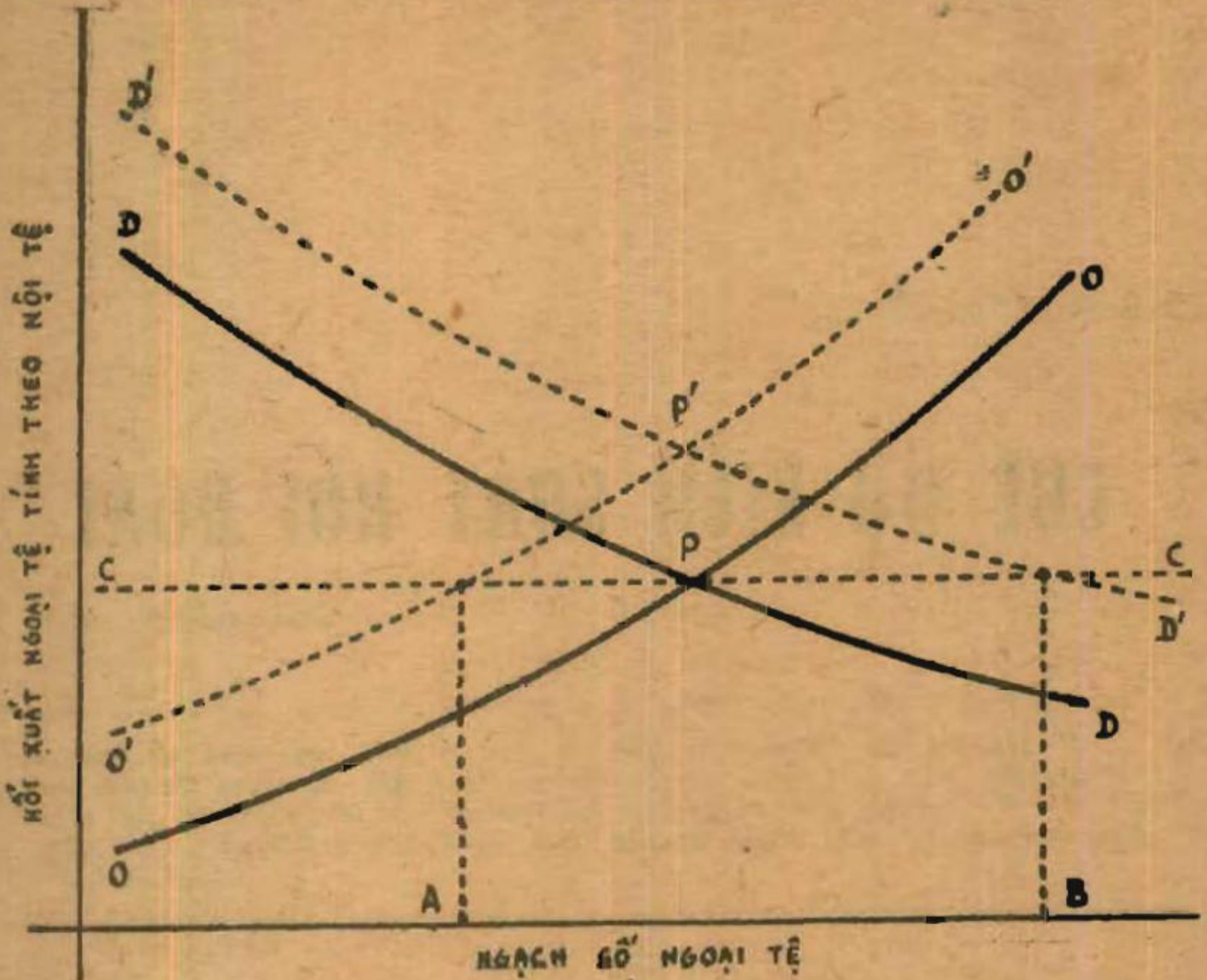
CHẾ độ kiểm soát hối đoái là những biện pháp chánh quyền đặt ra để khống chế hay chi phối thị trường hối đoái với những luật lệ biện biệt (*discriminatoire*). Kể mua cũng như người bán ngoại tệ không có quyền tự do, tha hồ mua bán với nhau. Sự kiểm soát được áp dụng có khi về trọng lượng ngoại tệ có khi cả về giá cả hay hối xuất (1) chỉ tệ. Những luật lệ về lượng cũng như về hối xuất có tính cách độc đoán, biện biệt và mang nhiều hình thức, nhiều trạng thái, nhiều chi tiết hết sức phức tạp.

Thường tình, chánh quyền phải kiểm soát hối đoái vì lý do ngoại tệ được định giá thấp hơn là giá của nó ở thị trường

(1) Giá của một chi tệ = hối xuất của chi tệ ấy tương đối với chi tệ khác; hối xuất nội tệ cao — hối xuất ngoại tệ thấp.

tự do (2) và nhất là khi chánh quyền tiền tệ chỉ với mỗi một cách thế là bán những ngoại tệ dự trữ của mình không thể giữ giá ngoại tệ thấp được.

Thử dùng một biểu đồ sau đây để hiểu tình trạng nói trên.



BIỂU ĐỒ 1

Như CUNG ngoại tệ giảm đi từ O, O , xuống O', O' hay CẦU ngoại tệ tăng lên từ D, D đến D', D' , hoặc là CUNG vừa giảm đi và CẦU vừa tăng lên một lúc, thì hối xuất ngoại tệ sẽ lên từ P đến P' . Vì nhiều lý do, chánh quyền tiền tệ muốn giữ giá cũ (P) và nhất định đó là hối xuất chánh thức mà các nghiệp vụ chuyển ngân phải theo đó. Thành ra hối xuất CC là mức tối đa mà giá ngoại tệ không được lên khỏi đó, như thế là định giá nội tệ quá cao, vì chánh quyền nhất định mua một đơn vị ngoại tệ với một số nội tệ ít hơn là ở thị trường tự do theo giá P' . Lấy hối xuất của một Mỹ kim ở thị trường chánh thức và thị trường tự do hay thị trường đen làm tỷ dụ cụ thể thì ta sẽ rõ ngay.

(2) Thị trường tự do là nơi cung cầu tự do gặp nhau. Hối xuất quân bình là cái giá chỉ tệ do cung cầu định đoạt tự nhiên.

Theo mức tối đa CC, thì số CUNG sẽ kém hơn số CẦU nhiều (khoảng cách từ A đến B). Cho nên nếu đem dự trữ ngoại tệ của chánh phủ mà bán ra để lấp cái khoảng cách AB ấy thì chỉ tiêu tạn một cách nhanh chóng. Nhưng nếu chánh quyền không muốn để cho giá ngoại tệ lên đến hay gần đến P' thì chánh quyền phải đặt chế độ kiểm soát hối đoái cách này hay cách khác để cố giữ tình trạng thăng bằng «giả tạo» giữa CUNG và CẦU.



Trước hết chánh quyền tiền tệ hay Viện Hối Đoái phải cố gắng thâu vào cho mình tất cả CUNG ngoại tệ. Mọi người có huế lợi bằng ngoại tệ phải bán lại cho chánh quyền. Nói thì dễ, nhưng làm thì rất khó: các-thương gia hay kẻ khác biết rằng giá chánh thức thì thấp một cách giả tạo thì tức nhiên là cố ăn cắp giấu diếm để bán ở thị trường tự do lợi hơn. Thế ra chánh quyền phải biết ai có huế lợi bằng ngoại tệ và có bao nhiêu. Cho nên không thể hạn chế sự kiểm soát ở trong phạm vi một ít nghiệp vụ (như chuyển vốn) và để các nghiệp vụ khác được tự do (như mậu dịch thường). Bằng chẳng thì chỉ mở đường cho người ta trốn tránh và đầu cơ. Thành ra lấy quấy cũng phải có một chế độ chặt chẽ để bắt mọi người có huế lợi bằng ngoại tệ phải nhượng lại cho chánh quyền. Hơn nữa để tránh sự ăn cắp ngoại tệ bằng cách xuất cảng hay nhập cảng, chế độ kiểm soát và cấp giấy phép xuất hay nhập cảng phải được áp dụng.

Chế độ kiểm soát có cái xu hướng bao hàm tất cả các nghiệp vụ mậu dịch và đi vào chi tiết để đi đến chỗ kiểm soát trực tiếp toàn diện. Vì nhiều sự liên đới chẳng chịt với nhau mà sự kiểm soát hối đoái càng ngày càng chồng chất và gia tăng thập bội, có thể đi đến chỗ thời quá là kiểm soát thơ từ cùng là phạt vạ các người phạm lỗi đến chỗ dày ải và tử hình.



Vì như chánh quyền tiền tệ đã thâu được tất cả huế lợi ngoại tệ theo giá chánh thức, thì rồi họ phải bán ra bằng cách hạn chế phân chia (rationnement) vì theo giá tối đa (CC) số CẦU hơn số CUNG quá xa. Cho nên chánh quyền hối đoái phải nhất định:

CHẾ ĐỘ KIỂM SOÁT HỐI ĐOÀI

1 — Cấp phát bao nhiêu cho mỗi một lý do chuyển ngân (nhập cảng hàng hoá, dịch vụ, du lịch v.v...);

2 — Cấp phát thế nào cho mỗi một loại hàng hoá hay dịch vụ;

3 — Cấp phát làm sao cho mỗi một thương gia hay công ty...;

4 — Cấp phát bao nhiêu cho mỗi một nước, mỗi một khu vực.

Luật lệ hối đoái đặt ra để giải quyết bốn vấn đề ở trên hoá ra phiền phức và càng phiền phức hơn nữa nếu chánh quyền một lúc cùng muốn giải quyết một vấn đề phụ khác là làm sao để khuyến khích bên CUNG ngoại tệ. Cho được thấu hẹp cái khoảng cách (AB) giữa CUNG và CẦU thì chánh quyền phải làm sao khuyến khích các nhà xuất cảng và đừng cho họ bị cái giá cao chợ đen quén rũ.

Các biện pháp kiểm soát hối đoái vừa khác nhau vừa phức tạp, ở đây ta chỉ lưu ý đến một ít hình thức thôi. Chúng ta cho rằng kiểm soát hối đoái là một phương tiện để quân bình thị trường hối đoái. Nhưng đa nguyên hối xuất (taux multiple) cũng là một hình thức kiểm soát hối đoái, sẽ được bàn đến sau.

1 — Chánh quyền tiền tệ có thể chỉ kiểm soát một ít loại chuyển vốn thôi. Nếu sự kiểm soát ấy được hoàn bị cho đến đời tránh được vốn liếng chạy đi (Hot-money) mà khỏi cần can thiệp vào các nghiệp vụ khác thì sự kiểm soát ấy sẽ là một dụng cụ hết sức giá trị để áp dụng một chánh sách tiền tệ quốc tế. Nhưng như đã nói trên, Chánh quyền không thể giới hạn sự kiểm soát hối đoái ở trong phạm vi một đời nghiệp vụ tư bản được.

2 — Trong trường hợp kiểm soát toàn diện thì những kỹ thuật kiểm soát đem ra áp dụng trước sau sẽ đưa đến chỗ làm té liệt chánh sách ngoại thương. Ví dụ như sự cấp phát ngoại tệ sẽ dựa theo phân xuất căn bản, lấy theo một năm căn bản nào đó. Điều ấy tức nhiên là làm được, dựa theo bốn quyết định nói ở trên (lý do, hàng hoá, công ty, xứ). Những cái khuyết điểm của chế độ là làm cho sự liên lạc quốc tế trở ra quá cứng rắn, đến đời khi có một sự kiện gì thay đổi sâu xa thì nó không tài nào sửa đổi cho phù hợp với tình trạng mới cho mau lẹ được. Có khi tình trạng mà ta lấy làm căn bản lại chỉ là một hiện tượng ngẫu nhiên lịch sử và khi các điều kiện lịch sử thay đổi thì nó không còn lý do tồn tại nữa.

3 — Biệן pháp hạn chế phân chia ngoại tệ có thể là một phương thể để giới hạn phần nào những hiệp ước thương mại, là một khi giới để áp dụng một chánh sách biệן biệt. Nhưng như thế thì là trái với chính nguyên tắc hiệp ước rồi.

4 — Vì cố gắng dung hoà sự hạn chế phân chia ngoại tệ với sự khuyến khích CUNG ngoại tệ mà chánh quyền có thể cho giấy phép nhập cảng, nếu nhập cảng từ xứ B được trả bằng xuất cảng qua xứ B như thể hàng đổi hàng hay mậu dịch tương tiêu. Cảng có thể đổi nhập cảng với xuất cảng được nếu chế độ mậu dịch tương tiêu được áp dụng giữa quốc gia với quốc gia theo một thoả hiệp thanh toán. Trường mục thanh toán được giữ tại ngân hàng trung ương của hai nước buôn bán với nhau. Nhà nhập cảng trả tiền bản xứ và liền ấy lại trả lại cho nhà xuất cảng. Thường tình hiệp ước ấy hạn chế số nợ của nước nào mắc vì nhập cảng không có xuất cảng bù trừ được và lập ra một thể thức riêng để thanh toán kết sổ. Kết sổ nợ có thể để qua giai đoạn thời gian sau hay trả bằng vàng hay một chỉ tệ thứ ba nào khác.

5 — Hiệp ước chi phó cũng như hiệp ước thanh toán, nhưng người ta dùng ngoại tệ hơn là dùng trường mục thanh toán và có thể ký kết giữa hai nước mà có một nước áp dụng chế độ kiểm soát hối đoái. Ví dụ: nếu nước A kiểm soát hối đoái có mắc nợ xứ B, lại có thừa xuất cảng hơn nhập cảng với B, thì xứ B có thể đòi A dùng số thừa cán cân thương mại để trả nợ. Cho nên xem đó thì thấy hiệp ước chi phó có phạm vi hoạt động rộng hơn là hiệp ước thanh toán thường để cho mậu dịch hàng hoá dịch vụ thôi.

CÁI HẠI CỦA CHẾ ĐỘ KIỂM SOÁT

Nếu ngoại thương với nhiều nước khác nhau là lợi thì sự kiểm soát hối đoái là hại, dù là sự hại cần kíp. Thương mại quốc tế cho ta cái lợi này là được mua ở đâu bán giá rẻ nhất và bán ở đâu được giá cao nhất. Vì chúng ta có thể mua của B và trả bằng huế lợi ta được khi bán cho C, D... không cần phải hạn chế thị trường này nọ bằng cách xuất nhập tương tiêu, đổi hàng lấy hàng. Hiệp ước thanh toán bớt khối lượng thương mại giữa hai nước đến cái mức thương mại quán bình giữa hai nước. Tự nhiên là ngoại thương bị giảm đi cái phần mà sự giao dịch với nhiều nước có thể hơn

sự giao dịch giữa hai nước (1). Hơn nữa, giá cả và phẩm chất hàng hoá không thể thuận lợi như được.

Ta có thể thêm vào những cái hại chánh nói trên là cái nguy hại ở chế độ biện biệt và chế độ nha sách (bureaucratie) mà sự song phương thường hàm xúc và những hậu quả chánh trị có thể xảy đến cho những nước nhỏ phải giao ước với nước lớn trên căn bản thanh toán. Chúng ta đã bảo rằng sự kiểm soát hối đoái có thể đi đến chỗ thối quá là thành ra một dụng cụ để phong tỏa hay xâm lăng được. Nhưng tại sao chánh quyền tiền tệ lại muốn kiểm soát hối đoái hơn là để lự do chi phó?

CÁI LỢI CỦA CHẾ ĐỘ KIỂM SOÁT

1) Chánh quyền tiền tệ không tin tưởng ở hiệu quả của một hệ thống thường trong những trường hợp bất thường. Đứng trước trào lưu đầu cơ to tát và chuyển vốn quá mạnh, ta có thể tin rằng sự mất giá đồng bạc có thể xem như là một báo hiệu và càng làm cho trào lưu càng thêm mạnh, hơn là ngăn trở nó đi.

2) Chánh quyền tiền tệ biết rằng lạm phát đang hoành hành nên hy vọng ngăn trở lạm phát được bằng cách không cho hối xuất nội tệ xuống và để tránh sự tiêu hao dự trữ vàng và ngoại tệ.

3) Chánh phủ có thể muốn giữ vững chế độ giá cả và ủng hộ sự sản xuất trong nước. Điều hoà giá cả không thể có hiệu quả nếu không kiểm soát hối đoái: một lần nữa nó chứng minh rằng sự kiểm soát trực tiếp có khuynh hướng càng ngày càng rộng và sâu.

4) Chánh phủ có thể tiên đoán những hiệu quả không hay do khủng hoảng kinh tế nước ngoài. Chánh phủ không muốn dùng giảm phát trong nước để giữ dự trữ ngoại tệ của họ, biết rằng nếu muốn giữ cân cán chi phó thăng bằng thì họ sẽ bị thất nghiệp. Trái lại họ muốn dùng chánh sách tiền tệ và thuế vụ trong nước để bù chi sự giảm bớt sản xuất của các kỹ nghệ xuất cảng, thì là thêm thiếu hụt trong cân cán chi phó. Kiểm soát hối đoái cho phép Chánh phủ khuếch trương kinh tế mà khỏi bị liên lụy vì giảm phát hay khủng hoảng ở các nước ngoài, với cái nguy là sẽ giảm bớt khối lượng ngoại thương.

(1) Nếu không có hiệp ước thì (ví dụ) ta có thể bán cho Lào 50 triệu và mua của Lào 20 triệu, mà bán cho Cao-Mên 50 triệu và lại mua của Cao-Mên 100 triệu. Với hiệp ước thanh toán thì với Lào sự giao dịch chỉ còn lãi 20 triệu và với Cao-Mên lãi 50 triệu.

5) Chánh quyền tiền tệ có thể đứng ra làm dụng cụ cho một chánh sách thương mại. Bằng cách cấp phát ngoại tệ cho những loại hàng hoá nhập cảng, tùy từng xứ, hay tùy theo nhà nhập cảng, Chánh phủ có thể bảo vệ khỏi bị cạnh tranh của nước ngoài (hay ở trong xứ) và áp dụng quyền hành biện biệt, giới hạn các hiệp ước đã ký lữ.

6) Chánh quyền tiền tệ có thể áp dụng một hối xuất ngoại tệ quá cao giá, thì những biện pháp kiểm soát sẽ làm cho cân cán thương mại ra sai biệt, nghĩa là, vì giá ngoại tệ quá cao, làm cho giá nhập cảng đắt lên và giá xuất cảng hạ xuống, tính theo nội tệ.

ĐA NGUYÊN HỐI XUẤT

Đến đây chúng tôi cho rằng quốc gia kiểm soát hối đoái muốn kiểm soát chỉ vì không muốn để cho guồng máy giá cả tự do chạy; như thế chúng ta cho là luật lệ kiểm soát là kiểm soát trực tiếp. Nhưng ta có thể quan niệm một hệ thống mua bán ngoại tệ theo nhiều giá khác nhau tùy theo loại cầu ngoại tệ hay căn nguyên cung ngoại tệ. Một chế độ như thế có thể tránh được sự phiền phức về cách hạn chế hay mậu dịch tương tiêu.

Giả tỷ chánh quyền bán ngoại tệ cho nhiều nhóm người mua theo nhiều giá khác nhau. Hối xuất hay giá cả được định cao thấp tùy theo sự quan hệ của món hàng nhập cảng. Chế độ này có thể tránh được sự hạn chế phân chia ngoại tệ bằng cách chia thị trường ra từng khu vực, như thế số cầu ngoại tệ có thể đúng như ý chánh quyền muốn. Chánh quyền có thể lợi dụng sự phân biệt giá cả để nắm độc quyền mua hàng hoá trên thị trường ngoại quốc (bằng 1 hối xuất thấp). Cũng thế, Chánh phủ có thể trợ cấp những vụ xuất cảng bằng cách mua ngoại tệ của các nhà xuất cảng theo một hối xuất cao. Áp dụng hối xuất thấp nơi nào mà xem xuất cảng không đáng khuyến khích hay nơi nào số cầu hàng hoá nước nhà cứng rắn (inelastique) có thể đề xuất cảng với giá ngoại quốc cao được.

Chế độ này có cái lợi hơn là chế độ hạn chế, nhất là khi nó khuyến khích được sự xuất cảng, nhưng từ căn bản nó vẫn là biện biệt. Ta nên nhớ là bản danh sách hàng hoá xuất hay nhập cảng được trợ cấp nhiều ít dựa trên sự độc đoán, vì các tiêu chuẩn khách quan trong khi phân chia thị trường như thế nhiều khi hết sức mơ hồ.

KẾT LUẬN

Khi một nước bị nhiều cái khó khăn vì đồng tiền bản xứ định giá quá cao mà không muốn kiểm soát hối đoái và cũng không muốn giảm phát tiền tệ trong nước, thì thường áp dụng một trong ba cách phá giá đồng bạc như sau :

1 — Có thể để cho đồng tiền tự nơi nó tìm lấy hối xuất của nó.

2 — Hoặc Chánh phủ định một hối xuất mới và cố gắng giữ cho nó càng gần hối xuất bằng bằng chừng nào hay chừng nấy.

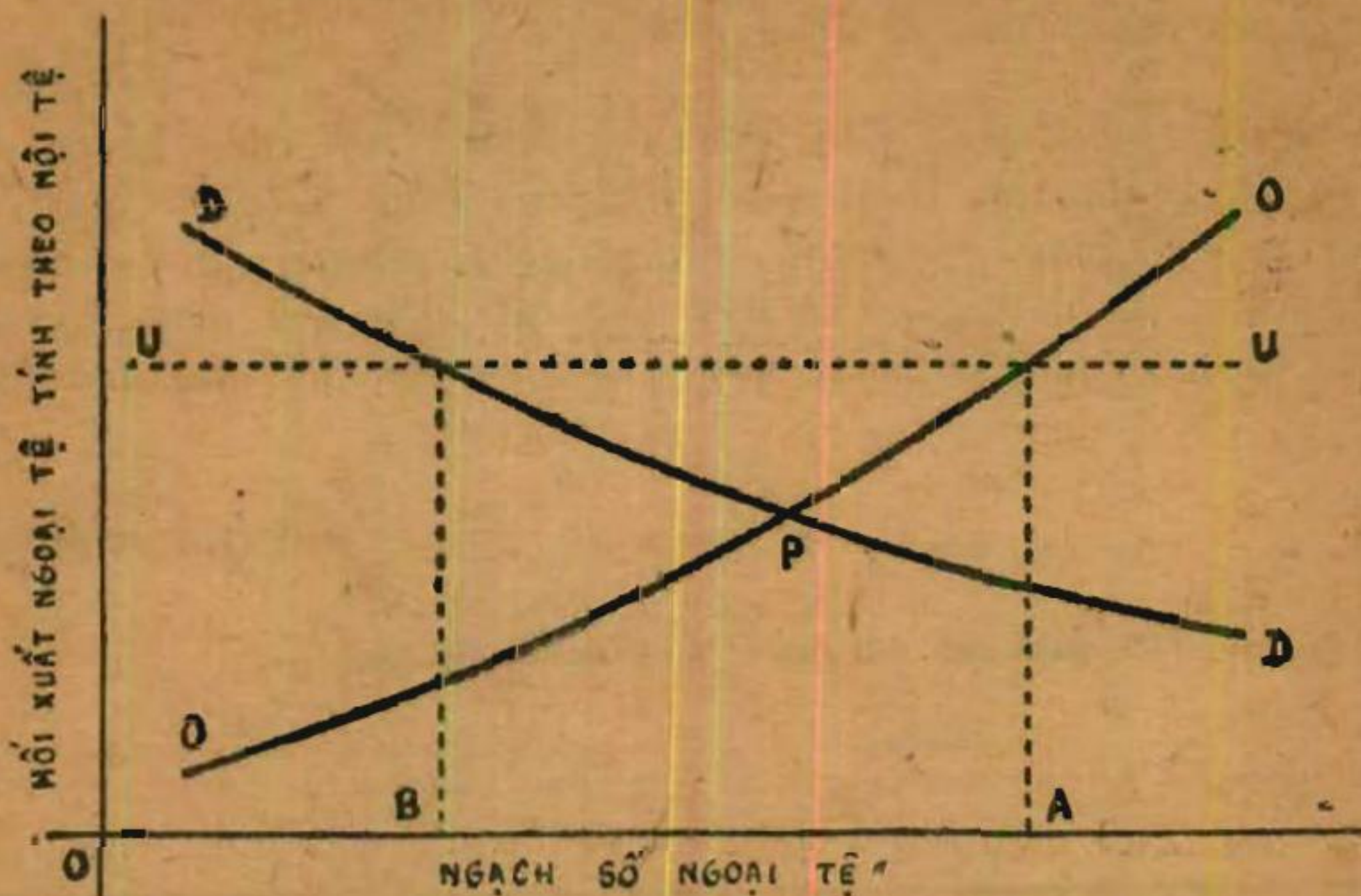
3 — Hoặc chánh phủ có thể định và giữ một hối xuất nội tệ quá thấp. Ở đây không nói về trường hợp (1) và (2), chỉ muốn nói đến trường hợp thứ (3), mà thường gọi là phá giá cạnh tranh.

Phá giá cạnh tranh cũng như lạm phát có tính cách lợi hại vì chừng những hậu quả của nó trước hết thì thuận. Định giá quá cao lại như giảm phát, đầu tiên có những hiệu quả không hay. Sự phá giá quá thấp có thể duy trì dễ dàng được, nó có nghĩa áp dụng một hối xuất ngoại tệ quá cao hơn mức bằng bằng (nghĩa là mức mà cung cầu gặp nhau) trên thị trường hối đoái. Theo hối xuất ngoại tệ quá cao một cách giả tạo (tính theo nội tệ) thì số cung ngoại tệ sẽ nhiều hơn số cầu, làm cho khoảng cách (giữa A và B — biểu đồ 2) mất đi bằng cách chánh quyền tiền tệ thâu cái thừa bên cung ở thị trường, nghĩa là mua cái thừa ngoại tệ ấy với tiền bản xứ. Chánh quyền tiền tệ có thể tha hồ mua ngoại tệ được, vì tài nguyên nội tệ là vô cùng, ít ra là về mặt lý thuyết, vì muốn cấu tạo nội tệ nếu có quyền bao nhiêu thì tha hồ làm lấy. Quốc gia nào theo chánh sách ấy thì sẽ tích lũy vàng cùng ngoại tệ và gây ra sự thiếu hụt vàng cùng ngoại tệ cho các nước khác. Vì chừng nước nào định giá đồng tiền mình quá thấp thì sẽ làm cho cán cân chi phó của mình hoá ra thuận, và có thể giữ tình trạng « kém giá » ấy cho đến khi nào những tai hại xảy ra cho các nước khác quá rõ ràng và quá to lớn.

P = Hối xuất quán bình.

UU = hối xuất ngoại tệ quá cao hay hối xuất nội tệ quá thấp do chánh quyền nhất định.

BA = thừa cung ngoại tệ mà chánh quyền thâu khỏi thị trường.



BIỂU ĐỒ 2

Dù có lợi cho một quốc gia và có lẽ lại có lợi cho một quốc gia quá mà ta có thể xem sự phá giá cạnh tranh ấy rất nguy hại vì kết cuộc chẳng ai được lợi cả. Tự nhiên nếu một nước mà giữ giá bạc của mình quá thấp một cách giả tạo để lợi về xuất cảng là làm trên lưng các nước khác, vì tiền của các nước này tương đối được giá quá cao và như thế thì xuất cảng của họ phải bớt đi. Tức nhiên là kinh tế của họ sẽ gặp khó khăn. Khi họ thấy dự trữ ngoại tệ của họ đến một chỗ thâm hụt quá nguy thì họ sẽ tìm phương thế để giữ dự trữ của họ. Họ sẽ chọn trong ba phương thế này :

1 — Họ có thể áp dụng chính sách giảm phát trong nước và tức nhiên sự giảm bớt hoạt động kinh tế sẽ làm liên lụy đến nước nào khởi sự áp dụng chính sách phá giá cạnh tranh :

2 — Hoặc họ cũng áp dụng chính sách phá giá cạnh tranh để trả đũa lại, như thế thì sẽ giảm bớt và tiêu diệt những cái lợi của nước kia :

CHẾ ĐỘ KIỂM SOÁT HỐI ĐOẠI

3 — Hoặc họ sẽ đối phó với chánh sách phá giá cạnh tranh bằng một chế độ bảo vệ dưới hình thức hạn chế nhập cảng hay kiểm soát hối đoái, như thế thì sự cạnh tranh thái quá sẽ đưa đến chỗ không ai còn cạnh tranh với ai được nữa.

Tóm lại chánh sách phá giá cạnh tranh rốt cuộc không lợi gì cho ai hết. Vì thế mà một mục tiêu của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế là «tránh sự phá giá cạnh tranh» (Điều 1 (iii)). Nhưng nhất định ở đâu là một hối xuất quân bình là một việc rất khó, cho nên cũng không phải dễ gì mà nhất định thế nào là nội tệ có một hối xuất quá thấp (1).

HUỲNH-VĂN-LANG

(1) Bài tới : Một chánh sách hối đoái ở Việt-Nam (Số đặc biệt).

Danh ngôn, danh lý trong sớ này quy về ý chính :

BÍ QUYẾT HOAN LẠC

★ Sung sướng là những kẻ nào có cây đàn ở trong tâm, có khúc nhạc ở trong trí và biết lấy hành động để gây nên tiếng đàn.

JOUBERT

★ Bạn buồn ư ? Bạn kiếm xung quanh coi có ai cần bạn giúp việc không ? có ai cần bạn yên ủi không, có ai cần bạn nâng đỡ không ? Bạn sẽ thấy vui ngay.

JACQUES COEUR

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ CỔ ĐIỂN: HIỆP-CHÚNG-QUỐC MỸ-CHÂU

Hoàng-minh-Tuynh

Những tiến triển của Hiến pháp Hiệp-chúng-quốc



MUỐN hiểu đầy đủ sự tiến hóa đã khiến cho các định chế năm 1787 có cái diện mạo như ta trông thấy hiện nay, cần phải nhớ lại những nét đại cương trong lịch sử Hiệp-Chúng-Quốc: cuộc tiến bộ của họ về phương diện nhân khẩu và kinh tế, sự toàn thắng của tinh thần quốc gia đối với đầu óc địa phương sau cuộc Nam-Bắc phân tranh (1861-1865), bước tiến vĩ đại của họ trên đài chính trị quốc tế và trở thành đại cường quốc v.v...

Ở đây chúng tôi chỉ xin nói riêng về những tiến triển trong phạm vi luật hiến pháp mà thôi. Trong phạm vi này, chúng tôi nhận thấy có hai điểm cần lưu ý. Đó là:

1-) *Qui mô bản hiến pháp năm 1787 chỉ sửa đổi rất ít.*

Các điều khoản tu chính, nghĩa là các điều khoản sửa đổi Hiến pháp liên bang năm 1787 rất ít và không mấy quan trọng, khiến cho đại thể hệ thống chính trị thành lập từ năm 1787 vẫn gần giữ được nguyên vẹn. Tổng số gồm 21 tu chính án có thể phân loại như sau:

a) 10 tu chính đầu, có hiệu lực từ tháng 11 năm 1791 hợp lại thành một thứ Bản Tuyên cáo dân quyền theo tinh thần Anglo-saxon. Bản Tuyên cáo nói về những biện pháp, những thủ tục bảo vệ các quyền tự do công bảo, nghĩa là các quyền tự do của người công dân, nhiều hơn là nói về những nguyên

tắc dân quyền. Ở đây tưởng nên đính chính lại một điều mà hình như có nhiều người hiểu sai. Người ta thường cho Bản Tuyên cáo dân quyền của người Mỹ đã ảnh hưởng rất nhiều đến những Tuyên ngôn dân quyền của Pháp năm 1789. Điều đó đúng, nhưng đây không phải là bản văn Hiến pháp Liên bang Hiệp-chúng-quốc, vì bản văn này chỉ có một số ít điểm là giống với những Tuyên ngôn dân quyền Pháp, song những điểm này thực sự đã do một tu chính án thêm vào hồi năm 1791, tức sau ngày công bố Tuyên ngôn Pháp. Những Tuyên ngôn đã gây ảnh hưởng tại Pháp là những Tuyên ngôn mà nhiều thuộc địa Mỹ-Châu đã dùng làm tiêu đề đặt trên đầu các Bản Hiến Pháp riêng của họ, khi lập thành tiểu bang độc lập (nhất là tiểu bang Virginie năm 1776).

b) Một số tu chính án khác liên hệ đến vấn đề dân da đen và việc thanh toán cuộc Nam-Bắc phân tranh.

c) Một số tu chính án khác nữa rải rác trong suốt lịch sử hiến pháp Hiệp-chúng-quốc có mục đích sửa đổi lại bản văn năm 1787 về các vấn đề tổ chức công quyền : như vấn đề bầu cử tổng thống năm 1804, vấn đề quyền hạn tài chính của Quốc hội năm 1913 ; vấn đề tuyên cử Thượng nghị viện năm 1913 ; vấn đề phụ nữ bầu cử năm 1920 ; vấn đề bầu cử tổng thống và phó tổng thống năm 1933 và sau hết vấn đề giới tữu năm 1919 và bãi bỏ luật giới tữu năm 1933.

2) Tuy nhiên, từ thế kỷ XIX qua thế kỷ XX, đã có rất nhiều biến đổi quan trọng trong cuộc sinh hoạt chính trị

tại Hiệp-chúng-quốc. Ở đây, chúng tôi chỉ xin đơn cử ít nhiều việc mà thôi :

a) *Nhiều tiểu bang mới gia nhập Liên bang.*— Đại lục Mỹ-Châu ngày càng mở mang và dân số ngày càng tăng thêm, nên theo các điều khoản trong Hiến pháp Liên bang, có nhiều tiểu bang mới được lập thành và đều gia nhập Liên bang. Nguyên trước tổng số là 13 tiểu bang, hiện nay con số tăng lên tới 49.

b) *Tiến tới dân chủ và phổ thông đầu phiếu.*— Kỳ thủy, Hiệp-chúng-quốc là một Quốc Gia Cộng Hòa, nhưng chưa thực là một Quốc Gia dân chủ. Vấn đề phổ thông đầu phiếu còn bị điều kiện tài sản và địa vị xã hội giới hạn rất nhiều.

Có điểm nên rõ là việc qui định quyền bầu cử của người công dân không phải do Hiến pháp hay luật pháp Liên bang qui định mà lại do Hiến pháp và luật pháp riêng của mỗi tiểu bang. Căn cứ theo tu chính án 15 và 19, Hiến pháp Liên bang chỉ cấm chỉ các tiểu bang viện những lý do có tính chất kỳ thị chủng tộc, màu da, hoặc những lý do về điều kiện nô lệ ngày trước, hoặc những lý do về tính biệt (phân biệt nam tính, nữ tính) để hạn chế quyền bầu cử mà thôi.

Ngoài những điểm căn bản đó ra, các tiểu bang được trọn quyền tổ chức bầu cử tùy theo sở thích của mỗi tiểu bang. Có những tiểu bang miền Nam tìm cách thế xoay trở các điều khoản trong Hiến pháp Liên bang để loại trừ người da đen ra khỏi cử tri, bằng cách đặt ra điều kiện trình độ học vấn bắt buộc cử tri phải có. Khi qua kỳ sát hạch,

đề được nhân thực có đủ điều kiện về học vấn, người da đen bị loại trừ ra khỏi cử tri mà không phiên trách vào đâu được.

Tuy nhiên, mặc dầu quyền tự trị của các tiểu bang về luật bầu cử là như vậy mà phổ thông đầu phiếu cũng lần lần tiến tới bằng nhiều giai đoạn: từ năm 1815 tới năm 1860, luật đầu phiếu trong nhiều tiểu bang thực tế trở thành phổ thông đối với đàn ông và người da trắng. Rồi cuộc Nam Bắc phân tranh đem lại tu chính án 15, đặt người da đen lên ngang hàng với người da trắng (không kể trường hợp người ta xoay trở luật pháp như vừa nói trên). Ngoài ra, từ những năm 1870-1880, nhiều tiểu bang công nhận cho phụ nữ được quyền bầu cử. Và từ năm 1919, tu chính án 19 buộc mọi tiểu bang phải đặt nữ giới ngang hàng với nam giới về quyền đầu phiếu.

Cuộc tiến triển trên trong luật pháp của mỗi địa phương, không kể một vài chi tiết không mấy quan trọng, đã thực tế đưa Hiệp-chúng-quốc tiến tới chế độ phổ thông đầu phiếu.

c) Nếu Hiến pháp Liên bang có một giá trị pháp lý cao hơn luật pháp thường của Liên-bang và luật pháp riêng của các tiểu bang liên hiệp thì lý ưng phải thiết lập một hệ thống kiểm sát để làm sao mỗi khi có luật pháp liên bang nào hay luật pháp tiểu bang nào ra trái nghịch với Hiến pháp Liên Bang, liền bị chặn đứng và mất hiệu lực. Nhưng bản văn Hiến pháp năm 1787 không dự liệu một điều khoản nào rõ rệt về việc kiểm sát đó. Phải đợi tới khi Tối-cao Pháp viện, nhận xét xử một án vụ vào năm 1803, mạnh dạn giải thích tinh thần Hiến pháp, định rằng các Tòa Án Liên

bang và riêng Tối-cao Pháp-viện có quyền từ chối áp dụng một điều khoản trái nghịch với Hiến-pháp Liên bang, người ta mới ý thức sự cần thiết trên, và thiết lập thành qui tắc. Sự can thiệp của Tối cao Pháp viện làm cho các nhà lập pháp liên bang và tiểu bang phải tôn trọng Hiến pháp thật đã có công rất lớn trong việc củng cố mối thống nhất quốc gia tại Hiệp chúng quốc Mỹ châu vậy.

d) Các đảng chính trị tại Hiệp chúng quốc. Phàm người Việt đã chịu ảnh hưởng ít nhiều tinh thần luật pháp của người Pháp thì đều cảm thấy khó lĩnh hội cách cấu thành các đảng chính trị tại Mỹ quốc. Ta cứ xem như mỗi khi nói tới chuyện đảng phái trước một người Việt hay người Pháp, tự nhiên người ta nghĩ ngay đến, « chính kiến » đến « chương trình » đã được hoạch định một cách rạch ròi, minh bạch. Tại Mỹ quốc, khó mà đối chiếu hai đảng chính trị về phương diện « lập trường », và liệt đảng này hay đảng nọ thuộc « hữu » hay thuộc « tả » chỉ là một việc làm tốn công vô ích. Còn nói đến « chính kiến » thì ta sẽ thấy giữa những người ở hai đảng khác nhau nhiều khi lại có những chính kiến gần nhau hơn là ở trong cùng một đảng với nhau.

Muốn hiểu rõ đặc điểm trên, ta cần phải coi lại lịch sử. Như độc giả đã thấy, ngay từ khi khởi thảo Hiến pháp Hiệp chúng quốc, đã có sự đối lập giữa các phần tử « quốc gia » và các phần tử chủ trương « tiểu bang tự trị ». Sau năm 1789, hai khuynh hướng, lập thành hai đảng phái: đảng thứ nhất chủ trương ban nhiều đặc quyền

rộng rãi cho chính phủ Liên bang, gọi là đảng Liên bang chủ nghĩa; đảng thứ hai chủ trương để cho các tiểu bang được nhiều quyền tự trị, gọi là đảng Cộng-hòa. Lăn lăn về sau đảng Liên bang chủ nghĩa trở thành đảng Cộng-hòa quốc gia, rồi rút ngắn thành Cộng-hòa, nghĩa là lấy lại tên của đảng đối lập với đảng mình; còn đảng Cộng-hòa sau gọi là đảng Dân-chủ Cộng-hòa rồi cũng rút ngắn, mà thành Dân-chủ. Lập trường của mỗi đảng về các vấn đề quan trọng thay đổi luôn luôn, bởi các đảng phái kết tập bằng cách phối hợp các nhóm cử tri, các « ê kíp » lại với nhau, hơn là bằng cách chiêu mộ những người cùng có chính kiến giống nhau. Hiện nay thì lập trường nguyên thủy Liên bang chủ nghĩa và tiểu bang tự trị của hai đảng nói trên không còn như xưa và đã vượt quá phạm vi hẹp hòi đời trước rất nhiều.

Ngoài hai đảng lớn ra, còn có nhiều đảng nhỏ khác nữa, như đảng Đảng Nhân Dân (People's Party), hoạt động từ năm 1880 đến năm 1890; đảng Tiến Bộ hoạt động từ đầu thế kỷ XX, đảng Lao động Mỹ châu (American Labour Party) sáng lập tại tiểu bang Nữu-ước năm 1936. Tuy nhiên, các đảng này không sống tự trị được lâu và rút cuộc phải gia nhập hàng ngũ hai đảng lớn, là đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ. Hiện giờ, một đảng thứ ba bắt đầu khởi nhém với «đảng tiến bộ» của Ô. Wallace.

Sự phân biệt làm hai đảng như trên gây ra tại Hiệp chúng quốc những hậu quả rất quan trọng trong luật hiến pháp.

Trước hết là ảnh hưởng trong thể thức bầu cử Tổng thống. Bởi các đại biểu được bầu lên để bầu Tổng thống,

đều thuộc một trong hai đảng và đều triệt để tuân theo kỷ luật của đảng, cho nên một khi các đại biểu đã được chỉ định rồi, là người ta biết ngay ứng cử viên của đảng có nhiều đại biểu nhất sẽ trúng cử. Thành thử, bầu cử Tổng thống tuy nói là theo thể thức đầu phiếu gián tiếp, mà chẳng khác gì theo thể thức trực tiếp (do quốc dân trực tiếp chỉ định), bởi lẽ quốc dân một khi cử đại biểu cộng hòa hay dân chủ là đã thực tế chọn ứng cử viên của đảng Cộng hòa hay Dân chủ, lên ngôi Tổng thống rồi.

Lại nữa, bởi chỉ có hai đảng và bởi số ứng cử viên có hy vọng được bầu cũng chỉ có hai đối thủ, nên một trong hai người thế nào cũng được đa số tuyệt đối. Việc Quốc hội phải can thiệp để bầu Tổng thống (trong trường hợp phiếu bầu rải rác vì không qui tụ được đủ số) chỉ xảy ra có một lần, vào năm 1824.

Ngoài ra, chế độ lưỡng đảng cũng đã đem lại cho Hiệp chúng quốc cái nhịp điệu luân phiên giữa hai đảng, đảng này cầm quyền thì đảng kia đối lập, giống như tại Anh-quốc. Tuy nhiên, cũng có nhiều chỗ khác nhau. Chỗ khác nhau quan trọng nhất là ở Hiệp chúng quốc có lệ gọi là bãi dịch (spoils-system), theo lệ này thì đảng đắc thắng bãi dịch tất cả những công chức của đảng đối lập để đưa bạn hữu của họ vào nắm trọn guồng máy hành chính. Trong thế kỷ XIX, lệ này đã « hoành hành » một đạo khá quyết liệt, nhưng từ đầu thế kỷ XX, đã thấy bớt đi lẩn lẩn, và Hiệp-chúng-quốc càng ngày càng có ý muốn thiên về một tổ chức hành chính độc lập đối với chính quyền.

HOÀNG-MINH-TUYNH biên khảo.

CHIẾN TRANH TƯƠNG LAI VÀ SỰ PHÒNG THỦ ÂU - CHÂU

Phạm-Duy-Lân

Cộng-Sản Chủ Chiến

Lý thuyết « sống chung », và những tự « thanh trừng », thay đổi trong giới cầm quyền ở Liên-xô, không bao giờ che đậy được sự thực : người Cộng-Sản luôn luôn chủ trương phải tiêu diệt các chính thể dân chủ tự do để đặt ách thống trị Nga-Xô trên hoàn cầu. Chiến thuật có thể đổi hướng, khi tiến, khi lùi, khi hòa hoãn, khi dọa nạt, nhưng chiến lược bao giờ cũng duy nhất. Mục tiêu cuối cùng phải là sự thống trị độc nhất của lớp cộng-sản Nga-Sô, và chư hầu.

Ngày phóng vệ tinh « Spoutnik » lên không trung cũng là ngày tang tóc cho nhân loại. Giai đoạn thí nghiệm đã hoàn tất, việc sản xuất các khí cụ xâm lược sắp được thực hiện đại qui mô, và

viễn tượng chiến tranh bao phủ một màn xám quanh địa cầu.

Nhiều dân tộc trên thế giới, quá lạc quan, cho rằng chiến tranh thế giới không thể xảy ra được, bởi lẽ phía dân chủ tự do cũng như phía cộng sản, đều có những khí giới tương đương, và không ai dám lãnh trách nhiệm tiêu diệt nhân loại.

Không đến nỗi bi quan, chúng ta cũng phải tỉnh táo mà nhận định tình hình thế giới : chủ trương chiến tranh của cộng sản, các thí nghiệm về hỏa tiễn và vệ tinh, lời đe dọa của Boulganine san phẳng Anh, Pháp, hồi chiến tranh Suez, sự cảnh cáo của tổng thống Eisenhower sẽ phá tan kẻ dùng bạo lực xâm lăng các nước hội viên O.T.A.N, đó là những sự kiện khiến ta phải suy nghĩ.

Chiến tranh ngày mai sẽ ra sao ?

Trong vòng mười năm nữa, Mỹ hoặc Liên-Xô, đều có thể lập những căn cứ trên mặt trăng. Tất nhiên, Bộ Tham-Mưu các nước này sẽ xây dựng thành căn cứ quân sự, chứa đầy hỏa tiễn mang bom khinh khí. Phóng hỏa tiễn từ mặt trăng về trái đất, tương đối dễ dàng hơn phóng hỏa tiễn liên lục địa, vì sức hút của mặt trăng rất yếu và bom khinh khí dầu nổ cách mặt đất, ba, bốn chục cây số vẫn có hiệu quả.

Các vệ tinh nhân tạo, sau này cũng có thể dùng làm căn cứ để chứa hỏa tiễn. Bom khinh khí sẽ được « ném » xuống lục địa đối phương, dễ dàng và ít tốn phí. Sự cạ sát với không khí cũng không thành vấn đề phải giải quyết nữa.

Đến giờ đã quyết định, chỉ cần bấm mấy nút điện, hỏa tiễn từ ngoài không gian sẽ phóng xuống trái đất, biến các đất nghịch thành biển máu lửa.

Hỏa tiễn bắn từ mặt đất.

Viễn ảnh ghê gớm trên đây, có thể thực hiện ngay bây giờ, với những hỏa tiễn bắn từ mặt đất.

Người ta thường phân thành hai loại hỏa tiễn : I.R.B.M (Intermediaire Range Ballistic Missile) tầm phóng từ 2.500 tới 3.000 cây số, và I.C.B.M. (Intercontinental Ballistic Missile), tầm phóng từ bảy tới tám ngàn cây số.

Hỏa tiễn hạng trung, I.R.B.M. nhẹ để phóng và rẻ tiền nhiều. Tốc lực

chừng 5,4 cây số một giây, nên sự cạ sát với không khí dễ giải quyết. Căn cứ phóng hỏa tiễn phải thiết lập gần tiền tuyến hoặc trên tàu ngầm chạy ven bờ.

Hỏa tiễn liên lục địa I.C.B.M, khó phóng, đắt tiền, bay mau hơn — 7 đến 8 cây số một giây — cạ sát nhiều với không khí, nhưng trái lại có thể phóng ngay từ Mỹ qua Liên-Xô hoặc ngược lại, không cần phải đặt các căn cứ quân sự ở ngoại quốc.

Hiện nay, Mỹ đã có hỏa tiễn liên lục địa, và đã thí nghiệm có kết quả các hỏa tiễn hạng trung : I.R.B.M. Thor và I.R.B.M. Jupiter.

Nga-Xô tuyên bố có hỏa tiễn liên lục địa và có lẽ họ đã sản xuất nhiều hỏa tiễn bọc trung I.R.B.M.

Dĩ nhiên, nước nào có nhiều hỏa tiễn liên lục địa, sẽ làm bá chủ hoàn cầu. Ít nhất cũng phải năm, sáu năm nữa Nga-Xô mới có thể sản xuất hỏa tiễn liên lục địa đủ để cung cấp cho chiến tranh. Nhưng chỉ trong vòng một, hoặc hai năm nữa, Mỹ đã có thể sản xuất rất nhiều hỏa tiễn hạng trung I.R.B.M. Với những căn cứ tiền tuyến sát Liên-Xô, Mỹ có thể dùng hỏa tiễn I.R.B.M. lợi hơn là hỏa tiễn liên lục địa và thay đổi hẳn tình thế.

Âu-Châu và Cận-Đông, ngôi lửa chiến tranh

Muốn bảo vệ hòa bình thế giới, Mỹ lâm vào tình trạng phải lập một hàng rào căn cứ quân sự quanh Liên-Xô. Ngược lại, Liên-Xô cũng dọa nạt cảnh

cáo nước Na-Uy, Thụy-Điền và Tây-Đức, về nguy cơ sẽ xảy ra cho họ, với sự thiết lập các căn cứ quân sự Mỹ. Liên-Xô còn hoạt động mạnh để dành ảnh hưởng Syrie và bao vây Thổ-nhĩ kỳ.

Chúng ta có thể tiên đoán rằng, nếu chiến tranh xảy ra trong một ngày gần đây, ngòi lửa sẽ châm từ Âu-Châu và Cận - đông khi giờ G đã điểm, chỉ từ một đến tám phút, hỏa tiễn I.R.B.M của Liên-Xô sẽ trút trên các căn cứ quân sự và gieo tang tóc khắp các đô thị và vùng kỹ nghệ Âu-Châu.

Phòng thủ Âu - Châu

Trước hiểm họa bị tiêu diệt trong chớp nhoáng, vấn đề phòng thủ Âu-Châu, cần phải được giải quyết cấp bách.

Kinh nghiệm cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất chứng tỏ các quốc gia muốn sinh tồn, phải sửa soạn chiến tranh ngay từ thời bình. Với sự tiến triển của khí cụ chiến đấu, không thể phân biệt tiền tuyến và hậu phương. Toàn thể nhân dân phải tham gia chiến tranh, nên Chánh-Phủ phải thiết lập sẵn những luật lệ và kế hoạch động viên nhân lực, tài lực.

Trong thời bình phải huấn luyện sẵn thanh niên thành những quân nhân trừ bị, phải kiểm tra sẵn các tài sản có thể dùng được vào chiến tranh, phải chỉ bảo cho nhân dân biết cách phòng thủ thụ động khi nào tình hình quốc tế căng thẳng. Quốc gia sẽ ra lệnh động viên, biến nhân dân thành một tổ chức chiến tranh, sẵn sàng dùng các phương tiện trong nước để tiêu diệt đối phương.

Yếu tố quyết định

Toàn dân tham gia chiến tranh, nhưng từ trước tới nay, yếu tố quyết định vẫn là quân đội. Nước thắng trận là nước có một đạo quân hùng mạnh khi tuyên chiến, và trong một thời gian ngắn động viên được các đạo quân trừ bị tiếp tay.

Với kỷ nguyên vệ tinh nhân tạo và hỏa tiễn, việc tổ chức các đạo quân lớn lao, và sự thiết lập các kế hoạch chiến tranh, nếu không trở thành vô dụng cũng hóa ra lạc hậu.

Thật vậy, nhiệm vụ chính của quân đội là bảo vệ biên giới, tiêu diệt các đạo quân xâm lăng. Trước hỏa tiễn, quân đội không những bất lực, còn trở thành con mồi bị hi sinh.

Hỏa tiễn chống hỏa tiễn

Phương pháp thứ nhất để chống hỏa tiễn có tính cách thụ động : lập những hầm trú ẩn đủ sức chịu đựng bom nguyên tử.

Mỗi lần thử bom nguyên tử, bom khinh khí, đều có xây các kiểu hầm trú ẩn để thí nghiệm, xem sức chịu đựng. Phí tiền xây cất còn lớn lao quá, không thể đủ cung cấp cho toàn thể nhân dân. Mặt khác, cũng nên nhớ rằng chiến tranh sau này sẽ xảy ra bất thần và chỉ trong vài phút hỏa tiễn đã có thể dội xuống thành thị, khiến cho nhân dân không kịp vào hầm trú ẩn.

Phương pháp thứ hai là dùng hỏa tiễn để chống hỏa tiễn. Mỹ đang thí nghiệm rất nhiều hỏa tiễn kiểu này để phá các hỏa tiễn tấn công. Các hỏa tiễn phòng vệ sẽ nổ trên đường bay của hỏa tiễn ICBM thành từng núi lửa cản đường. Nhưng muốn phá một hỏa tiễn tấn công phải dùng

hàng mấy chục hỏa tiễn phòng vệ, phí tổn hàng chục triệu Mỹ kim. Trong tình trạng hiện tại, Nga hoặc Mỹ đều chưa đủ sức sản xuất hỏa tiễn phòng vệ để phá đối phương.

Có thể nói rằng không có một sức gì phá được hỏa tiễn tấn công.

Tấn công để phòng thủ

Trong đấu pháp bóng tròn, nguyên tắc căn bản là : « Sự tấn công là phương pháp phòng thủ hay nhất ».

Có một hàng phòng thủ rất hay, nhưng chống đỡ mãi rồi cũng có lúc thua. Trái lại, nếu hàng tiền đạo sắc bén luôn luôn hăm thành địch, thời hàng phòng thủ có kém cũng không thua.

Áp dụng trong chiến tranh hỏa tiễn, đấu pháp này giữ nguyên giá trị của nó.

Muốn chống lại hỏa tiễn chỉ có cách sản xuất rất nhiều hỏa tiễn tấn công, giữ nguyên vẹn lực lượng, để tấn công trước, hoặc nếu bị tấn công, đủ lực lượng trả đũa.

Và trò gián điệp và phản gián

Cuộc chiến tranh hỏa tiễn có tính cách chớp nhoáng và thẳng lối dễ nghiêng vào kẻ đánh trước, cho nên ngày giờ khởi chiến và địa điểm phóng hỏa tiễn phải được tuyệt đối giữ bí mật. Vai trò gián điệp và phản gián rất quan trọng trong chiến tranh thường, càng quan trọng gấp bội trong trận chiến tranh hỏa tiễn. Muốn phòng thủ cho chắc phải có một hệ thống gián điệp cực kỳ tinh vi để dò xét ý định của đối phương và bảo vệ sự bí mật về căn cứ và số lượng hỏa tiễn tấn công.

Đoàn kết chặt chẽ quanh nước Mỹ

Các nước Âu-châu có một quá khứ vẻ vang, thường tủi nhục khi phải cộng tác

với Mỹ, phải để cho Mỹ thiết lập các căn cứ quân sự trên đất họ.

Song hiện nay, có nhiều triệu chứng tỏ ra họ đã hiểu sự kiêu ngạo quốc gia cần gác bỏ ra một bên, và có hợp tác chặt chẽ với Mỹ, các nước Âu-châu mới đủ sức sản xuất hỏa tiễn để gìn giữ nền độc lập quốc gia và bảo vệ các quyền tự do cho nhân dân.

Sự thành lập các căn cứ quân sự Mỹ trên đất đai của họ, có thể mang lại nguy cơ bị hỏa tiễn Nga-Xô tiêu diệt nếu có chiến tranh. Nhưng sự tiêu diệt nước Mỹ có nghĩa là toàn thể thế giới trở thành nô lệ sống nhục nhã dưới sự thống trị của Cộng sản Nga-xô.

Hơn nữa, nếu có chiến tranh hỏa tiễn, cũng không quốc gia nào đứng ngoài vòng chiến được.

Tóm tắt lại : 1 — Không một nước nào trên Châu-Âu, đứng riêng rẽ mà có đủ sức chống trọi và trả miếng hỏa tiễn Nga-Xô.

2— Trong vòng cận đây, nếu có chiến tranh, các căn cứ quân sự ở Châu Âu sẽ là mục tiêu đầu tiên của sự oanh tạc bằng hỏa tiễn.

3— Cách phòng thủ duy nhất có hiệu lực ở Châu Âu là sự đoàn kết chặt chẽ với Mỹ để sản xuất gấp các hỏa tiễn bậc trung (IRBM) và thiết lập các căn cứ phóng hỏa tiễn bao vây chặt chẽ quanh Liên Xô.

PHẠM-DUY-LÂN

Tài liệu về hỏa tiễn trích trong Témoignage Chrétien số 701 ngày 12-12-1957 của Đại Tướng XXX).

ĐỨC DỤC và CÔNG DÂN GIÁO DỤC

Phan-Khoang



Ừ mấy năm nay, trong các trường học Việt-Nam, từ các lớp tiểu học trở lên, chương trình có thêm một món học mới là Công dân giáo dục mà trước kia học trò không học đến.

Công dân giáo dục có mục đích dạy con người bốn phạm làm dân, căn cứ vào pháp luật.

Xưa kia các trường Việt-Nam chỉ dạy đức dục đề đào tạo học sinh cho có tư cách làm người, trọng luân thường, nhân, ái, lễ, nghĩa, liêm, sĩ, trung, tín, nghĩa là một món giáo dục căn cứ trên đạo đức. Sở dĩ thuở ấy người ta không cần đến công dân giáo dục là vì với đức dục, con người đã có tư cách, thì bất cứ ở đâu trong gia đình hay ngoài xã hội

cũng cư xử đúng đắn, tức là một công dân tốt rồi.) Nhưng tiếm nhiệm văn hóa Âu Tây, người Việt-Nam cũng theo người Âu Tây mà trọng thị pháp luật và cho rằng luân lý, đạo đức, và pháp luật thuộc hai phạm vi riêng biệt.

Sự kỳ thị này có những ảnh hưởng quan trọng ở xã hội Việt-Nam. Từ đây, người Việt-Nam cũng quan niệm như người Âu Tây rằng nhà cầm quyền chỉ lo cho nhân dân không trái pháp luật, và trừng trị những ai vi phạm nó, còn những hành vi thương luân bại lý thì để dư luận phê phán, pháp luật không can thiệp vào. Ấy là ngược lại ngày trước, thời đại mà người ta lấy luân lý, đạo đức làm một thứ tư pháp, và nhà cầm quyền có trách nhiệm trực tiếp thi hành nó, tự mình phải có đức hạnh để khuyến

khích những hành vi hiếu, đễ, nhân, nghĩa, v.v... và trừng phạt những việc thương tổn luân lý, như thế, đức dục được dạy, được thực hành ở mọi lúc, mọi nơi trong đời sống xã hội, chứ không phải chỉ dạy suông ở nhà trường mà thôi, cho nên nó dễ được bồi thực hơn, dễ trở thành thói thường hơn là phó mặc cho dư luận, chánh quyền không can thiệp đến. Phải chăng vì đó một phần — vẫn biết là một phần thôi, — mà trình độ đạo đức của dân chúng thấp kém dần ?

Thêm món học công dân giáo dục là vì ngày nay đời sống xã hội trở nên dần dần phức tạp, sự giao tế giữa nhân dân thêm phiền toái, cho nên người công dân không thể không hiểu biết bốn phận của mình đối với chánh quyền và đồng bào trong nước. Ấy là một lẽ chính đáng, không cần bàn cãi. Ở đây chúng tôi chỉ muốn bàn về phần nặng, nhẹ và về ảnh hưởng của một quan niệm có thể quá cách biệt giữa hai môn học mà thôi.

Đức dục và công dân giáo dục tuy chỉ là hai môn học, nhưng phản ảnh hai quan niệm nhân trị và pháp trị đương được bàn bạc từ lâu.

Nhân trị lấy người mà trị dân, cho rằng người cầm quyền phải hoàn hảo tài đức rất mực, để đức người trên đủ cảm hóa người dưới. Đã thế thì phải để cho họ một địa vị và một trách nhiệm quan trọng, được tự tiện hành động, sao cho nhân dân an ổn, chứ không bị câu thúc bởi những qui lệ định sẵn. Pháp trị, trái lại chủ trương phải có pháp luật rõ

ràng, người cầm quyền chỉ theo đúng đấy mà làm, khiến họ dễ thừa hành chức vụ, để tránh những sự lầm lạc. Vì thế người cầm quyền không cần phải là hạng người tài đức, hạng người tâm thường cũng có thể đảm đương địa vị và làm tròn phận sự được, còn nhân dân chỉ tuân pháp luật, có tuân nhà cầm quyền cũng chỉ tuân trong phạm vi pháp luật mà thôi.

Xưa kia, các nước ở Á-Đông theo nhân trị, còn các nước Âu Tây thì đã từ lâu, theo pháp trị. Vì đó mà ở Á người ta chú trọng đức dục, còn ở Âu, người ta chú trọng công dân giáo dục.

Ở các nước Âu Tây, vì hoàn cảnh xã hội, quan niệm pháp trị sẵn có từ lâu, không nói làm gì. Nhưng ở Á-Đông và riêng ở Việt-Nam, từ khi Âu hóa, đã nghe nhiều người lên tiếng chủ trương pháp trị hoàn toàn, nên vấn đề này cần phải bàn bạc.

Thật ra, xưa kia thì thế nào không nói, chứ trong khoảng trăm năm lại đây ở Việt-nam không có chế độ hoàn toàn nhân trị là vì nước đã có pháp luật rõ ràng, việc gì cũng có qui lệ minh bạch, quyền lợi và nghĩa vụ của mọi người đã được vạch sẵn ; nhà cầm quyền chỉ dựa theo đó mà hành động, chứ không thể cai trị theo ý muốn riêng được.

Ngày nay, ở Việt-Nam không ai không biết rằng những quan niệm « lấy đức hóa dân, » « người cầm quyền chỉ ngồi yên một chỗ như sao Bắc-

đầu mà các sao khác quay quẩn chung quanh» không còn tồn tại được nữa. Và theo thuyết nhân trị, người cầm quyền phải có tài, có đức rất mực, nhất là đức, mà ngày nay hạng người ấy đâu có cho nhiều mà thực hành nhân trị.

Phép nhân trị hoàn toàn, theo đúng nghĩa nó, không trông thấy ở Việt-Nam đã từ lâu rồi, nhưng pháp trị như ở các nước Âu Tây cũng không thi hành được.

Vì người dân Việt-Nam đa số sống vì nông nghiệp, quen suy luận một cách giản dị về pháp luật, về chánh quyền. Họ không cần biết nhiều về pháp luật, họ tự nghĩ rằng pháp luật chẳng qua là sự qui định cách giao tế và liên hệ giữa người này với người khác trong xã hội, mà sự giao tế, liên hệ ấy cũng chẳng ngoài các lẽ hiếu, đễ, trung, tín, nghĩa, nhân, thứ, liêm, si; và ở trong gia đình họ đã là một người con tốt, thì ở ngoài xã hội họ là một người dân lành. Những qui tắc về việc tổ tụng của pháp luật đời nay nếu đem nói với họ, họ khó lòng mà tin được, và có lẽ tâm trạng ấy sẽ còn mãi như thế lâu ngày nữa. Ví dụ, họ không hiểu được vì sao họ đã xuất tiền mua một đám ruộng mà chỉ vì không đăng bạ mà họ phải mất đám ruộng, họ không hiểu vì sao họ chống lại một vụ án lên tòa trên, nhưng vì quá hạn mà tuy họ có lý cũng phải thua v.v... Theo quan niệm pháp trị Âu Tây, hễ người dân gặp một mệnh lệnh không đúng với pháp luật thì

có thể dựa vào pháp luật để phản kháng lại. Người dân Việt-Nam không thể nghĩ, không thể làm như vậy. Bất phục một viên chức của chính quyền, họ chỉ biết kêu ca với một viên chức ở cấp trên mà thôi.

Xem thế thì người dân Việt-Nam tuy đã lâu ngày sống dưới những chế độ có pháp luật phân minh, nhưng coi trọng người cầm quyền hơn pháp luật. Đối với họ nhà cầm quyền là kẻ thay mặt chính phủ, tức là pháp luật đó. Cho nên họ tùy - tư cách nhà cầm quyền mà tin tưởng, mà kính nể chính phủ và pháp luật. Cá nhân của nhà cầm quyền rất quan trọng đối với chức vụ mình vậy.

Và, nếu ta xét thấy rằng thật ra pháp luật, qui lệ đời nào, nước nào cũng có tính cách co dãn đôi phần mà mỗi người có thể thi hành một cách khác, nên tư cách, ý kiến của người cầm quyền không thể tuyệt nhiên không có ảnh hưởng được, thì ta phải nhận rằng quan niệm nói trên của người Việt-Nam không phải hoàn toàn vô lý. Kìa xem các nước Âu Tây đời nay là nơi bài xích nhân trị mỗi chánh khách khi ra lập chính phủ, cầm chánh quyền, có một chánh sách riêng, nó có thể trái hẳn với đường lối thông thường của nước nhà, hoặc của chính phủ trước, và có thể đem lại an hay nguy cho Tổ-quốc, cho nhân dân, như thế thì có phải là hoàn toàn pháp trị đâu? . . .

Nhưng rồi sau này công nghệ, thương mại mở mang, chủ nghĩa vật chất thịnh hành, đời sống xã hội trở

nên phức tạp hơn, thì pháp luật cũng phải theo đó mà phiền toái thêm. Đời Xuân-Thu, đức Khổng-Tử so sánh với đời trước cũng đã phải nói : « hình pháp đời xưa ít, hình pháp đời nay nhiều, vì người cầm quyền đời xưa trước dùng lễ (nghĩa) rồi sau mới dùng hình, còn nay thì không có lễ nữa mà chỉ dùng hình để trị, cho nên nhiều hình pháp » (cồ chi hình giả tĩn chi, kim chi hình giả phồn chi, kỳ giáo cồ giả hữu lễ, nhiên hậu hữu bĩn, thị dĩ hình tĩn giả, kim đã phồn thị, vô lễ nhi tề chi dĩ hình, thị dĩ phồn đã). Huống chi ngày nay, đã không dùng lễ nghĩa để kìm hãm bớt thị dục và duy hệ lòng người mà chỉ biết tùy theo sự phức tạp của đời sống vật chất mà đặt thêm luật thêm lệ, thì luật lệ ắt phải càng ngày càng nhiều thêm lên. Khi ấy, người dân Việt-nam, dù muốn dù không, ắt cần chú trọng đến pháp luật hơn và môn công dân giáo dục sẽ là cần lắm.

Đến ngày ấy chưa biết thế nào, chứ hiện nay thì phong tục và tâm lý người Việt-Nam như đã nói trên, trọng người cầm quyền, trọng luân lý, đạo đức hơn là trọng pháp luật. Vì vậy đức dục vẫn là quan trọng hơn công dân giáo dục.

Người xưa nói rằng : « không dạy dân mà xử bằng hình ngục, ấy là giết oan người ta » (bất giáo dân nhi thích kỳ ngục sát bất cô dã.)

Dạy dân đây không phải là dạy bõn phận công dân, đường lối chính trị mà là dạy làm người, tức là đức dục.

Dạy công dân giáo dục, chính trị giáo dục chỉ lo cho cái ngành, cái ngọn được tươi tốt, còn đức dục mới là vun quén cho gốc rễ được vững chãi. Gốc rễ được vững chãi thì ngành, ngọn cũng tươi tốt, chứ nó mục nát thì ngành ngọn tốt tươi bao nhiêu cũng là vô ích.

Có người nói rằng : nếu trong thời hiện đại nước nào cũng biết lấy luân lý, đạo đức mà làm thứ trị pháp, cồ động, tuyên truyền cho nó như đã cồ động, tuyên truyền cho chính trị, và coi nhân, nghĩa, liêm, si như một chương trình chính trị thì loài người đã ít cực khổ hơn như bây giờ.

Có thật thế không ?

PHAN - KHOANG

☆ Lúc nào cũng an nhiên, chớ để cho đau khổ, lo âu, buồn nản chể ngự mình.

ELISABETH LESCUR

NHÀ THỰC KHÔNG PHẢI LÀ MỘT ĐỜI VUA VIỆT ?

Phạm-Hoàn-Mĩ



RONG bài « Nhà Triệu là một triều đại Việt ? — Lữ-Gia là một anh hùng Việt ? » đăng ở số báo trước, chúng tôi nhân nhớ câu tục ngữ trời Tây:

« Cửa Thiên-Chúa trả về Thiên-Chúa,
« Cửa César trả lại César, »

mà đưa a ý kiến :

« Cửa ang-hoa thì giao lại cho Tàu. »

Trong bài này, chúng tôi xin cố sao, đề :

« **Của giống Việt giữ dành cho nòi Việt.** »

Nhất là đây lại là một người, một Người rất đổi đáng xót thương, đã

đáng thương vì một phút lỡ lầm mà thiên thu di hận, lại đáng xót vì ngày sau, đời người quyết « khai trừ » Người ra khỏi cuốn sử của nòi giống Việt.

Người đó tên **Phán**, họ **Thục**, hiệu **An-Dương-vương**, vua nước **Âu-Lạc** (258 ? — 207 tr. T.L.)



Sử gia đầu tiên của nước ta, Lê-văn-Hưu (thế kỷ XIII) chỉ chép từ đời Triệu-Vũ đế đến đời Lý-Chiên-hoàng (2). Tuy không nói ra nhưng rõ ràng là ông đề người dựng nước Âu-lạc ra ngoài sử Việt.

NHÀ THỰC KHÔNG PHẢI LÀ...

Đến Ngô-Sĩ-Liên (thế kỷ XV) mới thêm mười tám vua Hùng và vua Thục (2). Ông hợp họ Hồng-Bàng và nhà Thục với thời Bắc thuộc làm ra bộ *Ngoại-kỷ*. Để viết đoạn sử từ Triệu-Đà trở về trước, ông đã căn cứ vào những chuyện truyền trong dân gian, những sách ghi những truyện truyền kỳ như « *Lĩnh-nam trích quái* » cùng những điều vụn vặt có chép rải rác trong sách sử Tàu, như *Hoài-nam tử*, *Sử ký*, *Tiền-Hán thư*, *Quảng-châu kỷ*, *Giao-châu ngoại vực kỷ*.

Và từ đấy về sau, các sử gia đều nhận Thục-An-Dương-vương là một đời vua của nòi giống Việt.

Hai tiếng « **Thuộc Thục** », chúng tôi chỉ thấy có hai lần.

Lần đầu, trong quyền tranh quốc sử của hai ông Nguyễn-Văn-Minh và Tạ-Đình-Ninh. Quyền tranh « *Thuộc Thục* » này ra đời năm 1929, do nhà Quảng-văn-thành xuất bản.

Lần kế, trong cuốn chương trình Trung học do bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản gần đây.

Song quyết liệt và cặn kẽ hơn hết, trước sau, chỉ có hai nhà văn dưới đây, một họ Nguyễn ở thế kỷ trước, một họ Ngô ở thế kỷ này.

« Nguyễn-văn-Siêu là người đầu tiên « quả quyết bằng cách nghi ngờ » rằng « *Nước-Việt không có nhà Thục* ». Bằng chứng là bài thơ « *Xem miếu vua An-Dương ở thành Cồ-Loa* », mà ông Ngô-Tất-Tố lược dịch như sau :

« *Cung cũ đóng đầu rồng,
« *Lũy xưa quanh ruột ốc.
« *Làm sao đất quận Giao,
« *Lại có thành vua Thục ?
« *Bách-Việt, Tần quen gọi,
« *Phong-khê, Hán đặt ra.
« *Sử theo lời « Trích quái », (3)
« *Ai tổ sự sai ngoa. »********

(Nguyên văn : (4)

Long thủ di cung tại,
Loa trường cồ lũy oanh.
Nur hà Giao chỉ địa ?
Khước hữu Thục-vương thành ?
Bách-Việt Tần sơ hiệu,
Phong - khê Hán hậu danh.
Sử biên truyền « Trích-quái ».
Tự điển hương thủy minh).

Theo Ngô-Tất-Tố, dưới bài thơ trên đây, có chua :

« *Làng Cồ-loa, huyện Đông-ngàn (5), có di tích một vòng thành cũ. Thành có hai vành quanh eo giống như ruột ốc. Vành trong, chỗ cao nhất ở chính giữa, người vùng đó bảo là trán rồng: hai chỗ lõm xuống ở mặt trước thì họ bảo là mắt rồng. Miếu ở bên trên chỗ đó, thờ vua An-Dương.*

(1) Trong bộ « *Đại-Việt sử ký* »

(2) Trong bộ « *Đại-Việt sử ký toàn thư* »

(3) Tức tập « *Lĩnh-nam trích quái* » của Trần-Thế-Pháp do Vũ-Quỳnh, đời Lê-Thánh-tông sửa lại.

(4) Trong tập « *Phương-Đình mạn hứng* »

(5) Nay thuộc huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-yên.

« Xem trong sử, về phần ngoại kỷ, có nói vua An-Dương đắp thành ở Việt - thườg, đóng đô tại Phong-khê, tức là chỉ vào chỗ này...

« Xét trong sử Tàu, thì đất Bách-Việt mới khai thác ra từ đời nhà Tần. Họ chia ra làm ba quận, là: Quế-lâm (tức Quảng - tây), Nam-hải (tức là hai châu Giao, Quảng, tỉnh Quảng-đông và đất nước ta) và Tượng-quận (thì là những tỉnh Thanh, Nghệ, Thuận, Quảng ngày nay). Đến đời Hán lại chia ra làm bảy quận. Vì đất nước mình cũng ở trong số ba quận của nhà Tần, họ muốn giữ lại cái tên đời xưa, mới gọi là quận Giao-chỉ. Thế thì vua An-Dương nước Thục đi bằng đường nào mà đến được đây ?

« Huống chi đất xứ Bách-Việt đã bị nhà Tần đặt làm quận huyện của họ, lẽ nào vua An-Dương còn được có riêng một nước để làm vua cho đến khi nhà Tần rối loạn ?...

« Lại xét ở chuyện Mã-Viện, có chỗ nói rằng : « Viện thấy địa giới xa nhất của huyện Tây-tử (?) trong quận Giao-chỉ cách huyện thành đến hơn nghìn dặm, mới xin đặt thêm hai huyện Phong-khê, Vọng-hải », thế thì trong khi nhà Tần mở mang, Ngũ-lĩnh vẫn chưa có tên Phong-khê, nữa là những đời trước đó ?

« Coi đó biết rằng các nhà làm sử, người nọ lại theo sự sai lầm của người kia, lâu rồi thành ra chuyện thật. »

Ngô-Tất-Tố sau khi đưa bài thơ cùng những ý kiến của Phương-Định Nguyễn-Văn-Siêu ở thế kỷ trước — những ý

kiến mà ông tán thành — lại bác luôn cái dấu vết lịch sử mà tục truyền cũng như sách sử đều cho là do An-Dương-vương cùng dân Âu-Lạc xây, đó là thành Cồ-loa. Tác giả « Lều chõng » lại đồng ý với Nguyễn-Văn-Siêu cho rằng thành này do người Hán thực dân đắp lên, ông còn cho hoặc do Ngô-Tiên-chủ hay Hậu-Ngô-vương xây nó.

Ngô-Tất-Tố quyết rằng các nhà làm sử đã theo tài liệu trong cuốn « *Lĩnh-Nam trích quái* » của Trần-Thế-Pháp soạn, do Vu-Quỳnh đời Lê-Thánh-Tông sửa lại, và ông Vũ-Quỳnh dựa vào lời chưa tối nghĩa của một quyển Sử ký đời Hán mà gán việc xây Cồ-loa thành cho vua Thục và đưa nhà vua này vào sử nước ta.

Vậy vì cớ gì mà các sử gia Việt ta lại nhận là vua nước mình một ông vua chẳng biết có hay không, một ông vua mà dù có đi nữa cũng chẳng ăn thua gì đến dân tộc ta, vậy thì còn ngần ngại gì mà chẳng như Nguyễn-Văn-Siêu đã làm — « đuổi vua Thục ra khỏi lịch sử Việt - nam » (6). Ông còn viết : (6) « Vả lại, nếu quả lúc ấy có một nước Thục, bị quân Triệu-Đà đánh lấy, thì nó cũng là một việc to lớn, ít ra sử Tàu cũng có nói đến, vì họ đã nói tiền sử Triệu-Đà rất kỹ. Nhưng mà không, trong chuyện Triệu-Đà ở cuốn Sử ký đời Hán, về việc đối phó với nước láng giềng, chỉ có mấy chữ thế này : « Đà nhân dĩ binh uy biên, tài vật lộ duy

(6) Ngô-Tất-Tố, trong bài « Nước Nam không có ông An-Dương-vương nhà Thục », đăng tạp chí « Tao-dân », số 3, ngày 1-4-1939.

NHÀ THỰC KHÔNG PHẢI LÀ...

« *Mân - Việt, Tây-Âu-Lạc, dịch thuộc yên,* » (Đà nhân đem quân thị uy ở biên giới, dùng của cải đồ vật đút lót cho các xứ Mân-Việt, Tây-Âu-Lạc, sai khiến được họ (?). Còn việc đánh vua An-Dương, họ không nói đến chữ nào. Đủ biết chuyện đánh nước Thục không phải sự thật của Triệu-Đà. »

Rồi tác giả « *Tất đèn* » kết thúc bài « *Nước Nam không có ông An-Dương-vương* » của mình bằng những dòng này :

« Chỉ vì các nhà chép sử đời sau, thấy cái lịch sử nước mình quá ư ngắn ngủi, sợ có hại đến quốc thể, nên mới vào vào những chuyện quái gở vào đó để khoe nước mình lập quốc đã lâu.

« Người xưa thiếu óc kẻ cứu mà bị sai lầm đã đành. Ông Trần-Trọng-Kim là học giả của thế kỷ hai mươi, mà trong cuốn « *Việt-nam sử lược* » cũng nói chắc chắn nước mình đã có vua Thục. Và không thêm bảo cho người ta biết đó là tài liệu của sách « *Lĩnh-nam trích quái* ». Cái đó mới là đời chứ !

Chúng ta cũng nên biết rằng : cái thể diện của một nước, cần ở hiện tại và tương lai, không cần ở quá khứ. Quá khứ dù có tốt đẹp, nhưng hiện tại không ra gì, thì cái nước ấy vẫn không ra gì. Chúng ta không thể bảo nước Ai-cập tốt đẹp hơn nước Nhật-bản, thì chúng ta cũng không cần thêm vua An-Dương để tô điểm cho nước Việt-nam. Từ nay trở đi, trong cuốn lịch sử Việt-nam nên khai trừ ông vua nhà Thục. Cho nó đứng với sự thực. »



Học giả họ Ngô hăng hái đến thế, nhưng kết quả thi... từ ấy nhân này, những nhà soạn sử đều nhìn nhận An-Dương là vua dòng Việt, trừ đôi người còn phân vân.

Ông Phạm-Văn-Sơn là một :

« Theo thuyết chính thống, An-Dương-vương không thuộc về một thị tộc Việt nào hết, nhưng một vài sử gia ngày nay cho rằng An-Dương-vương là người ngoài cũng chưa có chứng cớ đầy đủ ; như vậy ta chưa thể quyết định nhà Thục là một triều vua nước ta hay chỉ là một triều ngoại thuộc. Vấn đề này đành tạm để lại trong khi chờ đợi sự tìm tòi của các nhà học giả sau này. Dù An-Dương-Vương là người nước Việt hay người nước Thục, xét vai trò quan trọng của An-Dương-vương bấy giờ trên đất Âu-Lạc, ta cũng không thể bỏ nhà Thục ra ngoài cuốn sử của ta. » (7)

Ý kiến trên đây, học giả Đào-Duy-Anh đã có dịp nêu lên, mười hai năm về trước (8) :

« ... Song, dầu An-Dương-vương là người Việt hay người ngoài đến chinh phục đất Việt, ta cũng không có lẽ nào bỏ chuyện An-Dương-vương mà không chép vào sử của ta. »

Nhưng giờ đây, bộ Quốc gia Giáo dục đã ghi trong chương trình dạy sử nước nhà : « *Thuộc Thục* », tức là

(7) « *Việt sử tân biên* », quyển I, 1956.

(8) Trong bài « *Nhà-Thục và nhà Triệu* », tạp chí « *Tri tân* » số Xuân giáp thân (1944)

đồng ý chép thời nhà Thục vào sử nước ta, nhưng xem đó là một thời ngoại thuộc, nghĩa là không nhận vua An-Dương-vương là vua dân Việt, nghĩa là đề Thục-Phán « ngồi một chiếu » với Triệu-Đà :

«Thuộc Thục. — Nhà Tần thôn tính Bách-Việt. — Thuộc Triệu.»

Quyết định của bộ Giáo dục có một giá trị... quyết định.

Thế mà những cuốn sử viết cho học sinh ban Trung học — rõ ràng hơn, cho lớp Đệ thất ban Trung học đệ nhất cấp — lại chẳng « tuân » theo lời của bộ. Họ đều kể nhà Thục là một triều đại Việt, vua An-Dương-vương là một vị vua Việt.

Vì đâu có sự « bất tuân thượng lệnh » (9) ăn rập này ?

Một cơ chánh là bộ Quốc gia Giáo dục chỉ ghi trong chương trình sử, mà chẳng có lời giải thích kèm theo, nên những ai không đồng ý, cũng phân vân...

Tuy vậy, chúng ta cũng có thể đoán (nà không sợ sai bao nhiêu) rằng ý lẽ của bộ Quốc gia Giáo dục chẳng ngoài các ý lẽ của hai ông Nguyễn-Văn-Siêu và Ngô-Tất-Tố đã nêu ở trên.

Chúng ta có thể tóm tắt :

1. — Vua Thục không phải là người có thật, bởi chuyện « Nỗ thần » là chuyện hoang đường.

2. — Nước Ba-Thục ở rất xa nước Văn-lang, lại cách trở sơn xuyên vạn dặm, không thể nào một ông vua nước ấy vào thời ấy lại dám phiêu lưu mạo

hiểm như thế. Mà dù sự kiện lịch sử ấy mà có đi nữa, thì những xứ ở giữa nước Ba-Thục và nước Văn-lang sao chẳng lời gì nói đến cuộc « đi qua » của đoàn binh nước Thục ?

3. — Thục-Phán dù sao cũng là người nước ngoài, xâm lăng nước ta, chiếm lấy nước ta; thì nước ta lệ thuộc nhà Thục, hay thuộc Thục.

Trước khi trả lời ba cái lẽ trên đây, chúng tôi xin nhờ nhà viết sử đầu tiên đã nhận An-Dương-vương là vua người Việt : Ngô-Sĩ-Liên. (10)

« Nhà Thục. — An-Dương-vương, ở ngôi 50 năm, họ Thục, tên Phán, người Ba-Thục, đóng đô ở Phong-kê (nay là thành Cổ-loa).

« Giáp-thìn, năm đầu (năm 58 đời Noãn-vương nhà Chu), vua đã chiếm nước Văn-lang, rồi thì đổi tên nước là Âu-Lạc.

Xưa vua nhiều lần đem binh đánh Hùng-vương, nhưng Hùng-vương có binh mạnh tướng gan, vua thua luôn. Hùng-vương nói với vua rằng : « Ta có sức thần, nước Thục không sợ sao ? » rồi bỏ không sửa sang vũ bị nữa, chỉ ham ăn uống để mua vui. Quân nhà Thục đến gần mà Hùng-vương còn say sưa chưa tỉnh, bèn học mào nhảy xuống giếng mà chết. Quân lính trở giáo đầu hàng. Thục-vương xây thành ở Việt-thường, rộng nghìn trượng,

(9) Chúng tôi tạm dịch thành ngữ Pháp : *refus d'obéissance.*

(10) Đào-Duy-Anh dịch « Đại-Việt sử ký toàn thư ».

vòng quanh theo hình tròn ốc cho nên gọi là *Loa-thành*, lại gọi là *Tu-long* (người Đường gọi là thành *Côn-lôn* vì thành ấy cao lắm). Thành xây xong lại đổ, vua lấy làm lo, bèn làm chay đề cầu đảo trời đất cùng thần núi thần sông, rồi lại xây lại...

Đến Lê - Ngô - Cát và Phạm-Đình-Toái, trong « *Đại-Nam quốc sử diễn ca* » đã mở và khép đoạn nói về nhà Thục như sau :

« Thục từ dứt nước Văn-lang,
« Đổi tên Âu-Lạc, mới sang Loa-thành.
« Phong-kê là đất Vũ-ninh,
« Xây thôi lại lở, công trình biết bao.
« Thục vương thành ý khẩn cầu,
« Bồng dân Giang sử hiện vào Kim quí,
.....
« Bể Nam đến bước cùng đường,
« Vãng tề theo theo ngọn suối vàng
cho xuôi.
« Tinh ra nước Thục một đời,
« Ở ngôi vừa được năm mươi năm tròn.
« Nghe thần rồi lại tin con,
« Cơ mưu chẳng nhiệm thời còn trách
ai ? »

Gần chúng ta nhất, có Trần-Trọng-Kim, nhà « học giả của thế kỷ hai mươi » đã bị Ngô-Tất-Tố « rầy nặng » như chúng ta đã thấy, vì trong cuốn *Việt-nam sử lược* cũng nói chắc chắn nước mình đã có vua Thục. Đây, lời sử gia họ Trần về :

« Gốc tích nhà Thục. — Nhà Thục chép trong sử nước ta không phải là nước Thục bên Tàu, vì rằng cứ theo sử nước Tàu thì đời bấy giờ đất Ba-Thục (Tứ-xuyên) đã thuộc về nhà Tần cai trị rồi, thì còn có vua nào nữa. Vả, sử ta chép rằng khi Thục-vương

Phán lấy được nước Văn-lang, thì đổi quốc hiệu là Âu-Lạc, tức là nước Âu-Lạc gồm cả nước Thục và nước Văn - Lang. Song xét trong lịch sử không thấy đâu nói đất Ba-Thục thuộc về Âu-Lạc. Huống chi lấy địa dư mà xét thì từ đất Ba-Thục (Tứ-xuyên) sang đến Văn-lang (Bắc-Việt) cách bao nhiêu đàng đất và còn bao nhiêu núi sông ngăn trở, làm thế nào quân nhà Thục sang lấy nước Văn-lang dễ dàng như vậy ? Sử cũ lại có chỗ chép rằng An-Dương-vương họ là Thục, tên là Phán, như vậy chắc hẳn nhà Thục tức là một họ nào độc lập ở gần nước Văn-lang, chứ không phải là Thục bên Tàu. Sách « *Khâm định Việt sử* » cũng bàn như thế ». (11)

Với các ý kiến trên đây, chúng tôi tưởng cũng đủ để bác ba cái lý của Nguyễn-Văn-Siêu, Ngô-Tất-Tố, bộ Quốc gia Giáo dục cùng những ai chẳng nhận nhà Thục là một đời vua Việt.

1. — Vua Thục không phải là người có thật, bởi chuyện « *Nổ thần* » là chuyện hoang đường.

Chúng tôi trả lời ngay bằng câu hỏi : « Triệu-Đà cũng dính đến chuyện « *Nổ thần* », vậy sao Triệu-Đà là người có thật, sử ta và sử Tàu có chép rõ ràng ? »

Có gì đáng lấy làm lạ một khi dân gian từ đời này sang đời khác thêu dệt quanh một cốt chuyện thật nào đó để thêm phần thi vị hay bi ai, để tìm cách lý giải những hiện tượng

(11) « *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* » bản rằng Thục đó chỉ là một họ nào ở lân cận nước Văn-lang ở miền Tây-Bắc, chứ nước Thục ở Tứ-xuyên đã bị nhà Tần diệt từ đời Chu (tức 316 tr. T.l), và cách xa nước ta hai ba nghìn dặm...

thiên nhiên hay lịch sử rất bí mật đối với trí óc non nớt của họ.

Một Triệu-Đà quý quyết, một Trọng-Thủy khôn lanh.

Một Mị-Châu ngây thơ, một Thực-Phân thật thà.

Ta có thể thêm vào đó, bí mật phòng thủ Âu-Lạc cũng bí mật làm tên bịt đồng tâm thuốc độc.

Bao nhiêu đồ cũng đủ để cho trí tưởng tượng của người dân Việt điếm tở; nào thần Kim-Quì, nào nỏ thần nào lông ngỗng gieo tình, nào ngọc trai Mị-Châu rửa nước giếng Trọng-Thủy, v.v...

« Cho nó đúng với sự thực. »

Hắn chúng ta thấy lời « chém đá » trên đây của Ngô-Tất-Tổ thốt ra mười tám năm về trước, nào cần suy gẫm lại. « Cho nó đúng với sự thật. » Sự thật hơn hai ngàn năm về trước, khi dân tộc ta vừa mới ra khỏi thời tiền sử âm u ! Biết đâu là sự thật ? Chúng ta chỉ dám mong những ước đoán mình đưa ra chẳng xa sự thật là bao. Chẳng hạn như « ước đoán » sau đây của nhà văn Bình-Nguyên-Lộc (12) : Triệu-Đà

« Bị ta đánh bại chạy dạt huyệt hơi.
« Rút quân rồi hắn trao lời,
« Thề xin giao hảo đời đời với ta.
« Hắn đưa con hắn sang qua,
« Mang theo lễ mễ để mà cầu hôn.
« Thực-vương vốn người có nhơn,
« Bên đem con gái là nương Mị-Châu
« Gả chàng Trọng-Thủy tướng Tàu,
« Rồi cho chú rể ở hầu một bên.
« Nuôi ong tay áo, cho nên,

« Về sau phải chịu ngửa nghiêng nước nhà.

« Bao nhiêu bí mật Cồ-loa,
« Bị người rề quý mang qua bên Tàu.
« Mị-Châu là phận má đào,
« Thương chồng rồi phản đồng bào,
phản cha.

« Thực-vương làm kế Triệu-Đà,
« Phải đành tự tận; Nước nhà ngoại xâm. »

Chúng tôi mong đã bác được lý thứ nhất,

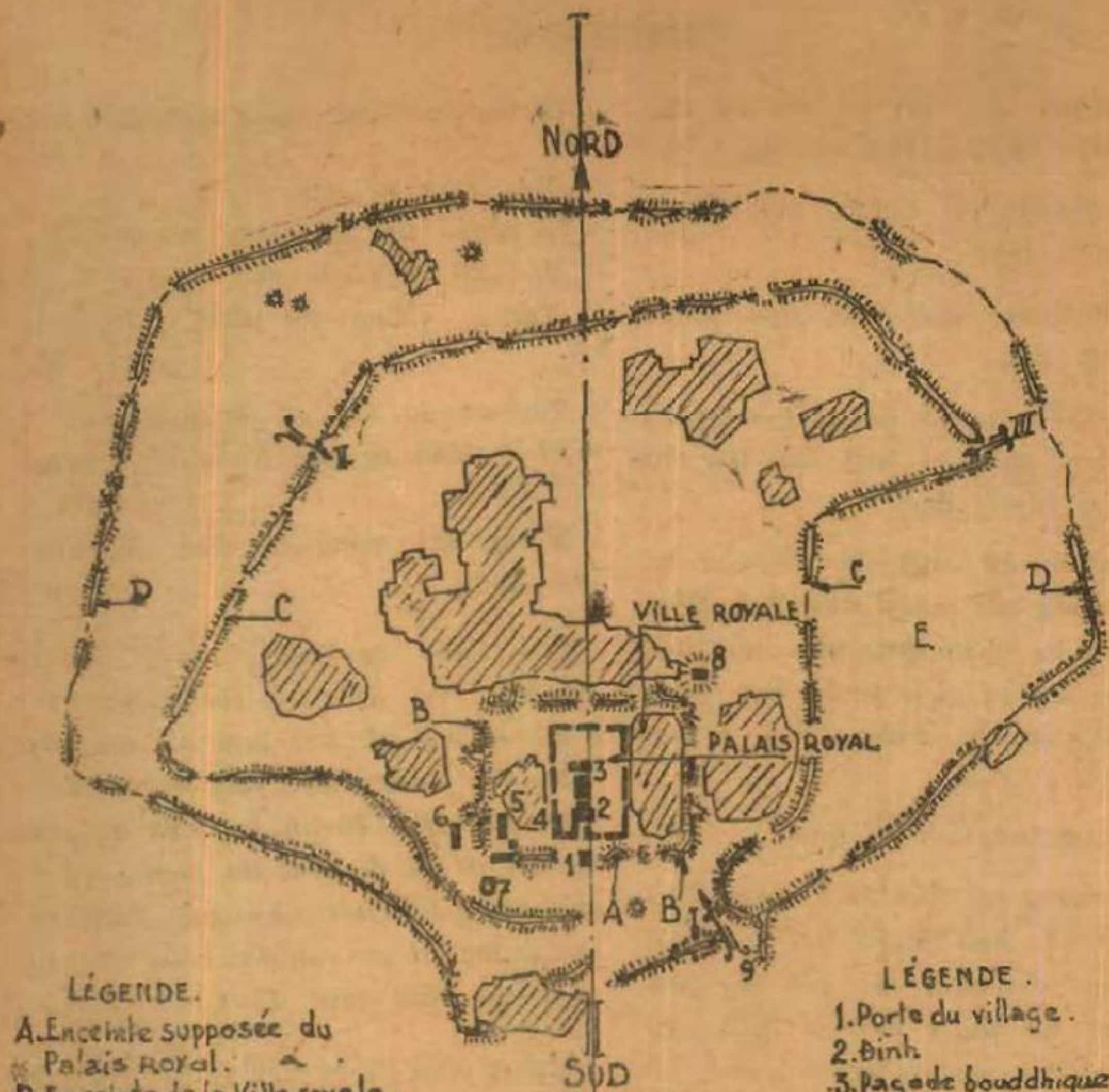
2. — Nước Ba-Thục ở rất xa nước Văn-lang, lại cách trở sơn xuyên vạn dặm. Không thể nào ông vua nước ấy vào thời ấy lại dám phiêu lưu mạo hiểm như thế. Mà dù sự kiện lịch sử ấy mà có có đi nữa, thì những xích ở giữa nước Ba-Thục và nước Văn-lang sao chẳng lời gì nói đến cuộc « đi qua » của đoàn binh nước Thục ? »

Không phải chỉ có một nước Thục mà thôi. Có Nước Thục lớn cách Văn-lang ngàn vạn dặm; có nước Thục nhỏ ở khít nước Văn-lang, về phía Tây-Bắc. Lại còn ông vua họ Thục. Vua Thục, hiền vua nước Thục được, thì hiền vua họ Thục, cũng được.

« Còn việc đánh vua An-Dương-vương, họ (người Tàu) không nói đến chữ nào » Ngô Tất-Tổ mạnh bạo nói thế trên tạp chí « Tao đàn », năm 1939. Song năm năm sau, Đào-Duy-Anh cho ta biết :

« Sách « Quảng-châu ký » (thể kỷ thứ III thứ V) của Tàu chép : « Sau con

(12) Trong thiên « Việt sử trường ca » đăng trong « Sóng mới », loại sách giải trí người lớn, giáo dục trẻ em, năm 1956.



LÉGENDE.
 A. Enceinte supposée du Palais Royal.
 B. Enceinte de la Ville royale.
 C. Première enceinte extérieure.
 D. Deuxième enceinte extérieure.
 E. Terrain de manœuvre.
 I. Porte du Sud.
 II. Porte de l'ouest.
 III. Porte de l'Est.
 (Symbol) Habitations actuelles

Echelle approximative :
 1/16.000

LÉGENDE.
 1. Porte du village.
 2. Đình.
 3. Pagode bouddhique.
 4. Tombeau de Mỹ châu.
 5. Đền dédié à An dương.
 6. Văn miếu.
 7. Etang de Trọng thủy.
 8. Tertre d'où le Roi assistait aux exercices militaires.
 9. Marché actuel.

Lược đồ thành Cổ Loa

(mượn ở sách « L'art Vietnamien » (Nghệ thuật Việt) của Louis-Bezacier, trang 187)

Tỉ lệ xích phóng chừng : 1/16.000

Dịch những chữ trong lược đồ và lời chú.

I. — TRONG LƯỢC ĐỒ :

Nord = Bắc. = Sud = Nam.

Ville royale = thành vua. = Palais royal = đền vua.

II. — LỜI CHÚ.

A. — Vòng thành đền vua (giả thiết).

B. — Vòng thành thành vua.

C. — Vòng thành ngoài thứ nhất.

D. — Vòng thành ngoài thứ nhì.

E. — Thao diễn trường.

I. — Cửa Tây.

II. — Cửa Đông.

Q. — Nhà cửa hiện thời.

1. — Cổng làng.

2. — Đình.

3. — Chùa.

4. — Mộ Mỹ-Châu.

5. — Đền An-Dương.

6. — Văn miếu.

7. — Giếng Trọng-Thủy.

8. — Mộ đất, nơi vua ngự xem những lần theo duyệt binh sĩ.

9. — Chợ hiện thời.

vua nước Thục đem binh đánh Lạc-hầu, tự xưng là An-dương-vương, đóng đô ở huyện Phong-khê. Sau Nam-Việt-vương là Triệu-Đà đánh phá An-Dương-vương, rồi sai hai sứ cai trị hai quận Giao-chỉ và Cửu-chân, tức là Âu-Lạc vậy. »

« Sách *Giao-châu ngoại vực ký* dẫn *Thủy-kinh chú* (đầu thế kỷ thứ VI) chép : « Sau con vua nước Thục đem quân ba vạn đến đánh giết Lạc-vương và Lạc-hầu và áp phục các Lạc tướng. Con vua Thục nhân xưng là An-Dương-vương. Sau Nam-Việt-vương là Triệu-Đà cử binh đánh An-Dương-vương. » (13)

Sách này lại chép tiếp việc An-Dương-vương xây thành Cồ-loa và cả chuyện Nỗ thần.

Còn về tên kinh đô nước Âu-Lạc, Phong-khê, thì Léon Aurousseau đã theo lời chú của Diêu-Văn-Hàm trong sách « *Quảng-châu ký* » ; ở đoạn nói về vua Thục, thì Diêu-Văn-Hàm có nói An-Dương-vương đóng đô tại Phong-khê, mà Phong-khê là tên huyện (theo sách *Hậu-Hàn thư*) đặt ra từ đời Hán-Kiến-Vũ.

Thế thì chỉ còn có lý thứ ba :

3. — *Thục-Phán dù sau cũng là người nước ngoài, xâm lăng nước ta, chiếm lấy nước ta; thì nước ta lệ thuộc nhà Thục, hay thuộc Thục.*

Trường hợp của Thục-Phán khác hẳn trường hợp của Triệu-Đà (15). Trước hết, chúng tôi xin theo giả thuyết : Thục-Phán với chúng ta « vốn người xa lạ ». Chiếm nước ta xong, ông ta làm gì ? Ông ta đem nước ông ta (mà nhiều sử gia cho là đất ít dân, ít hơn

đất và dân ta) sáp nhập vào nước Văn-lang của chúng ta, dựng lên một nước mới, nước Âu-Lạc. Ông ta đóng đô tại nước ta. Rồi từ đó, trong năm mươi năm trời, ông vua « nổi nghiệp » vua Hùng thư XVIII này, đã hòa mình với dân Việt, đã buộc vận mạng mình vào số phận nội Việt. Và hẳn nhà vua này đã đối xử với dân nước Văn-lang cũ ra sao, đã đem lại cho người Việt chút gì đáng kể, nên sau này, nước mất, thân tan, mà ở kinh đô cũ, ở chốn dứt đời mình, ai đã dựng đền thờ để nghìn thu hương khói...

Nhân một người hay một dòng vua, vốn khác nơi khác giống là vua dân mình, là triều đại nước mình, điều đó rất thông thường trong lịch sử loài người. Dù vì những dây liên lạc máu mủ, dù vì những cuộc bầu cử, hay dù bởi mưu mô xảo trá hoặc chính phục bạo tàn, một vị vua, một dòng vua chính thống của một dân tộc, một khi vì vua ấy, dòng vua ấy hòa đời mình vào của dân tộc nọ, đem sức tài phụng sự cho tổ quốc mới của mình.

Người Anh nhận là vua nước họ : Guillaume người Chinh phục, hay đứa con hoang (1027-1087) công tước miền.

(13) Đào-Duy-Anh dịch và dẫn trong bài « Nhà Thục và nhà Triệu », tạp chí « *Tư tưởng* » số xuân Giáp-thân (1944).

(14) Về trường hợp của Triệu-Đà, mà chúng tôi không nhận là vua dân tộc Việt, xin các bạn xem lại bài : « Nhà Triệu là một triều đại Việt ? — Lê-Gia là một anh hùng Việt » đăng ở số 23.

Normandie nước Pháp, đã chiếm nước họ bằng võ lực, năm 1066, xưng vương: Guillaume đệ nhất, và khai sáng một triều đại.

Và ngay trong nước ta, thế kỷ trước, người Pháp David de Mayréna làm vua dân mọi Sè-đăng, năm 1888, với vương hiệu Marie đệ nhất.

Tiếp theo giả thuyết thứ hai mà đến giờ chưa bị ai đánh đổ: thuyết cho Thục-Phán là người ở trong đại gia đình Bách-Việt, nghĩa là người tuy khác nhánh, nhưng chung nguồn, chung cội với chúng ta. Thục - Phán cầm đầu nhóm Tây-Âu, còn gọi là Tây-Việt. Hùng-vương XVIII cai quản nhóm Lạc-Việt. Hai thị tộc này đều giống Bách-Việt và chiếm miền Quảng-đông và Bắc-Việt ngày nay.

Là người có bản lĩnh, có chí lớn chống lại cuộc tràn xuống phương Nam của nhà Tần, Thục-Phán mời thừa lúc bên Tàu có loạn, thu phục nhóm Lạc-Việt vốn là người đồng tộc, gồm nước Tây-Âu của mình với nước dòng Lạc-Việt vừa chiếm được làm nước Âu-Lạc, đem văn hóa Tây-Âu truyền cho Lạc-Việt.

Ta nhận « sự thật có thể là thế », ta lại chẳng hẹp hòi như người xưa khư khư cho rằng vua chính thống phải là người Việt trăm phần trăm, phải có công hoặc trừ ngoại xâm hoặc diệt nội loạn, thì tưởng chúng ta nên cùng nhau tha thiết yêu cầu bộ Quốc Gia Giáo Dục xét lại mà thay hai tiếng « Thuộc Thục »

trong chương trình Sử Việt hiện hành bằng hai tiếng

« Nhà Thục »



Tìm chứng cứ, cố biện luận, chúng tôi đã đưa hết những lý lẽ của mình để:

« **Của giống Việt giữ dành cho nòi Việt** ».

Nếu trí mình chẳng đạt được điều như nguyện, thì chỉ còn lòng mình.

Với những ai vẫn chưa chịu nhận nhà Thục là một đời vua Việt, chúng tôi chỉ còn mong ở phần tình cảm vốn dồi dào, vốn mở rộng của giống đã quyết khôn lành như chim Lạc, cao xa như chim Hồng, hùng mạnh như con Rồng và hiền dịu như nàng Tiên.

Các bạn có nhận rằng ;

Hơn cả những gì ghi trên giấy, khắc trên đá, thờ trong đền (biết đâu là đúng sự thực? và sự thật ngày nay có thật đến ngày mai?), đó là những gì ăn sâu trong hồn dân tộc ta, lắng xuống trong tâm dân ta, sống mãi nơi tiềm thức chúng ta.

Thần Kim-Quì là chuyện hoang đường !
chiếc Nỏ - Thần là điều bịa đặt !
— Có hề chi !

Thành Cồ-loa không còn dấu vết !
Đền Mộ-dạ rêu phong khói lạnh !
— Cũng chẳng sao !

Nhưng nghe hai tiếng « **nhà Thục** », nhưng thấy hai chữ « **Âu-Lạc** », bạn có thấy chẳng hồn bạn xuyến xao, lòng bạn bồi hồi, mắt bạn mơ màng...

Người vua cha dễ tin người, người xui gia nòi Hán.

NHÀ THỰC KHÔNG PHẢI LÀ...

Người gái thơ dễ tin người, người phu quân Trung-quốc.

Đề ngàn sau, còn ai phê phán :

— « Nghe thần rồi lại tin con,

« Cơ mưu chẳng nhiệm thối còn trách ai ?

— « Mị-Châu là phận má đào,

« Thương chồng rồi phản đồng bào, phản cha. »

Bạn có thấy chằng Cồ-loa thành ngàn ngút lửa, bạn có nghe chằng gió ngựa nuốt đường, từ sông Hồng đến sông Mã. Và này đây, đôi mắt uất hờn của nường Công chúa chưa tường mình đã mất chồng, hay ngoảnh lại sau. Rồi bước đường cùng, tiếng quân ai sau lưng tỏ mớ, lòng thiên nga ai rắc đường trường, sự thật ngời trong bốn mắt : hai mắt con biết rõ lòng ai, hai mắt cha biết chắc vì đâu nên nỗi. Đầu con xin cúi xuống, tay cha mạnh vung lên. Máu oan ra biển Việt, thân người để nước mắt xin làm mồi cá tôm.

Và bạn có nhớ chằng, thiên tình sử lâm li, có nước có nhà, có lệ có máu, sẽ sống mãi mãi với giống nòi mình.

Nữ sử Mai-Liên soạn bản tuồng « Tuyết hận mộng », thi sĩ Việt-Châu kể lại thiên tình sử « Lông ngỗng gieo tình », và tác giả « Tôi kéo xe », nhà văn Tam-Lang đã soạn thành một vở hát chèo : « Đám ngọc chìm châu » (15).

Ôi ! mối tình bi đát của lứa đôi Mị — Thủy ! (16)

Và nhạc sĩ Lê-Thương cũng đã dùng âm nhạc, lời thơ, màu sắc đưa lên sân khấu tân nhạc nỗi oan vô lượng của Mị-Châu, nỗi hận thiên thu của Trọng-Thủy, cùng bí mật của chiếc Nỏ thần,

Và biết bao tao nhân mặc khách đã ngâm, đã vịnh về người dựng nhà Thực, về kẻ vô tình dứt nghiệp An-Dương.

Tản-Đà Nguyễn - Khắc - Hiếu, Á - Nam Trần-Tuấn-Khải, Nguyễn-Nhược-Pháp, Tchya..., còn ai ai nữa ?

— Một đôi kẻ Việt, người Tàn,
Nửa phần ân ái nửa phần oán thương,

(Tản-Đà. — Mị-Châu — Trọng-Thủy).



— Hưng vong biết chữa người thiên cổ ?
Tiếng quốc năm canh, bóng nguyệt tà.
(Á-Nam. — Thành Cồ-loa).

Người thiên cổ đã biết lẽ hưng vong lắm rồi.

Người thiên cổ đã chết đến bao lần khi nghe tiếng quốc, lúc thấy đường trăng.

Người con gái Việt ấy đã đền tội, tội quá ngầy thơ nhẹ dạ của mình, cúi đầu nhận cái chết do tay người cha yêu quý ban cho.

Người vua Âu-Lạc ấy, người vua của hai nòi Tây-Âu và Lạc-Việt ấy đã đền tội, tội « bởi nghe nèn mắc, bởi tin nèn lầm », bằng hình phạt : tự tay mình dứt sự sống của đứa con yêu và tự mình dứt đời sống mình trên làn sóng bạc của biển Việt xôn xao.

Và bạn ơi, từ năm 207 trước Tây-lịch đến năm nay, năm 1957 sau Tây-lịch, bạn tính giùm coi đã mấy

(15) Mới đây ông Việt-Trứ cho ra vở kịch dã-sử « Trọng-Thủy Mị-Châu », và trước kia (13 năm trước), bạn Nguyễn-Hoàng-Tư đã hoàn thành vở kịch thơ dài kể lại cuộc tình duyên Mị-Thủy, nhưng bản thảo đã chằng còn cứng như tác giả nó, trong những ngày đầu cuộc cách mạng thu 45.

(16) Mị-Thủy : Mị-Châu và Trọng-Thủy.

năm rồi, từ lúc máu oan ai thấm tươi
biển Việt, thân tàn ai trôi nổi làm
mồi cho cá rửa tôm khêu, hồn người
cha già uất ức kia, hồn cô gái nghen
ngào đó, đã chua xót đến bực nào.

Thế mà bạn đã chẳng như ai (17):

« Thương Ai sao biết thăm reo lệ.

« Sương mờ bay tỏa bạc ngàn lau... »

Lại còn đành lòng, như ai, « khai trừ »,
vì vua già uất ức kia, đã từng lo và
làm cho nước sớm âu ca, dân mau lạc
nghiệp, « xô đuổi » nàng công chúa
nghen ngào nọ ra khỏi quyền sử Rồng-
Tiên, không nhận hai người đau
khổ mệnh mỏng kia là cùng giống
Lạc-Hồng, thì bạn ôi, bạn rộng lòng

cho phép chúng tôi, người Việt, mặc
dù sau có sao đi nữa, nhìn nhận cho
đến hơi thở sau cùng rằng: An-Dương-
vương, Mị-Châu công chúa họ Thục là
« đồng bào » mình, mà

Ơi Biển bao la!

Ơi Trời cao rộng!

Tu « thương » Người từ thuở: Ngọc:
Sương Hoa... (18)

Thủ đô nước Việt, 22-XII-57.

PHẠM-HOÀN-MI.

(17) Nguyễn-Nhược-Pháp. — Mị-Châu —
Ngày xưa.

(18) V.S., thơ của Trần-Hồng-Hùng, Trần-
Văn-Khê phổ nhạc.

Công-ty kỹ-thuật và thương-mại Việt-Nam

(COMPAGNIE TECHNIQUE ET COMMERCIALE DU VIÊT-NAM)

121, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON



IMPORT - EXPORT
XUẤT NHẬP CẢNG



Quincaillerie — Métallurgie — Technique

Miroiterie — Produits chimiques

CÁC LOẠI ĐỒ KIM - KHÍ VÀ DỤNG - CỤ KỸ - NGHỆ HÓA - PHẨM

KÝ ỨC CỦA MỘT NGƯỜI ĐIÊN

(GOG — GIOVANNI PAPINI)

Dịch thuật: VŨ-KỶ

LỜI GIỚI THIỆU



IOVANNI PAPINI,

người nước Ý, sinh năm 1881, vừa mới tạ thế, là một trong những triết gia nổi tiếng của thế giới.

Chính ông là người sáng

lập ra nhiều nhóm tiên phong cho những luồng tư tưởng mới. Rất nhiệt tâm, rất mãnh liệt, nhưng nhiều khi trái thường, nghịch lý; ông chủ tâm muốn gây những cuộc đảo lộn trong các tâm hồn đã quen sống bình yên, thỏa mãn với những nếp sống an phận thủ thường hiện tại, bằng cách đặt họ trước những mâu thuẫn tiềm tàng bên trong và bên ngoài họ. Tác phẩm của ông rất nhiều, trong số đó có những cuốn giá trị, như « Histoire du Christ », « Le crépuscule des philosophes », « Témoins de Dieu », và gần đây cuốn « Le Diable », đã gây nên nhiều dư luận sôi nổi trong các giới triết học và thần học khắp hoàn cầu.

Do một ngẫu nhiên, chúng tôi được đọc một tác phẩm của ông, nhan đề là « Gog ». Tác phẩm này thật đã phổ diễn được tất cả những nét chính trong tư tưởng cao siêu và thâm áo của một triết nhân có kỳ tài. Đau lòng, phẫn uất trước thế cuộc ngày một đồi bại, ông vẫn sốt sắng đặt một niềm tin tưởng vô biên vào một cái gì mà ông cứ đề mặc cho người đọc ông tự tìm lấy sau khi đã đặt họ trước cái trống không kinh khủng nếu thật ra sinh hoạt trong thế gian chỉ nguyên có vật chất mà thôi.

Trong tác phẩm « Gog », PAPINI giả thác ra một cuộc gặp gỡ giữa ông và một người điên, chính tên là Goggins, và gọi tắt là « Gog ».

« Gog » là con lai của hai giòng máu ở Hạ-uy-Di: mẹ đen và cha trắng, kết tinh của một cái gì sơ khai, man rợ và của một nền văn-

minh cơ khí đang tới mức chót. Làm
bồi tầu, doanh thương gian xảo, dựa
con không cha của một hải đảo bán
khai đã trở nên một triệu-phú ở Mỹ-
quốc, đặt tiền ở khắp các ngân hàng
quốc-tế. Gog đã chinh phục được cái
chìa khóa vạn năng trên đời này là
tiền. Sau những năm làm lụng cực
nhọc và say mê nô lệ vì tiền, Gog
bèn bắt tiền làm nô lệ để tìm cách
cho mình tận hưởng những khoái lạc
tân kỳ nhất sau đại chiến thế giới
1914-1918. Nhưng trong vòng bảy
năm trác táng, phung phí tiền và sức
khoẻ, Gog loạn óc. Một phần tư gia
tài còn lại được dùng để trả tiền
điều trị từ đường đường này sang
đường khác.

PAPINI, do một cuộc đi thăm
một người bạn thi sĩ đã có dịp quen
biết Gog và được Gog tặng cuốn
nhật ký, và cuốn nhật ký đó, là tập
truyện này. Khi công bố nhật ký của
Gog, Giovanni PAPINI có mấy lời
thanh minh dưới đây, chúng tôi xin
dịch nguyên văn, vì xét ra lời thanh
minh của tác giả giúp ích rất nhiều
cho ta biết dụng ý của tác giả, khi
trình bày tác phẩm của ông:

« Tôi công bố những tờ ghi chú này
« không ngoài ý định dùng chúng làm tài
« liệu, hy vọng rằng sau khi đã suy nghĩ
« các bạn độc giả sẽ công nhận ích lợi
« của sự bội tín của tôi. Tôi khỏi phải
« thêm rằng tôi không hề tán thành
« những tình cảm hay ý kiến của Gog
« và những nhân vật khác trong truyện.

« Bằng tất cả tâm hồn đã được tái
« tạo sau khi đã trở về với chân lý,
« tôi chỉ biết ghê tởm tất cả những

« tin tưởng, lời nói và hành động của
« Gog. Bạn nào đã đọc sách của tôi,
« nhất là những cuốn chót, sẽ thấy
« rằng không có một sự gì giống nhau
« giữa tôi và Gog. Nhưng trong con
« người bán man rợ, vô liêm, bạo dâm,
« kỳ khôi và khoa trương ấy, tôi thấy
« một tượng trưng của nền văn minh giả
« dối và thú vật, mà giờ đây tôi đem
« phơi bày cùng các độc giả cùng một ý
« định với những người tư bá đại (Sparte),
« khi họ thường cho con cái xem một
« tên nô lệ say rượu đến cực độ.

« Chắc nhiều người trong thời đại
« của chúng ta giống Gog lắm. Nhưng
« Gog dường như đối với tôi là một
« tấm gương rất tỏ, nên có lợi cho sự
« răn đời. Điều thứ nhất, sự giàu có
« của y đã cho phép y làm nhiều việc
» quái dị, mê cuồng hay tội lỗi mà những
« người giống y chỉ có thể thực hiện
« trong mộng tưởng. Điều thứ nhì, sự
« thành thực và linh chất man rợ của y
« đã làm y thú nhận cách vô liêm
« sĩ những sự tưởng tượng điểm nhục
« nhất mà những người khác giữ kín
« không dám thú thực, ngay cả với lương
« tâm mình. Nói tóm lại, Gog là một con
« quái vật. Ý phản chiếu và phóng đại
« nhiều tính chất tân tiến. Nhưng sự
« phóng đại này giúp ích nhiều cho
« mục đích mà tôi nhằm trong khi công
« bố những đoạn nhật ký của y. Trong
« sự khuếch đại vụng về này, ta càng
« dễ khám phá những chứng bệnh thâm
« kín về tinh thần mà nền văn minh
« hiện đại đang mắc phải. Nếu tôi không
« cho rằng việc làm của tôi có ích
« cho độc giả thì có lẽ tôi không xuất
« bản cuốn này. »

Tiếp theo hai bài • NHỮNG THỊ TRẦN CHẾT • và • ĐẾN CHƠI LÊNIN •, đã dịch đăng trong B.K. số 9. Dưới đây là bài dịch thứ ba.

Đi viếng Henri Ford

Tôi đã có dịp gặp Henri Ford, ba bốn bận rồi, hỏi tôi còn mãi đeo đuổi việc kinh doanh! nhưng, tại sao lần này, tôi lại náo nức muốn được viếng ông, trong một cuộc hội kiến riêng biệt và hoàn toàn vô tư.

Tôi mừng rỡ được thấy ông tươi vui, và phỉ nộn, sẵn sàng tiếp chuyện với tôi và cho tôi biết những điều bí ẩn của ông, nhà đại kinh doanh hiện đại.

— Ông nên biết — rằng lời Ford nói — công cuộc kinh doanh của tôi không phải khuếch trương ở đây một kỹ nghệ mà điều cần thiết là thiết lập một cuộc chứng nghiệm rộng rãi về tính thần và chính trị. Không ai hiểu nổi những nguyên lý thần bí của sự hoạt động của tôi. Mà thực ra, chúng thật vô cùng đơn giản, không có gì đơn giản hơn nữa được! Rút gọn lại, chỉ có điều này: bốn ít, bốn nhiều và những tương quan giữa những điều kiện ấy. Bốn ít là: giảm số công nhân theo tỷ lệ; giảm thời gian chế tạo cho mỗi đơn vị sản phẩm bán ra, giảm số lượng các mẫu hàng sáng chế và cuối cùng giảm dần dần giá bán.

Bốn Nhiều có tương quan mật thiết với bốn ít, qui lại là: tăng máy móc, dụng cụ để rút bớt nhân công! tăng vô hạn định sự sản xuất hằng ngày và hằng năm, tăng kỹ thuật chuyên môn của những sản phẩm chế tạo, tăng lương và phụ cấp.

Một khối óc nông cạn và lạc hậu sẽ lầm tưởng rằng tám mục đích ấy hình như chúng đối nhau nhưng ông, một con người đầy óc thực tiễn, ông sẽ dễ dàng nhận thấy rằng chúng rất tương quan và hòa hợp nhịp nhàng với nhau.

Tăng số lượng và năng lực các máy móc, ấy là giảm số nhân công; rút gọn thời gian cần thiết để chế tạo một món hàng, tức là sản xuất được thêm mỗi ngày nhiều hơn; giảm các mẫu hàng sáng chế, bắt buộc giới tiêu thụ bỏ bớt những sở thích cá nhân của họ, tức là tăng mức sản xuất và hạ giá vốn nhưng giảm giá vốn và tăng lương nhân công lên, còn là tăng số lượng của những người có mãi lực và do đó, tôi có thể tăng sự sản xuất tốt độ mà không gặp một trở lực nào. Nếu các chiếc xe hơi mà đắt giá và những kẻ làm công cho tôi lại ăn lương ít, thì họ sẽ mua hàng ít: trả lương cho khá, bán lại rẻ, tất cả sẽ trở nên khách hàng của ông. Cái bí quyết để làm giàu là hậu đãi nhân công và bán các ngân hàng của mình như là mình sắp phá sản. Đây, lý luận của tôi có vẻ mâu thuẫn lắm lắm khủng khiếp những kẻ nhát gan, nhưng mà chính đây là tất cả bí quyết làm giàu của tôi.

Trở lại tám nguyên lý trên, ta sẽ rút ra được một chân lý và là lý tưởng vô cùng tốt đẹp: không cần đến một người thợ nào mà vẫn có thể chế tạo một số lượng tăng lên mãi các món hàng và với giá không đắt lắm. Tôi chán biết rằng phải chờ một thời gian là mười năm nữa lý tôi mới đạt đến tưởng ấy. Tôi là một kẻ ôm ấp những

không tưởng nhưng không phải là một người điên. Tuy thế, tôi đang chuẩn bị đề đến kết quả ấy. Tôi đang làm ở đây, ngay ở vùng Detroit này một xưởng kỹ nghệ mới đồ sộ, nó sẽ lấy tên là: «xưởng tịch liêu.» Một đồ trang sức, một mộng ảo, một phép nhiệm màu ! Vâng, đúng thế : một xưởng kỹ nghệ mà chẳng có một người nào ! khi nó hoàn thành và người ta đặt vào đó những máy móc cực kỳ tối tân hiện nay một số dụng cụ hoàn toàn tinh xảo đang được sáng chế thì có lẽ tôi khỏi cần một người thợ nào cả. Thình thoảng, một viên kỹ sư đi thăm chớp nhoáng xưởng Tịch liêu. Viên ấy cho chạy thêm vài bộ phận máy móc và rồi lặng lẽ bước ra.

Các máy móc tự động làm việc, không những ban ngày như công viên của thợ thuyền bây giờ mà cả ban đêm, cả ngày chủ nhật nữa vì không có một đạo luật vào ở Mi chi gan đây cấm máy móc làm việc trong những ngày lễ. Mỗi buổi chiều, một đầu tàu điện khí tự động chuyên chở đến những kho tạm muôn nghìn xe hơi hay máy bay được chế tạo bởi xưởng «Tịch liêu» chừng hai mươi năm nữa, tất cả những những xưởng chế tạo của tôi sẽ giống như xưởng Tịch liêu ấy và tôi có thể vút ra thị trường muôn vạn máy móc, dụng cụ chế tạo hằng tháng mà tôi chỉ cần một số nhân công, không ngoài mười chuyên viên, gác kho và kế toán viên.

— Ý nghĩ ấy thực là tuyệt diệu ! Tôi trả lời, nhưng hệ thống phát minh phương thức sản xuất mới ấy sẽ vô

cùng tốt đẹp nếu nó không gặp một khó khăn : Ai sẽ mua của ngài muôn vạn xe hơi, máy kéo, và máy bay ấy ? Nếu ngài sa thải những tập đoàn thợ thuyền đông đúc ấy, ngài sẽ làm sút kém số người mua hàng hóa của ngài.

Ford nở một nụ cười thân mật, tươi sáng hẳn bộ mặt hồn nhiên, say đắm.

— Tôi đã nghĩ đến điều ấy, ông trả lời. Tôi sẽ sản xuất các máy móc, các sáng chế phẩm với một giá rất hời mà không một nhà kỹ nghệ nào trên thế giới có thể cạnh tranh được với tôi. Các xưởng kỹ nghệ của tôi cung cấp cho năm châu Ngài nên biết rằng trong hàng hóa nhiều nước hiện nay, xe hơi và máy bay chưa phải là hàng hóa mua bán thông thường. Nhờ mãnh lực của quảng cáo hệ thống ngân hàng đầy đủ, chúng tôi sẽ mời tất cả các dân tộc tiêu thụ. Thị trường của tôi hẳn là vô số.

— Nhưng, xin lỗi ngài ! Nếu phương thức sản xuất của ngài giết chết phần lớn nền kỹ nghệ của các nước nhỏ thì các nước này còn tìm đâu ra tiền để mua hàng hóa của ngài ?

— Đừng sợ, ông ạ. Những khách hàng ngoại quốc sẽ trả cho ta bằng các sản phẩm mà ông cha, tổ tiên họ đã chế tạo ra và dành cho họ và oái oăm thay ! chúng ta lại không sản xuất được trong những xưởng kỹ nghệ của chúng ta : Bằng những bức họa, tượng điêu khắc, nữ trang, đồ chạm trổ, sách vở và đồ mộc cũ xưa, bằng những di tích lịch sử, những thư bút

những thủ kỹ: Ô! bao nhiêu bảo vật không tiền khoáng hậu mà chúng ta không thể sáng chế được bằng cơ giới chúng ta. Ở Á-châu, Âu-châu, còn biết bao nhiêu đồ vật sưu tầm quý giá của quốc-gia, tập thể và tư nhân, bao nhiêu bảo vật không thể bắt chước được đang tràn ngập nền văn hóa nhân loại, từ sáu mươi thế kỷ nay.

« Đối với những người Âu cũng như người Á, họ rạo rức thêm muốn và sự thêm khát ấy sung sướng thay! đáng dăng lên! để có được những máy móc cực kỳ tối tân mà xử dụng và cũng ở các dân tộc ấy, đã suy dần óc tồn cồ, tình mến thương thiết tha đối với di tích thời cồ văn hóa sử. Một ngày sẽ đến và ngày ấy sẽ đến mau! họ sẽ mang những bức họa của Ranbrandt, của Raphael của Vélasquez, của Holbein thân yêu của họ, những bản kinh thánh vĩ đại của thành Magence, những nguyên tác xưa, cồ kính nhất của thi hào Homère, các đồ nữ trang của Benvenuto Cellini và những pho tượng kỳ diệu của Phidias mà đổi lấy của chúng ta muôn nghìn ô tô và máy móc. Và như thế rồi, muốn đẩy tư cái kho tàng của nền văn minh nhân loại, xin mời tất cả dân tộc, phụng phú từ bốn phương vạn nẻo đến tận đất Huê-kỳ, yêu quý của chúng ta. Do đó, chúng ta còn được một điều lợi khác là phát triển kỹ nghệ du lịch.

« Thêm vào đó, giá hàng hóa của chúng tôi, nhờ giảm giá vốn lại được vô cùng rẻ, rẻ đến nỗi những quốc-gia nghèo bao nhiêu cũng có thể

mua được máy bay du lịch và xe hơi gia đình. Phần tôi, ngài chán biết, tôi không muốn giàu có. Chỉ có những nhà, tiểu kỹ nghệ lạc hậu được hưởng công trình của tôi. Họ là cứu cánh của tôi, đấy ngài ạ. Và như ngài thấy tôi có thiết gì tìm thêm những tỉ bạc. Nếu chúng đến với tôi, không phải lỗi tại tôi đâu đó là hậu quả tất nhiên ngoài ý muốn của hệ thống kỹ nghệ đầy tinh thần vị tha và và bác ái của tôi. Riêng cá nhân tôi, tôi sống như một nhà đạo sĩ: 3 mỹ kim mỗi ngày cũng đủ cho tôi ăn và mặc rồi! Tôi là nhà ảo sĩ vô tư, một ảo sĩ của sự sản xuất và mua bán thương trường. Những món lời kếch sù làm tôi bức mình và chỉ có lợi hối đoái. Cái tham vọng của tôi ở trên lĩnh vực khoa học và nhân đạo: ấy là một tôn giáo mới của sự chuyển động không ngừng, của sự sản xuất vô hạn định, của thần máy móc đang ngự trị và đang giải phóng. Khi mà mỗi người thể có được chiếc máy bay riêng cho họ và họ chỉ phải làm một giờ mỗi ngày, thì tôi phải xứng đáng có được địa vị một nhà đại tiên tri của vũ trụ và nhân loại sẽ tôn thờ tôi như một vị chúa cứu thế. Và bây giờ, thì là ông Gog này tôi mời ông uống cốc rượu nhé và ông có phải là ông chúa nhậu nhẹt thực không, hay người ta đã vu khống ông? »

Tôi chưa từng bao giờ uống được cốc whisky ngon đến thế và cũng chưa từng được tiếp chuyện với ai, sâu sắc và thâm trầm đến thế!

VŨ-KÝ dịch

TIÊU CHUẨN VỀ SỨC KHỎE

Nguyễn-Anh-Linh



Ôi đến tiêu chuẩn về sức khỏe, chắc hẳn sẽ làm cho nhiều người ngạc nhiên tự hỏi: sao có thể đo lường được sức khỏe và căn cứ vào đâu để thiết lập những công thức ngang hàng với công thức đại số, hình học, vật lý...

Thực ra, tiếp xúc với bất cứ người nào, chúng ta liệt ngay người đó vào hạng bé, lớn, trung bình, ốm yếu, khỏe mạnh, béo bự hay gầy còm. Nghĩa là dù chưa có một quan niệm khoa học, chúng ta không thể không dùng những tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, tiêu chuẩn đó có vẻ mập mờ, chất phác. Bước đầu của khoa học đo lường sức khỏe cũng không khác gì phương pháp giản dị kia.

Sigaud-Marc Auliffe phân nhân loại thành bốn hạng: gân thịt, hô hấp, tiêu hóa và óc não. Kreshmer nói đến loại bụng phệ, gầy còm, lực sĩ và biến thái (riêng cho phụ nữ). Theo Viola, chỉ có hai hạng: hạng đại nội tạng và tiểu nội tạng. Manouvrier chủ trương:

$$\frac{\text{Bề dài của chân} \times 100}{\text{Bề dài thân mình}}$$

nếu được từ 85 đến 90, là hạng trung bình,
— bé hơn 85 (< 85) » ngắn chân,
— lớn hơn 90 (> 90) » dài chân,



Cách xếp hạng trên chỉ dựa theo cục diện bề ngoài và không cho ta biết sức khỏe từng người. Để bổ khuyết, các nhà khoa học đã tạo ra những chỉ số về sức khỏe.

Chỉ số Bouchard :

$$Q = \frac{\text{Trọng lượng (bằng kilo)}}{\text{Bề cao (bằng tấc)}}$$

nếu $Q = 4$: Trung bình,
 $Q = 3,6$: Gầy còm,
 $Q = 5,4$: Béo phệ,
 $Q = 2,9$: Yếu ớt,
 $Q = 2$: Đói lả.

Đem áp dụng vào Việt-Nam, thì phần đông thuộc hạng đói lả... Ngay ở Âu-Châu, chỉ số Bouchard chỉ ứng nghiệm cho người cao 165 phân.

Về phương diện toán học, chỉ số này bất hợp pháp, nên Lévi châm chước lại :

$$I = \frac{\sqrt[3]{\text{Trọng lượng (bằng kilo)}}}{\text{Bề cao (bằng tấc)}}$$

Rohrer sửa như sau :

$$I = \frac{\text{Trọng lượng} \times 100 \text{ (bằng kilo)}}{\text{Bề cao}^3 \text{ (bằng tấc)}}$$

Chỉ số Kaup :

$$I = \frac{\text{Trọng lượng} \times 10 \text{ (bằng kilo)}}{\text{Bề cao}^2 \text{ (bằng tấc)}}$$

I : từ 1,40 đến 1,80 = rất gầy,
 I : từ 1,81 đến 2,14 = gầy,
 I : từ 2,15 đến 2,56 = trung bình,
 I : từ 2,57 đến 3,05 = béo,
 I : lớn hơn 3,05 = béo phệ.

Chỉ số Von Pirquet : sau khi thử hằng nghìn trẻ, Von Pirquet nhận thấy :

$$\frac{\text{Trọng lượng (bằng kilo)} \times 10}{\sqrt[3]{\text{Thân mình (bằng tấc)}}}$$

95 : thiếu ăn,
 95 đến 100 : ăn đủ,
 Trên 100 : béo.

Chỉ số Broca :

$$\text{Trọng lượng (bằng kilo)} = \text{Bề cao (bằng cm)} - 100.$$

Nhưng chỉ số này đã được Brugsch tu chính :

Ai cao dưới 165 phân, thì trọng lượng phải bằng bề cao trừ 100.

Ai cao từ 165 đến 175, thì trọng lượng = bề cao — 105.

Ai cao trên 175, thì trọng lượng = bề cao — 110.

Chỉ số Pignet : Chúng ta không thể bỏ qua chỉ số Pignet, vì nó đã được đem phổ biến ở Việt-Nam dưới thời Pháp thuộc để khám sức khỏe tân binh, và hình như vẫn còn hiện hành.

$$I = \text{Bề cao (bằng cm)} - \text{trọng lượng (bằng kilo)} + \text{chu vi ngực (bằng cm)}.$$

I = bé hơn 10 : rất khỏe,
 I = từ 10 đến 15 : khỏe,
 I = từ 16 đến 20 : trung bình,
 I = từ 20 đến 25 : kém,
 I = từ 25 đến 30 : yếu,
 I = từ 30 đến 35 : rất yếu.

Chỉ số này không có gì thiết thực, vì quá chú ý đến trọng lượng: ai càng nặng càng lợi, càng béo càng cho là khỏe: chính Pignet cũng nhận lầm lỗi đó. Đáng khác, đo chu vi ngực (đo lồng ngực khi thở ra và hít vào, rồi chia đôi tổng số) khó bề đúng được, thường chênh lệch 3, 4 phân.



Những khiếm khuyết của các chỉ số trên là không lưu tâm đến luật bành trướng của thân thể: một phần nào, những công thức đó có thể đem dùng cho người lớn, nhưng đối với trẻ em, tức là đối với một cái tuổi luôn luôn đổi thay, về mặt sinh lý, những luật kia không còn giá trị.

Để tránh những sơ suất đó, Lorentz, mới đây, sau khi thử các nhà thể thao Đức, đã đo gần 5 triệu người da trắng rải rác trên toàn thế giới và nhận thấy:

— Trẻ sơ sinh cho đến 2 tuổi 5 tháng, mỗi năm, nếu bề cao tăng thêm một phân, thì trọng lượng tăng 0k250;

— Từ 2 tuổi 5 tháng đến 6 tuổi, mỗi năm, nếu bề cao tăng thêm một phân, thì trọng lượng tăng 0k300;

— Từ 6 tuổi đến 14 tuổi, mỗi năm, nếu bề cao tăng thêm một phân, thì trọng lượng tăng 0k500;

— Từ 14 tuổi đến 18 tuổi, mỗi năm, nếu bề cao tăng thêm một phân, thì trọng lượng tăng 1k;

Từ tuổi thành niên trở đi, mỗi năm tăng 0k750.

Bảng vào nhận xét đó, Lorentz tạo ra chỉ số thể chất: $\left\{ \begin{array}{l} \text{bề cao tính bằng cm} \\ \text{trọng lượng tính bằng kg} \end{array} \right.$

Từ 0 năm đến 2 năm 5 tháng: $\text{bề cao} - \text{trọng lượng} + (\text{bề cao} - 34) \times 0,75 = 100.$

Từ 2 năm 5 tháng đến 6 năm: $\text{bề cao} - \text{trọng lượng} - (\text{bề cao} - 123) \times 0,7 = 100.$

Từ 6 năm đến 14 năm: $\text{bề cao} - \text{trọng lượng} - (\text{bề cao} - 125) \times 0,5 = 100.$

Từ 14 đến 18 năm: $\text{bề cao} - \text{trọng lượng} - 10 = 100.$

Thanh niên nam nữ: $\text{bề cao} - \text{trọng lượng} - (\text{bề cao} - 150) \times 0,25 = 100.$

Kết quả, ai có chỉ số $= 100$, thì cân nặng trung bình;

Dưới 100, thì quá nặng, chẳng hạn: 95, thì thừa 5 k;

Trên 100, thì quá nhẹ: chẳng hạn 103, thì thiếu 3 k.

Khi bề cao của trẻ kém số phải trừ, cần chú ý đến luật đại số:

Thí dụ: Trẻ Âu lên 7 tuổi, bề cao 117 phân và trọng lượng 21 k.

$117 - 21 - \frac{(117 - 125) \times 0,5}{2} = 96 - (-4) = 100$, nghĩa là thừa 1kg.

Trẻ Việt lê 7, theo bảng thống kê 1942, bề cao 113, nặng 18k :

$113 - 18 - \frac{(113 - 125) \times 0,5}{2} = 95 - (-6) = 101$, nghĩa là thiếu 1 k.

Để dễ bề nhận thức, chúng ta có thể viết :

Từ 6 đến 14 tuổi : trọng lượng = $\frac{\text{bề cao} - 100 - (\text{bề cao} - 125)}{2}$

Từ 14 đến 18 tuổi : trọng lượng = $\frac{\text{bề cao} - 100}{2}$

Trên 18 tuổi : trọng lượng = $\frac{\text{bề cao} - 100 - (\text{bề cao} - 150)}{4}$

Thí dụ : trung bình, trẻ Việt lên 14, con trai, cân nặng và 35,567, cao 147,5 ; tức thiếu 12k. con gái, cân nặng 35,53, và cao 146,6 ; tức thiếu 11k.



Trong các chỉ số vừa nói qua, các nhà giáo dục và thể thao thường quan tâm đến bề cao, thân mình, chu vi ngực và trọng lượng, chỗ đó là những yếu tố cần thiết của sức khỏe. Nhưng năm 1941-43, Hội bảo trợ Thanh niên (Pro Juventute) Bỉ, cử một ban Bác sĩ

tham khảo một phương pháp chắc chắn và dễ dàng để khám phá những trẻ yếu ớt. Đây là những kết luận :

— Đo lường thân thể là phương pháp giúp ta chắc chắn biết trẻ nào yếu ớt ;

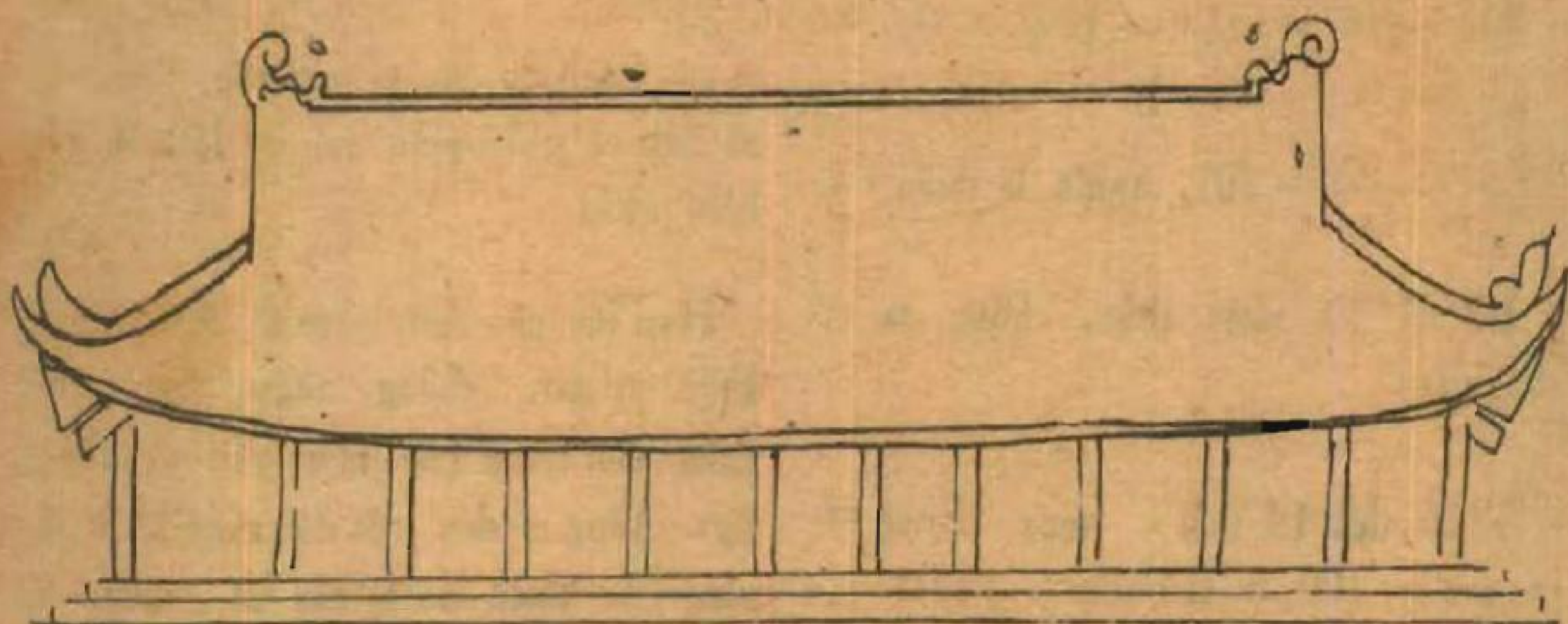
— Cách đo chu vi chi thể (cẳng tay và bắp vế phải, giãn ra, co lại) là thần hiệu nhất.

Hơn lúc nào hết, cần đề tâm đến sức khỏe, vì nay, chẳng những nước nhà đang nằm trong tay mọi yếu tố khả dĩ đưa chúng ta đến một đời sống khác đời sống lầm than, nô lệ của dĩ vãng, mà lại quanh ta, các nước tân tiến sẵn có những mực thước đo lường sức khỏe.

Nhưng muốn đem áp dụng vào Việt-Nam, phải sửa chữa các tiêu chuẩn đó lại cho hợp trình độ Á-Đông. Nói đúng ra, vài năm phải tu chỉnh lại một lần, mới hòng đi sát với đà tiến triển của một nước : mực sống ngày nay khác xa mực sống xưa ; sánh với tổ tiên, chúng ta sống lâu hơn và con cháu chúng ta đỡ chết hơn,

Căn cứ vào đâu để chằm chước chỉ số Lorentz chẳng hạn, một chỉ số có giá trị nhất ? Căn cứ vào những bảng thống kê đo lường bề cao, trọng lượng, chi thể các tầng lớp người Việt ở các vùng thôn quê, tỉnh thành, trường học, nhà thương... Bảng thống kê mới nhất về cuộc phát triển thân thể trẻ em Việt-Nam là của Bác sĩ Hợp làm năm 1942 !

NGUYỄN-ANH-LINH



Một kiểu đình : Đình làng Đình-Bảng (Bắc phần).

Khảo về

KIẾN TRÚC ĐÌNH VIỆT-NAM

Từ-Quyên ĐẶNG-VĂN-NHÂM

ĐÌNH — Phong tục và sự tích

Vì quan hệ mật thiết lịch sử với dân tộc và sinh hoạt của hương thôn, nên khắp Việt-Nam, làng nào cũng có một cái đình, kiến trúc công phu và cò kính.

Đình đã đóng một vai tưởng quan trọng trong mỗi làng. Vì đình, chẳng những là nơi thờ cúng vị thần hoàng làng, người che chở bảo vệ cho dân làng trong công việc mưu sinh, cày cấy hằng ngày, mà lại còn là chỗ họp của các vị hương chức để thảo luận, xét xử việc công, hay tổ chức cúng tế trong những kỳ đại lễ.

Ngoài ra, theo lời những hương chức làng Yên-Sở, tỉnh Hà-Đông cho biết thêm, thì ngày xưa còn là nơi dành để nhà vua nghỉ chân tạm, trong khi đi du hành ngang qua đó.

Chúng tôi thấy điều này chưa chính lắm. Vì nhận thấy có nhiều ngôi đình nằm ở một địa điểm u tịch, rất xa đường cái mà nhà vua có thể vi hành qua.

Vả nữa, kiểu đình làng xây cất lại khác hẳn với kiểu hành cung, và không thể nào dùng làm chỗ nghỉ ngơi được. Hơn nữa, nếu không nằm ngay trên con đường vi hành của nhà vua thì cấp thời, dân làng đó vẫn phải tức tốc cất lên những giây nhà khác tiện cho vua nghỉ chân dọc đường, cũng như hành « cung » ở mỗi tỉnh.

Vị thần thờ ở đình có khi là thiên thần như: Than Chử Đồng-Tử, Liễu-Hạnh, Tản-Viên, Phù-Đồng (trong tứ bất tử).

Chử Đồng-Tử, đệ nhất tứ bất tử người làng Chử-xá, huyện Văn-Giang, tỉnh Bắc-Ninh. Chử Đồng-Tử là con trai của Chử-Cù-Vân, thường gọi là Chử Đạo-Tồ.

Bà Liễu-Hạnh, đệ nhị tứ bất tử, người làng Vân-cát, huyện Vụ-Bản, tỉnh Nam-Định, ái nữ của Lê-Thái-Công. Tản-Viên, đệ tam tứ bất tử, sinh quán ở vùng Ái-Châu, huyện Thanh-Sơn, phủ Hưng-Hóa tỉnh Sơn-Tây.

Phù-Đồng Thiên-Vương, đệ tứ tứ bất tử, người làng Phù Đồng, huyện Võ-Giàng tỉnh Bắc-Ninh.

Đình có khi thờ các vị nhân thần hay Phúc-Thần, như Trưng-Trắc, Trưng-Nhị, Lý-Ông-Trọng, Phạm-Ngũ-Lão. Đồng thời cũng thờ những người đã dày công sáng lập ra làng như :

— Nguyễn-Cần lập ra làng Đồng-Lâm tỉnh Hải-Dương.

— Hoàng - Cao-Khai lập ra ấp Thái-Hà - tỉnh Hà-Đông.

— Nguyễn-Công-Trứ lập ra các làng ở hai huyện Kim-Sơn và Tiên-Hải-tỉnh Ninh-Bình và Thái-Bình.

Ngoài ra đình lại còn thờ một thứ thần đã chết bất đắc kỳ tử trong giờ thiêng. Những người này đều được dân làng nơi đó thờ làm thần, bất kể chức tước hay nghề nghiệp. Chẳng hạn như làng Lộng-Kê, huyện Phù-Đức tỉnh Thái-Bình, đã thờ thần *ấn trộm* ; làng Đông-Thôn, huyện Hoàn-Long, tỉnh Hà-Đông, đã thờ thần *trẻ con* ; làng Thư-Lang tỉnh Hà-Nam thờ thần *ấn may*, làng Noi tỉnh Hà-Đông thờ thần *gấp phân* (ở miền Bắc có nghề đi gấp phân để làm phân bón cây trái, rau) ; làng Mạc-Hạ, tỉnh Hà-Nam, thờ ông thần *đánh vật* ; làng Khắc-Niệm thượng, huyện Vũ-Giàng, tỉnh Bắc-Ninh, thờ thần *cụt đầu*.

Sự tích mỗi vị thần có ghi chép trong thần tích hay kinh sách, dân làng giữ rất kín cùng với thần sắc của vua ban. Thần sắc có 3 bậc : Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần và Hạ đẳng thần.

Làng nào không thần để thờ, thì thờ tạm vị Thổ thần bản thổ.

Hằng năm, đến ngày linh hay ngày kỵ của thần, dân làng tổ chức lễ nhập tịch hay đại hội, hoặc gọi là vào đám hay vào hội. Lễ này rất lớn, có

nhiều nghi tiết trọng thờ và nhiều cuộc chơi, như : hát chèo, chạy chữ đánh cờ người, cướp cầu, chọi gà, chọi chim, đánh vật, con trai giả gái làm con « dĩ đánh bông ».

Trong lễ này, mỗi làng có một nghi tiết đặc biệt gọi là *hèm*, người ta bày trò đề nhắc lại tính tình, sự nghiệp hoặc sinh bình của vị thần làng thờ. Ví dụ như làng thờ thần ăn trộm thì ban đêm, con trai, con gái trong làng đốt đuốc đi lùng xung quanh đình giả vờ đi tìm kẻ trộm. Trong khi ấy, người thủ từ lấy tượng thần đưa qua lỗ ngạch, có ông tiên chỉ đứng chực sẵn ở phía ngoài nắm lấy cổ tượng thần dấm ba dấm, rồi bỏ lên kiệu rước lại vào đình.

Làng thờ thần gắp phân thì trên hương án phải có một bộ quang gánh để đựng phân, một cái gàu nhỏ để xúc phân, sơn son thếp vàng.

Trong gánh người ta lấy chuối, xôi nặn cho giống những cục phân và đặt vào đó để thờ.

Làng thờ thần ăn mày có một tượng thần giống như người ăn mày đặt trước cửa, tay cầm gậy bị, đều sơn son thếp vàng, và người thủ từ phải luôn luôn sẵn sàng, hễ làng lân cận có việc gì đánh trống, đánh mõ đề vào đám, thì ông cũng phải giống trống, đánh mõ đình làng mình lên, kéo thần sẽ xuất ngoại mặt. Vì thần vốn là ăn mày !

Làng thờ thần đánh vật thì ngày lễ phải mời trai các làng bên đến đánh vật trước sân đình.

Làng thờ thần cụt đầu, thì đến ngày vào đám người ta bày một con lợn sống, có một người cầm gươm chém đứt đầu con lợn rồi bỏ vào nồi nước mắm đương sôi, xong đặt lên hương án đề cúng.

Nếu không làm đúng vậy, làng sẽ bị động, làm ăn lục đục, hoặc mất mùa, hoặc bị dịch tả v...v...

Kiểu và cách

Kiểu đình cổ nhất ở Việt-Nam gồm hai ngôi nhà lớn, bờ mái, cất song song và bằng nhau.

Về sau, kiểu này không thông dụng nữa.

Người ta kiến tạo đình theo kiểu hình chữ *đình* I ngược (tức là 1), và hình chữ *công* (工).

Đình kiến trúc theo kiểu này, chia ra làm hai phần cách biệt :

Phần dọc gọi là đình trong hay hậu cung, hoặc nội điện, là chỗ thâm nghiêm nơi thờ thần hoàng. Phần ngang gọi là đình ngoài hay tiền tế hoặc đại bái. Trong hậu cung thường có tượng hoặc bài vị của thần hoàng làng thờ, ở trong long ngai hoặc long khám. Trên bàn hương án có hòm sắc, đựng sắc phong và kinh sách, cùng những bộ thờ tam sự, hay ngũ sự, có đài rượu quả trầu v...v...

Trước bàn hương án có bày các đồ nghi trượng và lễ bộ như : loan giá long đình, bát bửu, cờ quạt, tàu tấu

Gian đình ngoài chia làm ba khoảng : giữa gọi là trung đình, nơi tế tự, hai bên gọi là gian tả và gian hữu. Trong hai gian này có kê bàn thờ thổ địa hay thờ bộ hạ của thần, hoặc hậu thần.

Đồng thời nơi đây cũng là chỗ đề hằng ngày các vị hương chức thường xuyên hội họp, xét xử mọi việc công, cũng như nhà việc hay nhà làng bây giờ vậy.

Ở hai bên tả hữu đình làng thường có thêm hai giầy hành lang xây cất cách đơn sơ, dùng làm nhà bếp, nơi giết trâu bò, sắp dọn cỗ bàn trong những ngày tế lễ. Chẳng hạn như đình làng Phú Mậu tỉnh Bắc Ninh.

Kiểu này rất gọn và đẹp dễ, nhưng cũng có một vài nơi khác, người ta chỉ cất đình không thôi, chẳng có hành lang. Hoặc giản dị hơn, người ta cất đình theo kiểu hình chữ nhật. (B).

Tuy vậy, cũng có những làng trù phú cất đình đồ sộ gồm nhiều gian hơn. Ví dụ như đình làng Quan Tứ tỉnh Vĩnh-Yên.

a) Khung.— Cũng như nhà cửa, phần nhiều đình đều kiến trúc bằng gỗ và lợp ngói. Vì nước Việt-Nam có nhiều gỗ quý và kỹ nghệ xây gạch chưa đạt đến mức tinh vi.

Khung đình người ta thường làm bằng các loại gỗ quý có tính chất bền dẻo, chắc và kỵ mọt, mối vv.. như : lim xanh sến mật gụ sừng và táu mật

Sau khi đoàn thợ mộc đã đục, chạm xong bộ khung rồi, người ta mới làm lễ dựng khung lên. Khung đình cấu tạo tương tự như bộ sườn nhà, duy chỉ khác có sự chạm trổ công phu hơn, gỗ quý hơn và thường khi có những bộ cột to cả người ôm không hết.

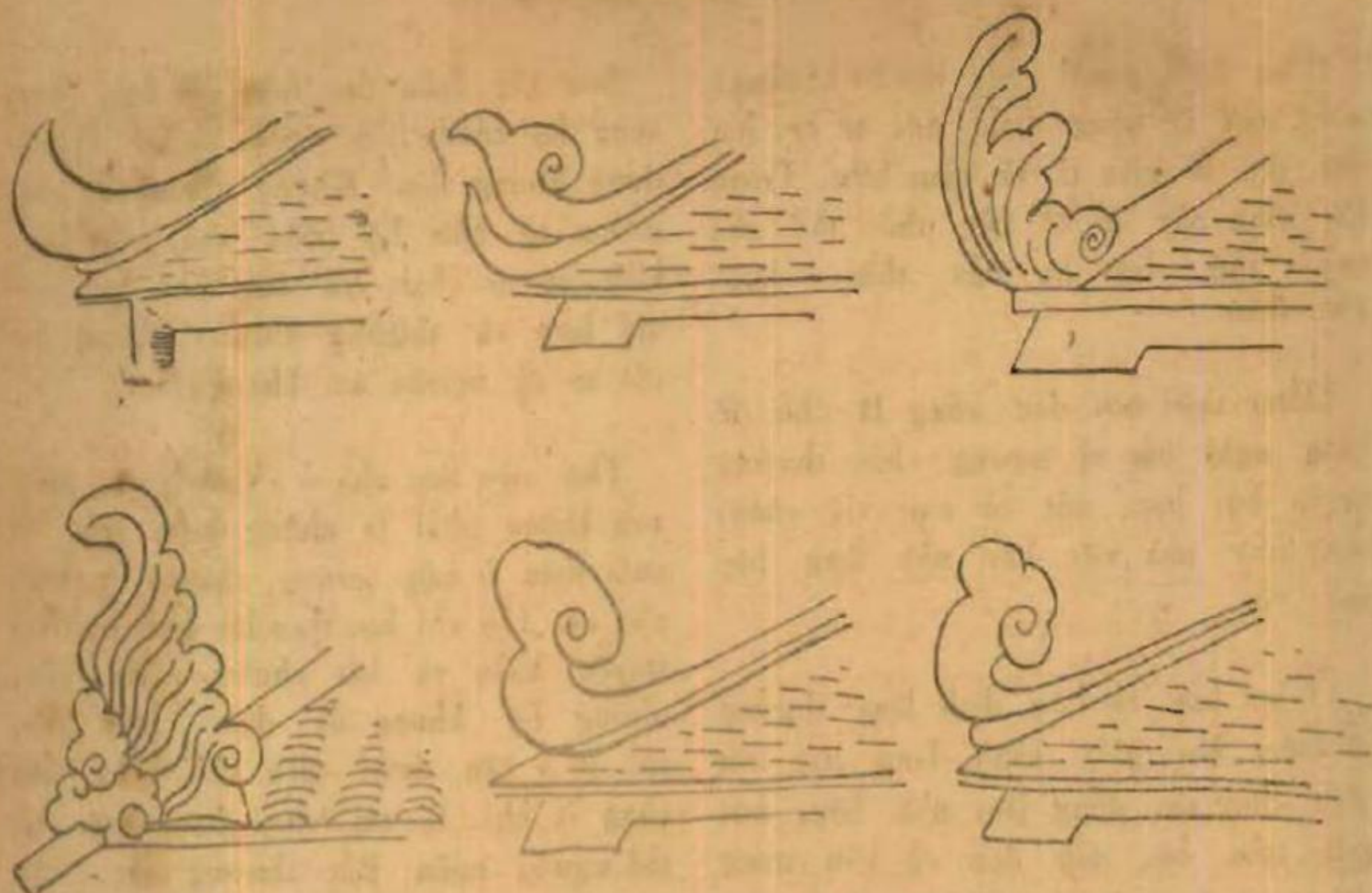
Thợ mộc làm nhà ở Việt-Nam ngày xưa không phải là những kiến trúc sư xuất thân ở một trường chuyên nghiệp nào cả. Họ chỉ học theo lối kinh nghiệm truyền khẩu và bắt chước. Tuy vậy, những bộ khung đã đục chạm sẵn, rời rã ở bên dưới đến khi dựng lên cũng ít khi bị sai chạy bao giờ. Vì thế người miền Bắc thường gọi công việc xây dựng nhà cửa, đình chùa là : « làm dưới đất mà cất lên trời ». Câu này đã minh chứng đầy đủ nghệ thuật kiến trúc của người Việt-Nam ngày xưa.

Tất cả bộ khung này được đặt chắc chắn trên những hòn tảng bằng đá có trang trí hay đeo gọt đẹp dễ.

Ngoài ra, nhiều đình còn xây thêm trụ đá đề đỡ cái rầm. Bên Tàu, kiểu này đã phổ biến từ lâu, ở những trụ cột cán đèn thờ dưới thời nhà Hán.

Nhưng về sau, thay vì xây trụ đá đề đỡ rầm, người ta biến nó lần lần thành một đề tài trang trí trên những cuốn thư. Ví dụ như đình làng Thổ - Hà, những cột đá này đã không còn có công dụng kiến trúc nữa mà chỉ có tính cách trang hoàng thôi.

b) Vách.— Vách đình thường dựng ván, có khi cũng xây gạch.



Sáu kiểu trang trí đầu mái đình ở Việt-Nam

Mặt tiền thường làm cửa lùa, hay cửa xếp. Hai bên và mặt hậu dựng vách. Đình ít có cửa sổ vuông hay chữ nhật chắn song, thường làm cửa sổ tròn hình mặt nguyệt hay liên hoàn, hay hoa, lá, mây, trái v.v...

Đình thường không bao giờ có gác, và chu vi thì rất rộng.

« Những đình, chùa, lầu đài Việt-Nam thường làm bằng gỗ, không đồ móng, vì lý do thổ địa. Những hàng cột được đặt trên những hòn tảng đá, dễ tháo rời và di chuyển đi nơi khác. Đó là những kiểu nhà làm sẵn. Những kiến trúc ấy thường không có trần nhà và mái phải rộng lớn, thật nặng, dự phòng chống với bão, lụt » (P. Huard et M. Durand).

đ) Mái. — Mái đình thường rộng lớn rất xuôi. Nếu có vào đình mới thấy

đình cao ; còn ở xa thì cảm tưởng như là rất thấp. Bốn đầu mái cong vút, nhọn lên những nét nhẹ nhàng, thanh lịch mà cũng rất cầu kỳ.

Những đầu mái ấy được thực hiện dưới những hình thức sau đây :

1. — Giống kiểu của mái lều bằng vải dựng lên bằng cọc (lều hướng đạo).
2. — Như một nhánh cây.
3. — Một dự phòng để tránh ảnh hưởng xấu của những đường thẳng.

Nơi đầu « quyết » của những mái cong ấy, người ta còn chạm trổ nhiều đề tài trang trí như : cá, mây, hoa, lá, giấy, v.v...

Hiện có thuyết cho rằng : kiểu ấy là ảnh hưởng của Trung-Hoa từ trước. Theo chúng tôi, căn cứ trên nhiều di tích khác nhau có khắc hình trên đá thờ ở

thời nhà Hán (漢) thì những đầu mái Trung-Hoa cò xưa đều thẳng tắp. Ví dụ, những hình chạm nổi ở Long-Mán trong tỉnh Hồ-Nam, đề thế kỷ thứ VI.

Đến đời nhà Đường (唐) phía Nam Trung-Hoa mới bắt đầu xuất hiện kiểu mái cong và ảnh hưởng ấy lan dần lên miền bắc nước Tàu.

Những di tích kiến trúc dưới thời nhà Đường rất hiếm, hiện nay không còn bao nhiêu đề minh chứng điều trên, nên người ta phải nghiên cứu qua những họa phẩm đã sáng tác vào thời kỳ đó. Trong số, chỉ có bức tranh « Viên - Minh - Viên », của Lý-Châu-Tạo, đã nói lên được cách linh động và đầy đủ hình ảnh kiểu mái cong. Tác phẩm này sáng tác vào thế kỷ thứ VII, cùng với hai họa phẩm khác, một của Lý-Siêu-Hùng và một vẽ trên Tường của Tuấn-Hoàng.

Đến đời nhà Tống (宋) những mái cong đã rõ rệt lắm và phổ biến khắp Trung-Hoa. Thời kỳ này, những họa phẩm của Trang-Chu-Tuấn cũng có ghi.

«... Mái cong xuất hiện ở miền Nam nước Tàu, dưới thời nhà Đường, và rải rác ở miền Bắc. Chắc hẳn là ảnh hưởng miền Nam, tức Anh-đô-nê-diêng » (thế kỷ thứ VII) (P. Huard et M. Durand).

Ở Việt-Nam, người ta thấy những kiểu mái này cũng có ghi trên những chiếc Trống đồng Ngọc-Lũ đã tìm được ở Đông-Son, Thanh-Hóa.

d) Ngói.— Hầu hết đình đều lợp ngói. Người Việt-Nam có một kiểu ngói thuần túy là « ngói bằng » hay « ngói móc ».

Đến thế kỷ thứ H, ảnh hưởng của « ngói ống » Trung-Hoa, người Việt-Nam sáng tạo ra kiểu « ngói máng ». Đó là sự phối hợp hình thè của hai loại ngói móc và ngói ống. Ngói máng còn có tên là « ngói âm dương » và chia ra hai loại : ngói tiểu và ngói đại.

Đình cũng như chùa hay đền, miếu, thường lợp hai lần ngói. Lần đầu, bên dưới là lượt « ngói chiếu » có sơn phết sạch sẽ (trắng) hay có trang trí. Lần sau bên trên là lượt « ngói phủ ». Vì thế, mái đình rất nặng.

TRANG TRÍ

Đình làng là một trong những kiến trúc mỹ thuật quan trọng nhất ở Việt-Nam cũng như đền, chùa, miếu. Vì nơi đây, nghệ thuật điêu khắc và trang hoàng những sườn nhà đã được thực hiện một cách công phu, tỉ-mỉ.

Tuy vậy, nếu so với chùa, đền, miếu, thì đình lại tỏ ra trang hoàng đơn sơ hơn hết. Đề tài trang trí vẫn là những mẫu cổ định : tứ linh : long, ly, qui, phượng : bát bửu, tứ hữu, tứ thời, thảo mộc, hoa lá, loài vật; sử tử, cá, dơi v.v...

NHẬN XÉT

Nguồn gốc đình hình như rất ít người biết đến, và cũng ít người dám cả quyết rằng đình là một ảnh hưởng Trung-Hoa hay một dân tộc nào xa lạ khác ?

Tuy vậy, trong sách « Duyên Châu phả chí » của Tàu cũng có đề cập đến nguồn gốc của đình đã phát sinh ở Tàu dưới thời nhà Hán. Sách đó còn nói thêm, đình là một nơi mà dân chúng đã định cư yên ổn. Đình có tính cách là « ngưng lại hay trú ngụ, xét xử hay giảng hòa ».



Nội hình chạm trên trống Đồng, có hình một ngôi nhà, trên mái có một con công, một con gà. Trong nhà có người đàn bà nằm và một đứa bé đang đánh trống.

Hai đầu mái cong lên có hình chim muông. Nhà làm theo kiểu nhà sàn.

Những điều sơ lược trên vẫn chưa minh chứng được cách cụ thể rằng nguồn gốc của đình là ở Trung-Hoa, mà chúng ta đã bị ảnh hưởng.

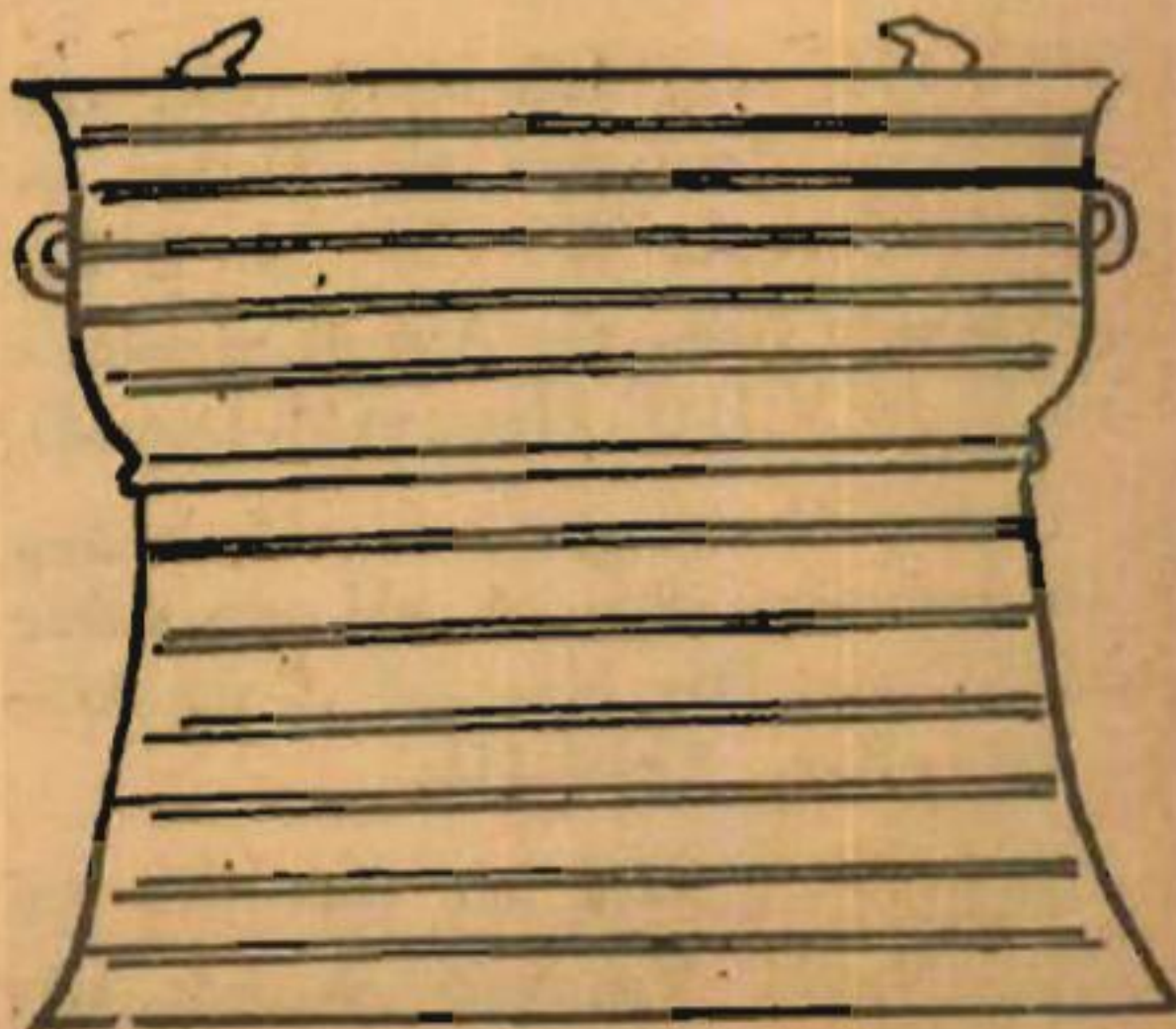
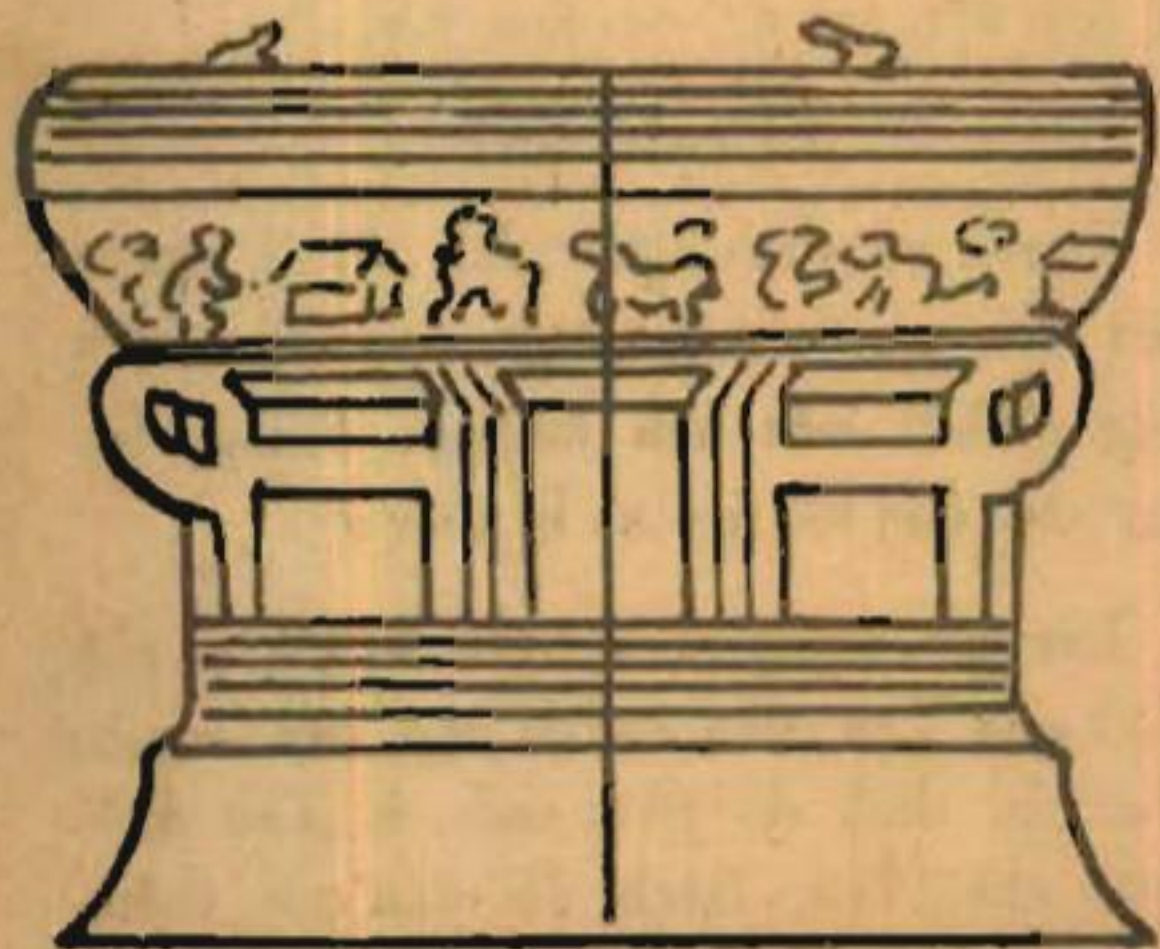
Sự thực, có một điều đáng để chúng ta chú ý là, hầu hết đình ở Việt-Nam đều làm theo lối nhà sàn. Những kiểu nhà sàn này phần nhiều đều do dân « anh-đô-nê-diêng » sáng tạo.

Bằng cứ, hình ảnh những kiểu nhà sàn này hiện còn lưu lại trên mặt những chiếc trống đồng Ngọc-Lũ.

Vả nữa, kiểu nhà sàn rất thông dụng trên những vùng Cao - nguyên, nơi các đồng bào thiểu số của ta sinh sống.

Trong khi đó, xét qua các kiến trúc quan trọng của Trung-Hoa cổ xưa, chúng ta thấy hình như không có kiểu nhà sàn.

Từ ấy mãi đến nay, qua các sưu khảo mới nhất, người ta vẫn chưa tìm ra được bằng cứ xác đáng, chứng tỏ rằng nguồn gốc đình ở Việt-Nam đã bị ảnh



Trống đồng Ngọc-Lũ ở Đông-Sơn (Thanh-Hóa). Hai kiểu khác nhau.

hưởng hoàn toàn của Tàu, và đã nhập cảng vào nước do những kẻ xâm lăng, cai trị đời nhà Hán, trong khoảng những thế kỷ đầu tiên của kỷ nguyên này.

Còn theo thuyết của những nhà nhân chủng học và xã hội học, thì hình như vùng Đông-Nam-Á, này trước kia đã bị giống dân « anh-đô-nê-diêng » xâm chiếm và cai-trị.

Từ trước cho đến nay, Miến-Điện, Thái-Lan, Cao-Miên, Chàm (Việt-Nam ngày xưa), Sumatra, Java và những đảo gần Java, hoàn toàn bị Ấn-Độ khai thác trong những thế kỷ đầu tiên của kỷ nguyên này ». (Général L. de Beylié).

Trong cuộc xâm chiếm này người « anh-đô-nê-diêng » đã để lại nhiều vết tích, mà trong đó, kiểu đình Việt-Nam hiện giờ là một.

Rồi về sau, qua những cuộc đô hộ Trung-Hoa, người Việt-Nam đã bị ảnh hưởng thêm, kiểu đình do đó mà thay đổi biến chế thêm mãi đến bây giờ.

G. Coedes cũng nhìn nhận rằng : kiểu đình làm theo lối nhà sàn có dáng « anh-đô-nê-diêng ».

Đình là một kiến trúc duy nhất làm theo kiểu nhà sàn. Nguồn gốc đình có vẻ là « anh-đô-nê-diêng » và giống những kiểu nhà cửa các sắc dân thiểu-số (P. Huard et M. Durand).

Tóm lại những kiểu đình ở xứ ta là nguồn gốc « anh-đô-nê-diêng » có pha với ít màu sắc kiến trúc Trung-Hoa.

Rồi từ ngày này sang tháng nọ, từ thế kỷ này sang đến thế kỷ khác, những ảnh hưởng ấy đã hòa chung lẫn nhau tạo nên một sắc thái riêng biệt cho nghệ-thuật kiến trúc Việt-Nam.

XII 57

Từ Quyên

ĐẶNG-VĂN-NHÂM

★ Buồn bã tức là hồn chết, vui vẻ tức là hồn sống.

★ Vui vẻ là cái máy đo cao độ của đức nhân trong một tâm hồn cũng như trong một đoàn thể.

MORIN

BÁCH KHOA — 51

Đ ẻ

AI đến thăm nhà thương ?

Mới thấy người sinh đẻ,
Có người vui được con,
Có người buồn làm mẹ.

LẦM bà sinh con ra,
Miệng nở nụ cười hoa,
Quà cáp bao cam, sữa,
Thăm nom bao người nhà.

LẦM bà sinh con ra,
Ôm con, lòng sốt sa,
Ủ con không mảnh lột,
Thăm con không người cha!

CẢNH ấy cũng còn khá,
Bao cảnh còn cực nữa :
Con đồ mang đi cho,
Mẹ vội tìm ở vú !

ÔI ! cái đời ở vú,
Thân người, kiếp bò sữa !
Vắt ruột nuôi con người,
Con mình đem bỏ chợ !

CẢNH đời bao đau lòng,
Chuyện đời buồn mung lung...
Sinh con là việc mừng,
Mà lắm người không mong !!

SÀIGON, 1957

ĐÔNG-XUYỀN

(Trích "Thuyền Thơ")

THÚ TÁNH SƠ KHAI

Bình-Nguyên-Lộc



ÚC còi báo động nổi lên thì Thành đang ngồi trên một chiếc xe hơi nhà, không biết của ai. Xe chạy trên đường Hiền-Vương. Muốn ra khỏi châu thành, lẽ cố nhiên là xe chỉ còn một nước là thẳng lên Cầu Bông theo con đường đưa về những tỉnh miền Đông.

Trên băng sau có ba người ngồi. Một cô gái đẹp ngồi giữa. Bên kia là một thanh niên đẹp mã, dễ thương và lắm lời, bên này là Thành.

Thành chưa bao giờ gặp hai người đó. Nhưng sao chàng vẫn thấy sự có mặt của họ trên xe là tự nhiên, và cả sự có mặt của chàng trên một chiếc xe lạ cũng tự nhiên nốt.

Trong khi Thành hồi hộp nghe canh sát thời tu hít bắt xe lại, và hồi hộp

thấy xe chàng ngồi cứ giả điếc phăng phăng chạy mãi, thì cái anh chàng đẹp trai kia cứ bình tĩnh tán tụng sắc đẹp và trí khôn của cô gái. Cô gái ăn kẹo quánh cả răng mà chàng kia cứ đưa thêm kẹo mời mọc luôn mồm.

Tuy vậy Thành không nghe khó chịu vì anh chàng ăn nói với một giọng thành thật lạ ; bao nhiêu lời cam kết, bao nhiêu lời hứa hẹn của chàng ta dường như vọt thẳng ngay từ trong tim mà ra.

Chàng ta có một lối nói chiếm lòng. Cũng thời cái văn rất sáo : « Tôi dám chết vì cô » nghe giả dối ở miệng của bất kỳ người con trai nào, nhưng sao ở đây nó hàm súc tất cả cương quyết hy sinh của chàng ta về phái nữ.

Đền đáp lại tấm tình tha thiết và chơn thật ấy, cô gái có những nụ cười,

những lời nói bỏ dở nửa chừng khiến thanh niên rất hy vọng.

Bây giờ xe đã ra khỏi Bà-Chiều và chạy như gió về mặt Biên-Hòa.

Ra khỏi thành phố rồi mà Thành không hết lo. Mấy tuần nay, tin tức thế giới xem chừng nghiêm trọng lắm.

Cách đó ba hôm, một tin điện tá phút cuối cùng của thành Ết-Tóc-Khom một cách khủng khiếp: một trái bom khinh khí nổ giữa thành, tức thì cả một vùng rộng lớn cháy lên. Cả khinh khí của nước sông, nước biển trong vùng cháy lên. Ở đây, thành ngữ biển lửa mới thật là đúng. Cách xa năm trăm cây số, người ta thấy một cục lửa tròn như viên đạn bùng cháy trong mây tiếng đồng hồ.

Hơn một tuần nay, địa chấn xảy ra khắp nơi rung chuyển cả địa cầu và Sài-gòn ta cũng nghe thấy đất động nhẹ nhẹ.

Thành nhớ mang máng có đọc quyển Sấm truyền hồi còn bé, và nhằm lại những câu sau đây: «Mầy sẽ khủng khiếp vì những tiếng động lạ vào ngày tận thế; đất sẽ cháy, biển sẽ tràn vô đất liền và tiếng nổ hải hùng vang lên khắp nơi». Không nhớ rõ câu ấy thế nào nhưng ý thì như vậy.

Phải chăng đã đến ngày tận thế? Thành tự hỏi và bỗng nghe yêu đời hơn lên, cuộc đời mà chàng cho là xấu xa, và lúc nghe nó gần mắt muốn bám níu vào nó.

Bỗng một tiếng nổ xa vắng đưa lại, một tiếng nổ thường như tiếng nổ của

bom cỡ một trăm kí lô. Nhưng sức của nó mạnh đến nỗi đẩy chiếc xe chạy tới như gió cuốn lá khô.

Người tài xế chuyển hết thần lực kìm lấy tay bánh. Hai bên đường cây cối trốc gốc bay như người ta vút cỏ.

Người con gái đẹp kinh hãi kêu rú lên, và chàng trai ôm lấy cô ta, vỗ về an ủi:

— Không sao đâu em (bây giờ đã im rồi), có anh đây còn sợ gì. Và nếu có chết thì chết chung, thú vị lắm.

Xe hơi bay qua khỏi chợ Thủ-Đức, rồi sức thôi của trái bom đã dịu lại, nó chạy đều đều.

Nhưng cơn khủng khiếp ấy vừa qua thời những người trên xe lại nghe những tiếng ào ào như tiếng sóng vỗ vào bờ biển. Trời bỗng tối sầm lại và gió, lần này gió thật bắt đầu nổi lên dữ dội. Trời âm u như vào lúc hoàng hôn.

Họ nhìn lại phía sau thì, ồ này lạ: Nước! Phải, qua tấm kính sau, họ thấy nước đang rượt theo xe.

Người lái xe mở hết tốc lực dặng chạy thoát nhưng nước cứ đuổi theo bên gót.

Khi xe đến ngay chân núi Châu-Thới thì nước đã theo khỏi bánh sau.

Văng theo bản năng tự tồn, người tài xế quẹo xe vào con đường lên núi. Con đường mòn ấy thẳng góc với con đường thiên lý, nên bây giờ xe bị nước qua khỏi, day ngang mình mà hứng sóng.

Nước lên mau trông thấy ; chưa chi mà xe ngập tới nửa chừng bánh. Tới chơn núi, họ vội vàng mở cửa nhảy ùm xuống nước.

Người con trai muốn ôm lấy cô gái mà mang đi, nhưng dưới đáy nước đá gập ghềnh và gió thổi mạnh muốn ngã người nên anh ta lại thôi, chỉ dìm cô gái chạy đi.

Họ đập sóng, chạy rất chậm và khua nước lọc ọc. Tới trước một mô đất cao kia, người con trai đỡ cô gái lên trước rồi ba người dần ông hề hụi leo theo sau. Rồi đó cả bốn bươn bả trèo, bắt kỳ gai góc và mũi đá nhọn đâm vào chân họ. Mực nước ác hiểm cứ càng lúc càng dâng cao thêm, khiến cho họ leo mãi mà vẫn cảm giác như là đứng yên ở mé nước.

Họ chỉ sợ nước chụp kịp họ thôi, chớ chưa đủ trí tĩnh để tự hỏi hiểm họa nào kỳ lạ xảy ra hôm nay. Khi họ đã đuối sức và chỉ muốn nhắm mắt đưa chơn cho nước cuốn đi đâu thì đi, thì kẻ thù không đuổi theo họ nữa. Mực nước đứng hẳn lại, mặc dầu sóng to cứ vỗ vào sườn núi nghe âm thầm.

Họ dòm lại thì thấy mình đã leo lên đến lưng chừng cái núi đất nhỏ ấy.

Bảy giờ hoàng hôn thật đã xuống. Bóng tối, đứng trên núi mà nhìn thì thấy nó chạy bay trên mặt nước từ hướng Đông qua hướng Tây.

Một cái chòi tranh, chừng như của dân phu đập đá, bỏ trống không trước mặt họ. Họ uể oải đi lẫn vào đó mà nghỉ một đêm rồi sáng sẽ hay.

Bây giờ trời đổ một trận mưa như ai cầm chính mà chửi. Sét đánh liên tiếp, khủng khiếp như một cuộc dội bom mạnh, và chớp soi sáng không phút nào tắt cái chòi tranh mà cột bằng đá ấy.

Tâm lý của con người đang yếu lạ quá. Người con trai vẫn vui được như thường. Anh ta nói với giai nhân :

— Trước kia anh chỉ ước mong thấy ngày tận thế, Thiên hạ sẽ chết hết, trừ anh ra với người yêu của anh. Chừng đó, tha hồ mà yêu, vì ta chỉ còn sống để yêu thôi chớ không biết làm gì cả. Nay anh gần toại nguyện rồi đây. Tuy còn người sống sót là hai anh bạn này, nhưng hẳn hai bạn không ngăn trở ta yêu đương.

Đến đó thì Thành ngủ thiếp đi vì quá mệt mỏi, không rõ cô cậu còn chuyện trò gì nữa hay không cho phi chí để khỏi chết theo với loài người.

Sáng ra một cảnh tang thương bày ra trước mặt họ. Cánh đồng ngập nước mênh mông như biển cả. Mái tranh, sườn nhà tre, trâu, bò, heo, chó, gà, vịt, trôi lênh bênh. Xác người, lu hủ, giường ghế lẫn lộn trong các thứ ấy và xa xa một ngọn cây chọc thủng mặt nước, trông như rêu mới mọc lên khỏi mặt ao.

Không có lấy một tiếng động, không nghe lấy một tiếng chim kêu, mà sóng cũng lặng nên cảnh vật hoàn toàn chết.

Đất sụp chẳng hay bom lại đổi thay vị trí của Đại-dương ?

Dầu sao, họ không sợ nữa. Cái chết lần chết mòn vì bị bỏ tù ở trên núi

chỉ làm họ buồn thoang thoáng thôi chứ không khiến họ khùng khiếp như lúc bị nước đuổi thoo sau.

Ai nấy đều kêu đói. Người con trai bấy giờ mới nhớ sức lại cái bị mà anh ta mang theo lúc nhảy xuống xe.

Đó là một cái túi may bằng bố xanh đựng gì không biết mà đầy no nóc.

Anh ta vừa mở bị vừa nói:

— May quá, tôi còn đồ ăn lu bù đây!

Nhưng nói xong câu ấy, mặt anh lộ vẻ ăn năn ngay, như vừa hớ một chuyện bởi lẽ lời.

Tay anh ta mò rất lâu trong đáy túi rồi lôi ra một ổ bánh mì nhỏ xíu và một khúc dồi ngắn. Hắn mời:

— Đây, tôi còn được bấy nhiêu đây, mời các bạn đỡ lòng.

Lời mời này vô ích. Nếu không có mặt cô gái thì họ đã áp giết như người ta giết phần trong các đám làm chay.

Trưa hôm đó và mãi cho đến chiều không nghe chàng con trai nhắc đến vụ ăn uống nữa.

Thành và anh tài xế cũng lạ. Khi sáng người ta đã nói: « Còn được

bấy nhiêu đây » tức là bây giờ đã hết cả rồi, thật là rõ ràng, minh bạch, còn mong gì nữa.

Thế mà hai người cứ dòm lom lom cái túi mà người con trai luôn luôn mang bên mình. Nếu hắn còn bánh giấu trong bị, thì đó là của sở hữu của hắn. Hắn nói dối là lịch sự lắm rồi, không trách hắn được. Thì làm sao

mà Thành và anh tài xế cứ nghe tức ầm ầm như của đó phải là của chung.

Phải trong cơn túng ngặt, người có nên dãi người không, như người không có lấy quyền gì mà xem thứ của có là của chung? Đoàn thể nào cũng nghĩ như vậy và quyết định như vậy cả. Nhưng quyết định ấy rõ là áp bức của đoàn thể,

không dựa vào công lý mà dựa vào sức mạnh của đoàn thể vậy.

Họ càng tức thêm mà thấy hai kẻ s tình đi vắng chời hai lượt trong ngày hôm đó, đúng vào hai giờ ăn trưa và chiều.

Thì ra cô cô cậu đi trốn để ăn, quyết sống đề tiếp tục nòi giống loài người.

Thành nghiêng răng nắm chặt tay lại mà nói:



— Phải cướp lấy mới được, không thể chịu sự bắt công này lâu hơn nữa.

Anh tài xế cũng đập tay xuống đất mà hét :

— Tức chết đi thôi. Ta xúm lại bẻ cò nó mà giết cái bị ấy cho rồi.

Nhưng không ai dám hành động cả vì thanh niên rất khỏe mạnh, sức đánh ngã hai người như chơi. Hắn sẽ tự vệ mà giết chết họ cũng nên.

Qua ngày thứ hai, hai cô cậu cũng bỏ chòi đi ra ngoài bụi rậm. Nhưng đến chiều, cậu đi một mình, không thèm ngó tới cô. Cô đứng lên đề đi theo cậu thì cậu day lại nói :

— Em đi làm gì, anh đi ngoài, kia mà !

Giọng hắn xẵng và cộc cằn lạ, khiến cô gái sợ hãi đành ở lại.

Ngày thứ ba Thành và anh tài xế, nghe bao tử bị cào dử tợn. Một thứ nước gì như đang tiết ra trong ấy làm chua xót quá chừng dạ dày của họ.

Cô gái đẹp thì coi mọi hết yêu đời. Đồn bà ít xấu chúng đôi hơn đồn ông, nhưng dầu sao họ cũng là sinh vật, nên tuy không khó chịu ra mặt, họ vẫn có triệu chứng thiếu chất ăn.

Nói có trời là chứng, mặc dù sự săn sóc của người con trai si tình có phần giảm, hắn vẫn chịu lụy cô gái, và hắn ái ngại rõ rệt những khi nhìn thấy bạn héo mặt vì đói bụng.

Mia mai quá, cứ thỉnh thoảng hắn hỏi người yêu một lần :

— Em đói lắm hay không ?

Thì hắn là em đói lắm. Nhưng anh hỏi mà chỉ nếu không vui lòng thỏa nhu cầu của em ! Chắc cô bé nói trong bụng như thế.

Sáng ngày thứ tư, mặc dù cựa đã không muốn nổi, Thành cũng ráng lên lén đi nom theo người con trai khi thấy anh ta ra đi.

Khi Thành vừa len lỏi tới trước một khoảng đất trống thì thấy người thanh niên ấy đang ngồi trên một tảng đá giữa đám đất. Thành núp sau một bụi cây đề rình hành động chàng kia.

Một cảnh tượng diễn ra, khiến Thành chán nản gấp mười lần lúc ngả lòng thấy không còn hi vọng sống trên đời này : người con trai đẹp mã đang gặm một mẩu bánh mì khô. Anh ta vừa trợn trạo nuốt vừa ngó chừng lại phía chòi.

Thành thở dài lầm bầm : thì ra trong những lúc cùng cực, thú tánh sơ khai của con người, chìm đi từ mấy muôn thế hệ, lại trôi trở lên, họ đề cái ăn lên trên tất cả.

Anh yêu em ? Anh dám chết vì em ? Có thể lắm. Nhưng đến cơn cùng, anh trốn em mà gặm mẩu bánh mì mốc này.

Nụ cười nghiêng thành của em, đôi mắt ướt lệ của em, đôi má mịn của em, tất cả các thứ ấy đều không bằng một vạt cơm thiêu.

Hi sinh cho em vào giờ phút này à ? Đề làm gì kia chớ ? Đề được em phục thêm một chút, yêu thêm vài phen ? Không, cóc cần những cái ấy.

Giờ đây việc cần là làm dịu cơn giận của bao tử. Việc cần là sống thêm được bao nhiêu ngày hay bấy nhiêu, theo bản năng ham sống.

Rầu lòng, Thành lết về chòi. Thấy mặt mỹ nhơn, chàng buồn cười lắm, nín không được nữa. Con người ngọc này bây giờ thật quý không bằng một miếng cơm cháy!

Cô gái sợ hãi khi nghe tiếng cười kỳ dị của anh. Cô tự hỏi: « Anh này đói quá rồi phát điên chăng? »

Người con trai cũng đã về tới nơi. Đó là một người tình giữa đám người mê, mê vì đói. Tuy háo ăn, hắn còn biết xấu hổ và thương xót. Hắn sùng sùng nhìn ba gương mặt hốc hác và bơ phờ, và đau đớn nhìn người yêu.

Bỗng Thành chỗi dậy rồi hét:

— Vô nghĩa, cái gì cũng vô nghĩa cả! Thì ta không còn phải xem gì là

phải, gì là quấy. Anh kia, hãy đưa cái bị đây, không thì chết bây giờ. Không đợi người có mặt làm gì nói gì cả. Thành giựt đại cái bị bánh của hắn. Hắn đập cho Thành một đập trúng hông, khiến Thành té lăn cù.



Thành giựt mình tỉnh giấc mới hay đó là một cơn ác mộng dài. Chàng đang nằm cạnh một người bạn. Đôi bạn bàn cãi nhau vì một vấn đề đến nỗi ngủ quên hồi nào không hay.

Nhìn lại người bạn ngây thơ cứ cương quyết cho ái tình là cao cả hơn hết, Thành buồn cười quá. Chàng lầm bầm:

— Rất tiếc là chính mình đã mơ giấc mộng này. Phải chi nó thấy cảnh trong chiêm bao của mình, nó sẽ đổi ý ngay.

BÌNH-NGUYỄN-LỘC



TRUNG-HOA TÌNH SỬ?

HU - CHU tình dịch

Nhắc đến cở giai phẩm của Trung-Hoa, dù có thên về mấy bộ Tam-Quốc Tây-Sương, mà xưa nay ai đã đành quên Tình Sử? Và đọc hết một pho này, có ai chẳng nhận rằng trong ấy thật đã chứa đựng biết bao nhiêu điển cố thường gặp ở những thi phẩm của Phạm-Thất, Nguyễn-Du...? Bởi vậy, dịch Tình Sử ra Việt ngữ, công việc đó tất không thể không làm; và tuy vài chục năm trước đã có mấy bản dịch của mấy bậc chuyên nho, chúng tôi thiết tưởng bây giờ ta vẫn còn nên mong gặp lại.

Vậy đây, bản dịch Tình Sử của Hu - Chu. Hu-Chu, một cây bút có cái kỹ thuật tình ngữ rất đặc biệt của Liêu-Trại, chắc cũng không dám đề phụ lòng những bạn đọc nào đang muốn tìm một phong vị cở.

L.T.S.

III.— MA LẶC



IÊN hiệu Đại lịch đời Đường, công tử họ Thôi rất thích bao dung những tay hảo hán. Bởi vậy, thủ hạ đã có một kẻ tên Ma-Lặc, tuyệt giỏi võ mà lại nhiều mưu.

Ngày nọ, Thôi có việc đến thăm một nhất phẩm triều quan mà vốn là phụ chấp. Nhất phẩm cho dẫn Thôi vào

ngay hậu thức rồi truyền cứ ghé ngồi hầu. Giữa lúc đó, bỗng một ả tỳ mặc áo hồng bùng rượu ra dâng nhất phẩm. Nhất phẩm uống xong lại bảo cũng rót cho Thôi. ả nọ tuân theo, nhưng Thôi mặt bừng lên, thẹn không dám nhận. Nhất phẩm cười mà bảo ả:

— Sao không khéo mời một tiếng?

ả liền tùm tùm mà rằng:

— Ân tướng công ban, dám mời hãy
cạn cho một chén !

Thôi càng thẹn, vẫn ngồi yên. Nhất
phẩm cả cười mà bảo :

— Nếu chưa dứt lời thì sao không
chước tận môi cho khỏi tủi ?

Ả toan vâng
lệnh thì Thôi đã
vội cầm lấy uống.
Nhất phẩm thấy
vậy rất lấy làm
thú vị, còn ả áo
hồng thì cũng
bung miệng khúc
khích mà lấy mắt
đong đưa. Thôi
bấy giờ cũng chẳng
bụng ngồi dai,
liền xin được
cáo. Nhất phẩm
bằng lòng mà niềm
nở dạn :

— Lão nay đã tuổi, thường cũng ưa
những chuyện thích thảng hào hoa. Vậy
cứ đến đây luôn, chớ lấy cái chén rượu
hôm nay làm nghĩ !

Nói đoạn, truyền ả áo hồng tiến
khách. Thôi ra khỏi cửa, nhìn kỹ thì
mới hay ả nọ là một gái hai nghiêng.
Nhân chỉ kịp bồi hồi thì đã đi hết sân
sau, ả dừng đứng lại. Thôi không đành
bụng, đi một quãng lại ngoảnh đầu
trông. Trông thì thấy ả giờ tay ba
ngón, đoạn xòe cả mà lật đi ba lượt,
rồi lại trở vào tấm gương trước ngực
mà rằng :

— Nhớ lấy !

Thôi phân vân không hiểu thì ả đã
trở gót quay vào. Sau đó Thôi về
tường đến khuynh nhân mà quên ăn,
muôn vàn tư niệm. Ma-Lặc thấy thế,
liền xin biết cái mối tâm tư. Thôi đang
buồn, lạng mà chẳng đáp. Ma-Lặc bèn lại

gặng. Thôi bực
hỏi :

— Người là kẻ
nào mà nên biết
cái ta lo ?

Đáp :

— Lặc này sức
chấp nghìn quân
mà mưu thừa bách
kể !

Thôi nghe nói,
ngạc nhiên mà kể
chuyện tao phùng.
Ma - Lặc nghe
xong, cười bảo :

— Tường là tranh vương đồ bá, chứ
khó đâu một cái việc tỳ nhi !

Đoạn lại nói :

— Giờ tay ba ngón tức là ở viện
thứ ba. Lật tay ba lượt tức là ở số
mười lăm. Còn trở vào gương thì tức
là hẹn đêm rằm hãy đến.

Thôi hồi hộp mà rằng :

— Nàng đã riêng tình, nhưng mai
đúng trăng tròn, làm sao đến được ?

Ma-Lặc cười, nói cứ cho mình hai
cái áo màu xanh và một chiếc dùi sắt
lớn. Thôi nghe theo thì tối hôm sau y



bảo Thôi cùng y thay áo mới, đoạn dẫn Thôi đi. Đến nơi, y nhảy qua tường, vèo như tiếng gió. Thôi chờ một lát thì thấy y ra ghé tai mà bảo:

— Lặc dò đường đất, gặp con ác khuyển, hiện đã trừ xong. Còn vào chỗ giai nhân thì tuy cách mười tường, nhưng quân canh đều ngủ hết.

Nói đoạn, công Thôi mà nhảy bay lên. Thôi cứ lo lộ tiếng thì nguy, song thấy y phải đeo chủ trên lưng mà vẫn không động mạnh. Khoảnh khắc, y đặt Thôi trước một căn phòng cửa khép rồi đẩy vai Thôi. Thôi vào thì quả thấy ả áo hồng ngồi thẩn thờ bên đèn như đang nóng đơ. Bấy giờ ả nhác gặp, mừng rỡ mà lại kinh nghi. Nhân vội hỏi:

— Chó dữ tường cao, hẹn cũng là liều, vậy sao vẫn đã nên thỏa hẹn?

Thôi liền kể chuyện Ma-Lặc, rồi nói y hiện đứng trấn ở ngoài thềm. ả nọ tức thì mở cửa gọi vào mà tự tay rót thưởng cho ba chén rượu. Sau đó, ả bảo Thôi rằng:

— Thiếp quán ở Sóc-phương, nhà cũng không nghèo, sở dĩ vào đây chỉ

là bị bức. Vậy nay đã sẵn tay thần thuật, biết có nghĩ đến sự đầu bạc cùng nhau?

Thôi hất hàm mà nhìn Ma-Lặc, y đáp:

— Nương tử đã quyết lòng đi thì con cá muốn ra ao một đầu có cần cơn mưa lớn!

Thôi mừng, bảo làm ngay. Y xin vâng, nhưng lại nói:

— Nếu đi không thì chẳng khỏi mua cười cho thiên hạ. Chi bằng nương tử có bao nhiêu tế nhuyễn, xin lấy hết đi theo.

Ả áo hồng tro vào ba chiếc rương gấm ngọc. Ma-Lặc liền lần lượt công từng người và ôm từng chiếc mà vượt ra ngoài. Sau đó về nhà, Thôi giấu tình nương ở thư phòng, rồi biệt cử một mình Ma-Lặc hầu hạ ngày đêm cho kín chuyện.

Bên dinh nhất phẩm, mọi người thức dậy mới biết đêm qua đã có một ả đào bôn. Nhất phẩm ra xem, thấy trên tường có nhiều vết chân to mà con ác khuyển cũng đã bị một mũi dùi đâm chết. Nhân lấy làm kinh sợ mà rằng:

— Kẻ này tài lực hơn người, tất là một tay khó trị!



Nói đoạn cầm gia nhân náo động, hãy cứ bình tĩnh dò la. Cho mãi hai năm, bỗng có kẻ ngẫu nhiên biết việc Thôi oa đào mỹ nữ. Tin đến tai nhất phẩm, nhất phẩm vội Thôi mà hỏi. Thôi không thề giấu, kể rõ đầu đuôi. Nhất phẩm ngấm nghĩ giây lâu rồi bảo :

— Mọi việc duyên trời, thôi không nhắc đến. Nhưng còn cái mối lo cho thiên hạ, tất phải trừ đi.

Rồi đó, sai năm mươi giáp sĩ đến nhà Thôi. Bọn này kéo đến, nhưng vừa kịp vây quanh thì đã thấy Ma-Lặc nhẩy vọt lên tường mà quát lớn :

— Sức này đâu thua, nhưng lại sợ chủ nhân phải lụy !

Quát xong, vung trùy thủ mà nhẩy như chơi. Bọn giáp sĩ vội bắn tên theo, nhưng thoát đã không trông thấy nữa. Tin về báo lại, nhất phẩm biết là tay dũng lực, cũng không quở phạt những kẻ vô công. Nhưng từ đó, đêm nào cũng tăng quân phòng ngự chốn quan dinh, cho đến hơn một năm mới dần dần yên dạ.

Sau đó đúng một kỷ, người em Thôi có việc sang Lạc-dương thành. Ngẫu nhiên ra chợ xem chơi, bỗng thấy một gã bán thuốc trông giống y như Ma-Lặc. Nhân mừng mà gọi lớn. Nhưng gã nọ lại làm như không nghe biết mà vội vàng thu dọn quầy gánh bỏ đi ngay.

HU - CHU

PRESS RELEASE

Nhà xuất bản « The Times », sắp phát hành cuốn « Danh Nhân Việt-Nam. »

Saigon 9-12, — Nhà Xuất Bản « The Times », (The Times Publishing Company), tức là công ty hiện đang xuất bản tờ nhật báo Anh ngữ « The Times of Viet Nam, vừa cho hay sẽ phát hành lần thứ nhất vào đầu năm 1958 tới đây cuốn **Danh Nhân ở Việt-Nam (Who's Who in Viet-Nam)** bằng hai thứ tiếng Anh và Việt.

Theo lời một nhân viên trong bộ biên tập **The Times** thì những nhân vật có tên trong cuốn **Danh Nhân** này sẽ do bộ biên tập tuyển chọn và sẽ chỉ gồm có những nhân vật nổi bật trong các giới chánh quyền, chánh trị, tôn giáo, thương mại, nghề nghiệp tự do, giáo dục, báo chí, giải trí, nghệ thuật, văn chương, thể thao và công dân vụ.

Theo lời nhà xuất bản thì việc tuyển chọn này không có nghĩa là một sự xét đoán về tư cách, cũng không phải là đề ủng hộ một nhân vật nào, mà chỉ chú trọng về những sự nghiệp hoặc hoạt động đáng đề ý của các nhân vật.

Kỳ xuất bản thứ nhất của cuốn **Danh Nhân Việt-Nam** sẽ gồm có sơ lược tiểu sử của 2.000—3.000 nhân vật Việt-Nam và ngoại quốc sống tại Việt-Nam.

Theo lời nhà xuất bản cho biết, thị các câu hỏi sẽ gửi đi cho các nhân vật nam hoặc nữ đã được chọn vào tập **Danh Nhân** thứ nhứt này. Những câu hỏi đó sẽ giúp cho công việc của nhà xuất bản được thêm phần xác thực và đầy đủ.

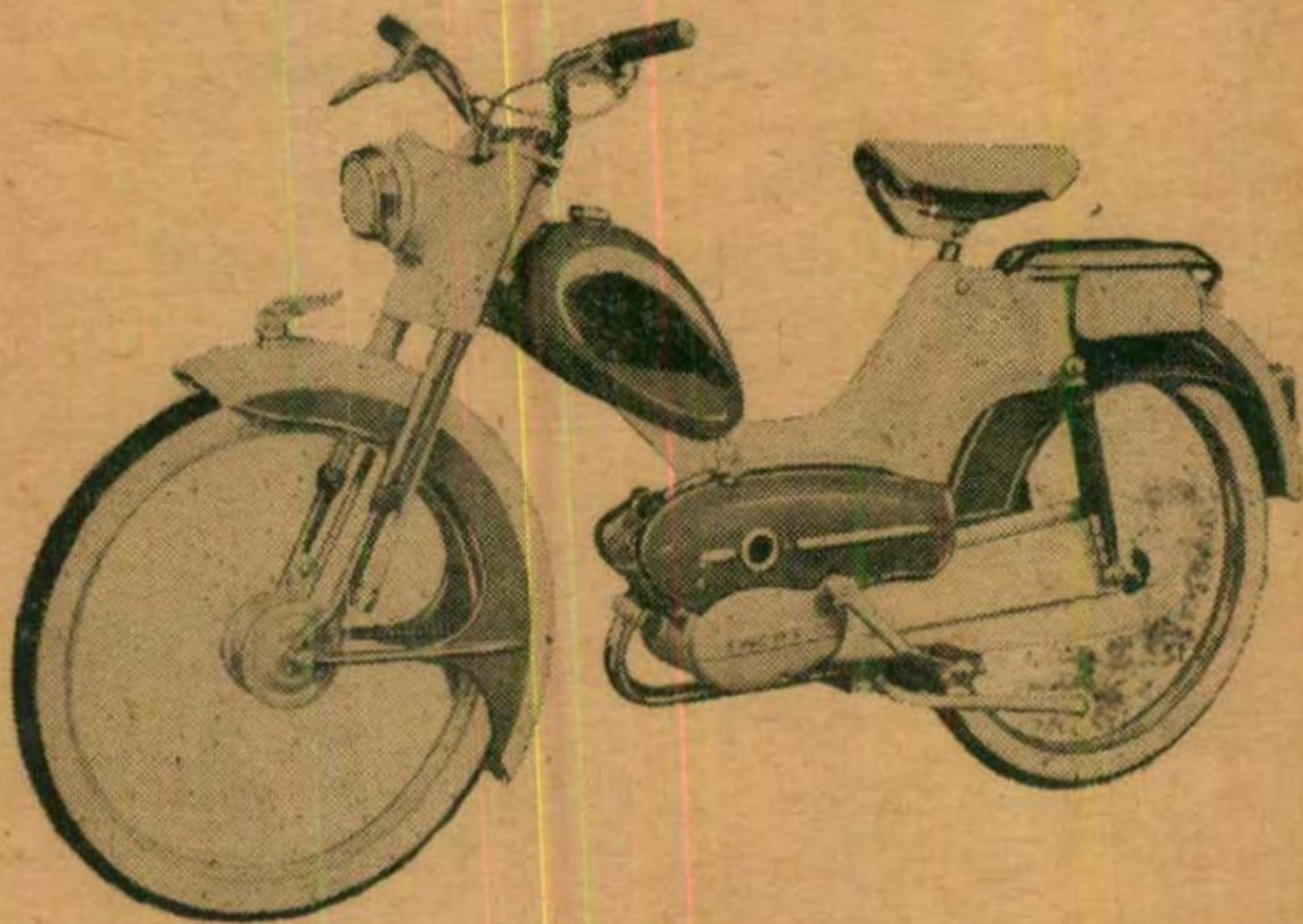
Nhân viên nói trên kết luận rằng mục đích chính của cuốn sách này là giúp cho các văn gia, sinh viên và các nhà khảo cứu những tài liệu đầy đủ về các nhà lãnh đạo Việt-Nam trong mọi phạm vi hoạt động, hầu góp phần làm cho nước nhà và các nhà lãnh đạo trong nước được hiểu rõ hơn.

NAM-VIỆT CÔNG-THƯƠNG

Xuất — Nhập - cảng

Văn-phòng : 37, Thái - Lập - Thành
(Amiral Dupré) SAIGON

Điện-thoại : 22.992



Đại - lý độc - quyền :

Xe gắn máy NAVICO

Xưởng ráp :

Tại đường Trương - minh - Giảng (Tân - sơn - nhứt)

Chi-ngánh tại Nam-vang :

179/7, đường Vithei Youkangthor

A. C. LANGILLET

155 Rue Lê-Thánh-Tôn — SAIGON

Tél. — 20651

Export : Caoutchouc - Céréales
Produits Divers

EUROPE — AMERIQUE — ASIE

XE DU LỊCH

DANH TIẾNG KHÁI
HOÀN CẦU

ĐẸP BỀN



SUNBEAM RAPIER



SINGER *Gazelle*

do Hãng ROOTES Anh-cát-Lợi
sản xuất

ĐẠI LÝ ĐỘC QUYỀN TẠI VIỆT-NAM
HÃNG

VIỆT-HÀ

69, đường Tự-Do — SAIGON

Giấy nói : 23.070

KHƯƠNG THÔN

TRANH vanh xích vân tây.

Nhật cước hạ bình địa.

Sài môn điều tước táo.

Qui khách thiên lý chí.

Thê noa quái ngũ tại,

Kinh định hoàn thừc lệ.

Thế loạn tại phiên dăng,

Sinh hoàn ngẫu nhiên tụy.

Lân nhân mẫn tương đầu,

Cảm thán diệc hư hi.

Dạ lan cách bình dăng,

Tương đối như mộng mị.

ĐỖ-PHỦ

LÀNG KHƯƠNG

TRỜI lầy mây đỏ chấp chồng,

Kim ô nghĩ bước trên đồng mệnh mang.

Cửa sài chim sẻ kêu ran,

Chủ nhân về đến tự ngàn dặm xa.

Vợ con ngư ngạc nhìn ra,

Hết hồi kinh ngạc, lau nhòa giọt châu.

Nỗi trời thời loạn bấy lâu,

Mà nay còn sống sự dầu lạ thường,

Đến thăm chen chúc dần tường,

Láng diêng ai nấy cảm thương ngọt ngào.

Đêm tàn, chong đĩa dầu hao,

Như trong giấc mộng, nhìn nhau bàng hoàng..

Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG dịch

GIAI NGHĨA

(trích quyển « Đường thi » của Ngô - Tất - Tố)

Đường thư chép rằng : Lúc An-Lộc-Sơn lâm loạn, Minh-hoàng phải chạy vào Thục, vua Túc-tông lên ngôi ở đất Linh-vũ, thì Đỗ-Phủ đương ở Lộc-châu. Nghe tin ấy, Đỗ định chạy tới nhà hành tại của Túc-tông, nhưng đến giữa đường, bị quân giặc bắt giam. Qua năm Chí-Đức thứ hai, Đỗ mới trốn thoát và đến được đất Phụng-tường. Liền được phong làm chức Hữu-thập-di. Bấy giờ nhà Đỗ vẫn ở Lộc-châu, rờn rã mấy năm quân bách, những đứa trẻ yếu, có đứa đã bị chết đói. Vì thế, Túc-tông mới cho phép Đỗ về thăm. Bài này nói về quang cảnh lúc Đỗ tới nhà. Khi ấy trời đã xế chiều, ở phương tây, mây đỏ lù lù kéo lên, hình thể chót vót như những ngọn núi. Rồi những tia đỏ giống như chân

của mặt trời, thông thống chạy xuống mặt đất. Đỗ về tới cổng, thì ở trên nếp cổng tre, chim sẻ, chim khách, xao xác đưa kêu, như báo cho người trong nhà biết rằng: cái người đi xa nghìn dặm đã về đến nhà. Vợ con thấy Đỗ còn sống, ai nấy đều cho là sự quái gỡ. Sau một hồi ngơ ngác kinh sợ, mọi người đều lau nước mắt và đều mừng rằng: trong đời loạn li, gặp bước xiêu bạt, không ngờ hãy còn được sống mà về. Láng diếng nghe tin Đỗ về, lối nhỏ đứng ở bên tường nhòm sang. Họ cũng thở vắn than dài, tỏ vẻ cảm động. Đến lúc đêm khuya, trong nhà thắp đèn, cả nhà ngồi ở trước đèn, trông nhau, còn tưởng như gặp nhau trong giấc mơ mộng.

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C°

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÃNG CHÍNH :

ĐÀI-BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị
lớn khắp thế-giới.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoái Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

LƯỢC DẪN.—Nhân cuộc nội loạn quyền phi và việc tiến quân của chín nước liên minh để đánh Bắc-Kinh, ông Diêu-Tiêu-An, một phú thương, phải đem gia quyến đi lánh nạn. Chẳng may giữa đường, có con gái lớn của ông, là Mộc-Lan, bị thất lạc.

Đã tốn công tìm kiếm mà không ra manh mối, ông đành cùng vợ con về thẳng Hàng-Châu, nơi quê hương, sau khi phải người đi tìm tòi.

Vừa ra may, ông Tăng-Vân-Phát, một vị quan kinh, về thăm quê nhà, được hay tin buồn của Diêu gia, chỗ quen biết, nên ông ra công tìm thấy Mộc-Lan và chuộc cô ra khỏi tay của quân buôn người trên Vạn-hà. Ông liền báo tin mừng cho Diêu gia và tiến đường, ông đem Mộc-Lan và vợ con ông cùng về Thái-An nơi nguyên quán của ông.

Ông bà Tăng có ba cậu con trai là Bàn-A, Khâm-A và Tân-A.

Cũng là thiên duyên tiền định mà nhân việc hội ngộ đó, Mộc-Lan, sau này, sẽ về làm dâu nhà họ Tăng.

Sau một thời gian ở lại Thái-An với gia đình họ Tăng, Mộc-Lan theo cha là Diêu tiên sinh về Bắc-Kinh.

— Rồi đây, nó sẽ là vợ con mà trong chỗ phu thê, sự tôn kính phải đứng đầu; mẹ dặn con, con phải lấy làm lòng, mà chớ nên có một cử chỉ, một ngôn ngữ nào ra ngoài nghi lễ, nghe không con?

Là dòng dõi thư hương nên những lời huấn giới đó cứ buột tự đầu lưỡi thốt ra, Tăng phu nhân nói một cách tự nhiên không phải nghĩ ngợi gì cả.

Sau khi nghe những lời răn dạy đó, hai trẻ có vẻ giữ gìn và để ý, lời sự lý hiếm hơn, nhưng, sự âm thầm tương vọng nhau, ở đâu đây, cuối mắt, xem ra càng nồng nàn, tha thiết hơn.

Có một lần, Bàn-A, mon men lại gần bên Man-Ny, có ý muốn ngỏ lời tâm sự, nhưng nàng tìm cách đánh trống lảng ngay tức khắc.

Vừa hay, tối hôm đó, vì mắc lí việc

ở bếp, bà thân mẫu của Man-Ny phải xuống dưới đó, nên chỉ còn lại có hai cô cậu. Họ nói chuyện với nhau về Mộc-Lan, ở cái thời kỳ tất cả cùng nhau học tập. Rồi Bân-A nói mới rồi cậu có được gặp Mộc-Lan ở Bắc-Kinh; hiện thời cô đã lớn hơn và cao vọt hẳn lên.

Thế rồi, đương chuyện nọ, cậu nhảy sang chuyện kia. Cậu nói không biết tại sao, một cô nương, trong lúc bi uất, buồn thảm, lại có vẻ na ná như người đương vui vẻ, thích ý mà cứ lại đẹp lồ lộ hẳn lên? Cậu lại cũng không hiểu tại sao, khi Man-Ny bận bộ đồ tang trắng muốt thì cậu có cảm giác là nàng là một vị thần tiên, một vị thiên thần có một cái sắc đẹp vô cùng diễm ảo! Cậu càng nhìn nàng, cậu càng thấy nàng chẳng khác gì một pho hoạt tượng của đức Quan-Âm Bồ-Tát vậy, một vị hoạt tượng chỉ được ngưỡng chiêm mà không thể nào được gần. Tuy là tiên, nhưng cái giọng nói có đượm ít nhiều tiếng mũi, mà cái giọng nói đượm tiếng mũi đó thì lại nghe có vẻ quen thuộc như của một người phàm vào cái hạng một cô nương ở cái thế giới trần tục này vậy! Nàng cứ nín thinh, cậu lại nói tiếp:

— Muội muội ạ, trong hai năm nay em đã lớn lên nhiều đấy nhá?

Nàng vẫn lặng yên và nhìn đi đằng khác.

— Tại sao muội muội lại xa xăm, lạnh nhạt với anh như vậy, hả muội muội?

Man-Ny quay đầu lại, trong lòng bị xáo động đến cực điểm. Thiết tình nàng có biết bao nhiêu điều muốn nói

với cậu, nhưng nàng không biết nói câu gì trước, câu gì sau. Ruột nàng cứ rối như mối tơ vò!

— Bân-Kha ạ!

Nàng nói được ba tiếng đó, lại dừng lại, rồi mới lại nói tiếp được:

— Anh đừng trách em, tội nghiệp! Từ lúc anh tận lực lo việc cho tiên nghiêm của em, thiệt, hai mẹ con em không còn biết lấy gì đền đáp cho phu sự hết lòng hết sức của anh!

— Ấy thế mà em nở lòng nào, em cứ thờ ơ, lãnh đạm với anh! Em lại đang tâm nói với anh những lời khách sáo, cảm ân, cảm huệ với gì gì nữa... Em ạ, trong thâm tâm anh, anh không hề phân biệt, nhà em hay nhà anh, gì cả; anh chỉ biết vì em mà anh làm các việc đó, có thể thôi, em ạ... Đây này, rồi em xem anh sẽ cùng với em chịu tang ba năm chứ không phải một trăm ngày như thường lệ. Anh chỉ mong em đừng lạnh nhạt với anh như trước đây nữa... em thử nghĩ coi, nếu em không sợ viễn ảnh, thì chúng ta sẽ vui vẻ, sung sướng biết chừng nào!

Man-Ny thấy vô cùng nao núng, bao nhiêu cương quyết cứ tan, tan dần, và lòng thơ thường đã xiêu xiêu. Cô phải cố chấn lĩnh mà gượng cười, đáp lại:

— Nhưng, anh ạ, chúng ta còn có cả một đời, để hưởng nỗi vui tươi kia mà!

Cái giọng nói đầy âu yếm, cái nét miệng hoa cười và cả cái vẻ kiêu my đó đã chiến thắng tất cả sự hờn trách

của cậu. Cậu nhận thấy rõ sự cầu thân của cậu đối với cái nàng liền xa cách kia đã thành công một cách đầy đủ vậy.

Man-Ny muốn đòi đầu đề của câu chuyện, nên nàng liền nói cho Bân-A rõ, nàng với Mộc-Lan đã bí mật ước thệ với nhau để thành một đôi bạn « Kim-Lan ». Nàng nói xong, bảo cậu nhắm mắt lại và cứ đứng yên như vậy để đợi nàng. Cậu y theo lời, Man-Ny đi vào trong buồng lấy ra một cái vòng ngọc, rồi se se, rón rén, đi tới trước mặt cậu và dơ chiếc vòng, đúng vào lăm mắt cậu.

— Anh hãy mở mắt ra coi, này!

Chiếc vòng ngọc nhẵn bóng, lóng la, lóng lánh, phản chiếu ánh sáng của mấy ngọn nến đương le lói cháy trên bàn thờ. Những đường chạm trổ bằng một kỹ xảo tinh vi, nổi bật hẳn lên, làm cho ai thấy cũng phải trầm trồ, khen ngợi.

— Anh coi có đẹp, có dễ thương không, hả anh?

Cậu đáp :

— Đẹp ! Đẹp lắm ! nhưng mà em ạ, em chưa được trông thấy tất cả những bảo ngoạn mà Mộc-Lan đã sưu tầm, gom góp được... thứ nhất những cái con giống với những mô hình nó tinh vi, tế tri biết chừng nào !... Nào là con hồ này, con voi này, con thỏ này, con vịt, cái thuyền, cái tháp, cái cây đèn, con rùa, tượng đức Bồ-Tát, trời ơi, cái gì cũng vào hạng tuyệt mực, đoạt nhãn cả, trông thấy mà phát mê, em ạ !

Khi cậu đưa trả cái vòng ngọc lại cho nàng, cậu xuất kỳ bất ý, nắm

lấy tay nàng. Nàng vội vàng rút tay lại, và chỉ một li nữa thì chiếc vòng bị rớt xuống đất.

— Ừ ừ ! sao anh lại thế !...

Nàng đỏ bừng mặt lên và liú cả lưỡi khi thốt ra mấy lời trách móc đó.

Cậu phản đối, nói :

— Ô kìa, thế em không nhớ, cái hôm chơi dế, em chẳng đã để anh cầm tay em là gì ? Hôm đó em có nói gì đâu nào !

— Hôm đó là hôm đó, bây giờ là bây giờ...

— Anh chả thấy khác gì cả...

— Có khác đấy anh ạ... Thế anh không nhận thấy, hiện giờ, chúng mình đã trưởng thành cả rồi sao ? Như vậy, chúng mình không được phép nắm tay nhau như lúc còn là trẻ con nữa.

— Ừ đã đành vậy nhưng em lại không nhận thấy rằng, bây giờ, em không là anh mà anh không là em, hay sao ?

Man-Ny đứng lùt hẳn ra, và nói :

— Bân-Kha ạ, việc gì cũng không thể nào vượt ra ngoài lẽ giáo được đâu ! Em cũng biết, cả em là thuộc về anh rồi, nhưng cái thời kỳ đó chưa tới, anh ạ. Xin anh, anh đừng có nóng nảy... chúng ta còn có cả một đời sau này của chúng ta, kìa mà.

Cả cái cuộc đối thoại trên đây có cái vẻ một bài khuyến dụ. Bân-A làm gì chẳng nhận thấy ở người bạn lòng một cái lực lượng để khuyên răn, kiềm chế cậu. Mà cậu phải công nhận rằng nàng

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

nói rất đúng, rất hợp lý. Và, từ đây hoặc ở Sơn-Đông, hay ở Bắc-Kinh cũng vậy, lúc nào cậu cũng phảng phất nghe thấy bằng một giọng dịu dàng, thỏ thẻ ở bên tai, cái câu : « chúng ta còn có cả một đời sau này của chúng ta, kia mà !... » Thiệt không khác gì những lời của thần linh ở cõi u u, minh minh nào rĩ vào tai cậu.

Trẻ tạo trớ trêu, thường hay đùa người bằng những lần trò quá ác. Chỉ một câu nói thỏ thẻ, êm dịu, ở miệng một cô nương thốt ra, mà nó có hẳn một cái áp lực, tuy mềm mại, ngọt ngào nhưng vô cùng mạnh mẽ ; nó có thể sáng tạo ra một mối tình cảm mà chung thân không bao giờ phai lại được nữa. Thà quá luyến ái đề rồi đau khổ hơn, hay là đừng nếm vào cái mùi luyến ái đề khỏi phải đau khổ hơn ; ai là người dám quyết đoán, cho một trong hai đường đó, đường nào là phải. Riêng đối với Man-Ny, suốt đời nàng, nàng đã nếm trải cái hưởng ọi của yêu đương và đau khổ !

Ba hôm sau, vừa đúng tuần ngũ thất, vào buổi tối, lễ tất nhiên có tụng kinh và điện tế, thì xảy ra một việc nó làm cho Bân-A và Man-Ny thành thân mật với nhau hơn nữa.

Trong cái đoàn các nhà sư đến cúng độ linh, có một người vào trạc ngoài hai mươi, xem ra có vẻ phù bạc. Đáng lẽ lúc hành lễ, nhà sư phải hạ mi mắt, nhìn xuống cuốn kinh và hai tay chấp lại, thì hán đưa hai con mắt long sòng sọc, lên nhìn Man-Ny. Đó là một cử chỉ mà người con gái nào chẳng nhận thấy một cách dễ dàng.

Nàng nửa tức, nửa sợ, liền đem việc đó thưa với thân mẫu.

Vừa dùng xong bữa tối thì Lý di má đã phát tác cái bệnh tinh thần của nhà má ra. Nguyên lai các việc cúng lễ đều do Tăng phu nhân điều khiển, nhưng bao giờ bà cũng hỏi ý kiến của lão thái thái. Thường nhật lão thái thái rất đòi thông thả nên cũng buồn, nay, có công, có việc, cụ lăng xăng, chạy ra chạy vào, đề mắt trỉ cái này, cái kia ; bảo ban điều này điều nọ, sai khiến, chỉ bảo, một cách rất bận rộn. Ấy thế mà Lý di má thì cứ đứng lì ở một góc nhà, chẳng ai hỏi tới, hay sai phải một việc gì. Bởi vậy, nhà má ta lấy thế làm phần uất ; thì ra người ta coi khinh, coi rẻ mình ! Cả nhà vừa buông dưa, buông bát, thì nhà má ta nằm vật ra đất, giãy lên đành đạch như người bị kinh phong, hai mắt đảo ngược, trắng dã và cứng đờ trông phát sợ lên. Thế rồi, nhà má ta ngồi dậy, xoa tóc ra, hú lên mấy tiếng như quỷ nhập tràng !

Thì ra, nhà má ta bốc đồng.

Nhà má ta bắt chước giọng nói của thân phụ Man-Ny, gọi lão thái thái bằng « đại cô », và khóc, kể rằng :

— Đại cô cứu con với ! Con bị sa xuống « hỏa xa cốc » ! Trời ơi, nóng, nóng quá ! Con chết ngạt mất ! Có ai cứu tôi không ? Trời ơi, cứu tôi với !

Xong, nhà má ta quay về phía Tăng phu nhân mà hỏi :

— Làm sao biểu huynh lại không về tham gia tang sự của tôi hả ?

HÀNG



Giấy nôi : 3⁰⁵
Giấy thép : KOL CHOLON

51A-53A, đại-lộ Hồng-Bàng
CHOLON

SẢN XUẤT :

- Kem và xà-bông đánh răng
- Các loại nút-ve, hộp, nắp, ống đựng thuốc cho các dược-phòng bằng chất nhựa Phénoplaste, mélamine, polyéthylène,
- Các thứ bàn chải đánh răng bằng nylon,
- Các thứ ống nước bằng chất vinyle
- Nút áo
- Các thứ vật-dụng điện-khí
- Dao bào râu, chén.

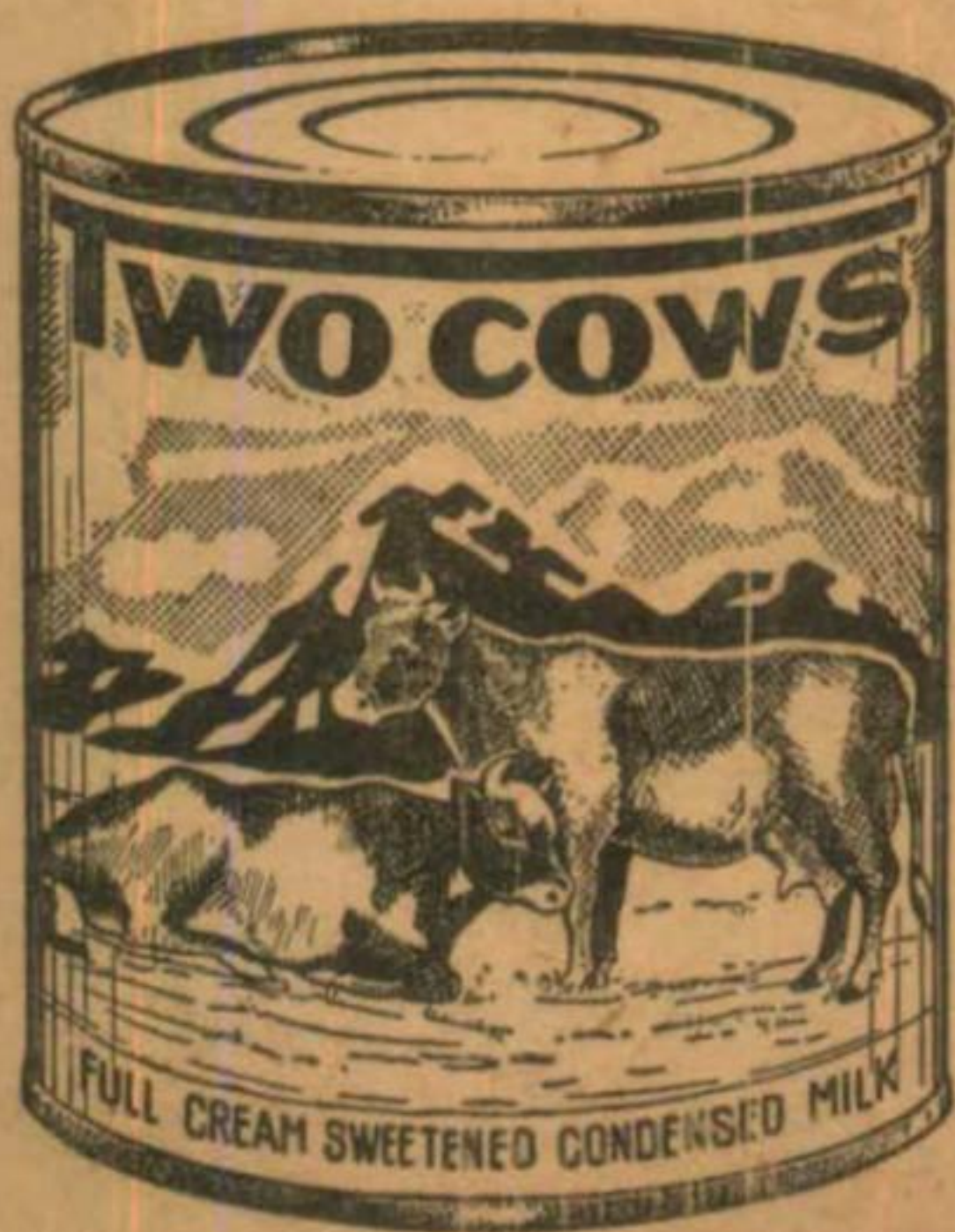
SỮA ((HAI CON BÒ))

Được

Viện PASTEUR

SAIGON

chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bỏ cho trẻ em dùng



Nghe tới đó, bà mẹ của Man-Ny không thể nào cầm lòng cho nổi, bà liền phòng thanh vừa khóc, vừa nói :

— Ôi anh ơi, là anh ơi ! anh nở lòng nào, anh bỏ hai mẹ con tôi mà đi đâu cho đành, anh ơi, là anh ơi !

Tăng phu nhân mới nhớ lại rằng ban hòa thượng đã chuẩn bị đề đêm nay làm lễ suốt đêm, bà liền sai người nhà, lập tức đi mời các vị sư lại ngay, đề bắt đầu diện lễ và dùng kinh, quyết, đề bái trừ cái thứ quý linh này đi. Một mặt khác, bà hết sức an ủi thân mẫu của Man-Ny.

Riêng lão thái thái, cụ hết sức tin và cụ muốn thừa cơ đề, cùng với người cháu đã xấu số, thiệt phận, nói một vài lời. Cụ vỗ về, an ủi cái con đồng Lý di má, và nói cả nhà sẽ kiệt lực tụng kinh sám hối đề siêu độ cho « vong ». Sau, cụ lại hỏi, vậy chứ « hồn » đã gặp mặt cái thằng bé đại, mất hồi năm ngoái chưa ? Lý di má liền nhân danh hồn mà đáp : « Tôi đã có hỏi thăm cái lũ liều quý ở dưới âm, nhưng bọn đó bảo, địa ngục rất rộng lớn, muốn tìm phải mất nhiều thời giờ lắm ; chúng tiều quý, đứa nào cũng tham tiền, phải đút lót chúng nó mới được ; vậy các người ở trên trần phải đốt nhiều giấy tiền xuống đề tiêu dùng ».

Lão thái thái hỏi hết điều nọ, đến điều kia, không lúc nào ngớt miệng, làm cho con đồng khô cả cò dòi uống nước. Uống xong một chén nước thì con đồng Lý di má, từ từ buông tay nắm vật ra, như bất tỉnh nhân sự. Con đồng đã thắng.

Thời thường Man-Ny và thân mẫu nàng vẫn dùng cơm ở ngay lương phòng của hai mẹ con nhưng, hôm nay, ở bên buồng của lão thái thái có bày một diện tịch, nên cụ bảo cả hai mẹ con nàng sang bên đó, và đề cho một đầy tớ gái coi linh cửu. Ăn xong, buông đũa, Man-Ny vội vàng trở về bên nhà nàng, nhà nàng ở mãi bên phía đông nam, nên bà bắt buộc phải đi qua một dãy hành lang tối mờ mờ.

Nàng vừa đi được nửa đường thì có một anh người nhà chạy sang báo tin rằng Lý di má lại bốc đồng, và anh phải mau mau đi mời nhà sư ; nhà sư ở tại mấy gian phòng phía nam viện thất. Nàng thấy phân vân, lo ngại và nơm nớp lo sợ, nhưng nàng cũng cứ đánh bạo đi ; đi tới chỗ cái cửa tròn thì vừa gặp các vị hòa thượng cũng đi sang. Nàng hơi trù trù, cứ đi, hay quay trở lại ? Bề nào cũng phải mau về đề thủ linh ; nghĩ như vậy, nàng liền đứng nép vào một bên, đề nhường lối đi cho các vị sư tiến lên trước.

Từ bức cửa tròn, nàng phải đi vòng quanh mấy gian nhà nữa rồi đi tới một cái hành lang dài ước bốn chục thước, mà trên lại có nóc lợp nên nó tối tăm ; chỗ đó còn cách xa phòng của nàng. Bỗng, ở phía trước nàng, nàng thấy thoáng có bóng người và nàng nhận ngay ra, đó là cái anh hòa thượng trẻ tuổi ; anh ta đương tròn trọc nhìn nàng. Nàng đứng dừng ngay lại và nép người vào một góc tường, trống ngực đánh thành thành như trống làng đuổi cướp.

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES

GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Cái anh hòa thượng này đứng ở đây làm gì ? Anh sẽ dỡ cái trò gì ra ? Nàng không dám đi lên mà cũng không dám quay trở lại, vì quay trở lại, nhớ anh ta đuổi theo thì chạy sao cho kịp.

Nàng đành cứ đứng yên ở đó, chốc chốc nàng lại ghé nhìn xem động tĩnh ra sao ? Anh sư kia cứ đứng yên, nhìn chằm chằm về phía nàng. Một phút sau nàng lại ghé nhìn thì không thấy bóng anh sư đó nữa. Nàng cho hân đã rút lui, nên nàng lại mạnh bạo đi về ; nàng vừa đi được một đoạn cái hành lang tối om đó thì vụt một cái, hân ở đâu chạy bổ ra và đuổi theo nàng, không khác gì một con thú dữ đang tận lực vọt lên để chụp một cái mồi ngon, vậy.

Nàng hét lên một tiếng thất thanh và quay mình ngoắt trở lại, để chạy trốn. Nàng không dám ngoái mình lại phía sau, nhưng nghe rõ tiếng chân thình thịch của kẻ đuổi theo. Trong bóng tối bịt bùng, nàng liều lĩnh mệnh, dám đầu chạy ; càng chạy mau, nàng càng thấy sợ.

Bỗng nhiên, nghe thấy có tiếng người gọi :

— Muội muội ! Em làm gì mà chạy như ma đuổi làm vậy, kìa ?

Cậu Bân-A tiến đến trước mặt nàng, hai người chỉ cách nhau độ mười thước ; khi nàng nhận ra cậu, thì nàng vừa vấp bị ru tọt vào lòng cậu.

— Bân-Kha ơi ! Em sợ quá ! Em sợ hết cả hồn, cả vía !

— Nhưng mà, cái gì ? Làm sao ? Làm sao ?

— Cái gã hòa thượng trẻ tuổi ấy... hân đuổi theo em...

Bân-A trở mặt, nhìn qua vai nàng về phía sau.

— Đâu, có ai đâu ?

Cậu nói tiếp :

— Nhưng đâu sao, em chẳng việc gì mà sợ, có anh đây rồi, không sợ gì cả, muội muội !

Cậu vừa nói vừa vỗ về nàng với một giọng đầy âu yếm, một giọng tuy êm dịu, ngọt ngào nhưng không kém kiên quyết, cương nghị.

Ở bên cậu, Man-Ny dần dần chấn tĩnh lại được và mới nhận thấy rõ các việc vừa xảy ra. Nàng cũng không hiểu làm sao lại đang bị ôm gọn ở trong lòng Bân-A ; bỗng nhiên nàng thấy thẹn và ngượng quá, rồi nàng thấy áy náy như đã phạm vào tội hiểm nghị, nàng liền sẽ sẽ luồn ra khỏi vòng tay cậu và đứng lùi ra xa cậu. Để cả người mình tựa sát vào người của một người con trai, và để cho người ta ôm mình vào trong lòng người ta là một sự thán mật không khác gì để cho người ta hôn mình.

Nhưng, đời nào Bân-A lại chịu để cho nàng gỡ ra.

— Đi đi về em ạ. Chúng mình cùng đi về với nhau. Em có biết không, anh vẫn đề tâm đến em khi thấy em đi về có mỗi một mình ; mà không đi với em, anh thấy ngái ngại thế nào ấy, thứ nhất, khi các vị hòa thượng

lời, anh không trông thấy cái nhà sư trẻ tuổi ấy, anh chợt dạ ngay, nên anh vội vàng ra đây để đón em, em có biết không?

Hai cô cậu, tay cầm tay, song song cùng nhau đi về phía phòng của cô bên Tôn gia.

Nàng hết sức bị xúc động, nhưng không biết làm thế nào. Nàng tự lý luận lấy được: để cho người ta ôm vào lòng còn được, nữa là cầm tay, đối với cái việc kia, cầm tay bất quá chỉ là một việc nhỏ, không đáng kể. Nói thiệt tình, nàng không khỏi không thấy thối khoải trong phương tâm và tự nhủ: « Thấy kệ! nếu hai cái má mình có đỏ lên thì trong đêm tối thế này, « chả » ai trông thấy được ».

Bản-A nói tiếp:

— Ô, thế ra Man-Ny nhút nhát quá nhỉ. Mới có một tí bấy nhiêu mà đã sợ cuống cả người lên! Rõ bêu bêu! Nhưng em không lo, anh xin chung thân, trông nom, che chở cho em của anh!

Bản-A tha thiết rí vào tai nàng những lời trung khúc ân cần đó. Vì quá cảm động nên nàng cứ nép sát mãi vào cậu, cả lâm thần đắm say trong cõi mộng và dương lảng lảng trên chín tầng mây!

Hai cô cậu về gần tới nơi thì chẳng có cái gì khác. Cái nhà sư trẻ đó có lẽ cũng về chỗ trú ngụ của hắn rồi.

Một cô a hoàn đơn đã chạy ra nói:

— Cô với cậu đã về 1... Các vị hòa thượng đã làm lễ xong và đã ra về cả rồi... Đến một lúc lâu sau, tôi thấy có một người đàn ông, không biết hắn muốn cái gì, mà hai ba bận cứ nhòm qua cửa sổ mà ngó vào trong phòng này...

Một lát sau, các vị sư lại trở sang cùng với Tăng phu nhân, thân mẫu Man-Ny và mấy người nhà họ có mang đèn lồng, đi theo, để soi đường.

Lý di má đã thắng đồng sau mấy bài kinh và má ta nói, má ta chẳng còn như một tí gì « sốt cả ». Người nhà phù nhà má ta về giường để má ta ngủ.

Cuộc lễ đêm lại bắt đầu. Các hòa thượng bắt thắp thêm thật nhiều nến, để chung quanh linh cữu, vì sắp có cuộc chạy đàn.

Thanh la, náo bạt, trống, chiêng, liu, mõ, bắt đầu rung. Các nhà sư tụng kinh sám hối. Trong buồng, lúc đó, sáng rực và huyền ảo lạ thường.

(Còn nữa)

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

Ch ú ý

Các bạn đọc đón coi phần cuối của thiên khảo luận « Nguồn văn liệu của TRINH-THỦ và KIM-VÂN-KIỀU » của ông Thuần-Phong sẽ tiếp đăng trong những số tới.

*BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất*



**SẠCH - SẼ
TIỀN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- | | |
|----------|----------------------------------|
| B | - Đốt cháy liền |
| U | - Khởi mát ngay giờ |
| T | - Không khói, không bụi |
| A | - Dùng nấu nướng các thứ |
| G | - Không làm nhút dầu hay cay mắt |
| A | - Khởi phải coi chừng ngọn lửa |
| Z | - Một bình hơi dùng: |

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 kí-lô-vát điện

HÀNG LA-VE B.G.I

*Phung, Su' nên
Kính tế Việt-Nam
tử năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

NEVER SUCH A SIGHT! NEVER SUCH MIGHT!



WARNER BROS. PRESENT
**GREGORY
PECK**

**RICHARD, LEO
BASEHART GENN**

IN THE
JOHN HUSTON

PRODUCTION OF HERMAN MELVILLE'S

MOBY DICK



COLOR BY **TECHNICOLOR**

SCREEN PLAY BY PAUL BRADBURY AND JOHN HUSTON • A MOULIN PICTURE DIRECTED BY JOHN HUSTON • PRESENTED BY WARNER BROS.

WILL BE PLAYED FROM DECEMBER 24 TO 31 1957

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois treuil et palan!

*pour lever, tirer,
tirer, tendre
attacher et...*

Toutes forces
par mouillage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(BREVETÉ)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés.

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(traction seule)
Forces : 1500 et 3000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

*1 Tirfor rend
1000 services!*
Demandez-nous la
brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài-gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG - TANANARIVE - TAMATAVE - ABIDJAN - DOUALA



Dùng Hộp Quạt là BLUE BIRD
phụng-sự nên kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

345, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tin Forestière

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32 Đường Pasteur

— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL & INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHLING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs Industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes & mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perceuses
		BERNADOU	
	MULLER et PESANT	Tours à métaux et à bois	



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whisky V.O. (Canadian)
NOILLY	Vermouth	FOUR ROSES	Bourbon
PRAT			



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine « les deux béliers »
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses
			{ AVEN ETOILE

THIRIEZ & CARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder & à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)
« MÉLIA »

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE **HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY**



Eau de Cologne et Lotion **de** **PREMIÈRE QUALITÉ**



Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-dẫn.

Các nhà buôn muốn ỏi bán (đư trả lại), đơ nơi Văn-Phòng Công Ty
135, Pasteur — SAIGON

HOOSE



15¢

Thuốc thơm hảo hạng

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP CHÍ BACH-KHOA

XUẤT BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA THIẾT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA,
XÃ HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VẤN - LANG

hợp tác cùng các bạn :

LÊ ĐÌNH CHẤN

TĂNG VĂN CHÍ

ĐỖ TRỌNG CHU

LÊ THÀNH CƯỜNG

TRẦN LƯU DÝ

LÊ PHÁT ĐẠT

NGUYỄN VĂN ĐẠT

NGUYỄN LÊ GIANG

PHẠM NGỌC THUẦN GIAO

NGUYỄN HỮU HẠNH

LÊ VĂN HOÀNG

NGUYỄN VĂN KHẢI

PHẠM DUY LÂN

NGUYỄN QUANG LÊ

TRẦN LONG

BÙI BÁ LƯU

DƯƠNG CHÍ SANH

NGUYỄN HUY THANH

BÙI XIẾN THÀNH

HOÀNG KHẮC THÀNH

PHẠM NGỌC THẢO

BÙI VĂN TRIỆT

NGUYỄN TẤN THỊNH

VŨ NGỌC TIẾN

VŨ THU TỊNH

NGUYỄN TẤN TRUNG

PHẠM KIM TƯƠNG

HOÀNG MINH TÙNG

BÙI CÔNG VĂN